



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
VIETNAM OIL AND GAS GROUP



**BÁO AN TOÀN
SỨC KHỎE
CÁO MÔI TRƯỜNG**
THƯỜNG NIÊN NĂM
2020

Hà Nội, tháng 8, năm 2021

| BẢO AN TOÀN
| CẤP SỨC KHỎE
MÔI TRƯỜNG

THƯỜNG NIÊN NĂM

2020

Hà Nội, tháng 8 năm 2021

LỜI MỞ ĐẦU

Kính thưa Quý vị!

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) xin hân hạnh giới thiệu tới Quý vị ấn phẩm Báo cáo An toàn Sức khỏe Môi trường thường niên năm 2020. Báo cáo được xuất bản với mục đích công bố tới tất cả các đối tác và bên liên quan về kết quả hoạt động trong lĩnh vực An toàn Sức khỏe Môi trường (ATSKMT) trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Tập đoàn).

PVN và các đơn vị thành viên cam kết thực hiện các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ tuân thủ mọi yêu cầu pháp luật và đạt các chuẩn mực về ATSKMT; kiểm soát và hạn chế tối đa các rủi ro liên quan; và tham gia, gắn bó có trách nhiệm với cộng đồng hướng tới sự phát triển bền vững.

PVN cũng là một trong những đơn vị đầu tiên của ngành Công Thương xây dựng Kế hoạch Hành động giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó xác định các mục tiêu, định hướng và giải pháp dựa trên hiện trạng và tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính của từng đơn vị thành viên. Việc từng bước được hiện thực hóa kế hoạch sẽ góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững cũng như thực thi trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội của Tập đoàn.

PVN đã đặt phát triển bền vững là quan điểm xuyên suốt trong chiến lược phát triển, thể hiện thông qua: (1) Ưu tiên phát triển năng lượng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm quốc phòng an ninh; (2) Ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; (3) Ưu tiên phát triển điện khí, có lộ trình giảm tỷ trọng điện than một cách hợp lý; (4) Khuyến khích đầu tư và sử dụng công nghệ, trang thiết bị tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường.

Báo cáo An toàn Sức khỏe Môi trường thường niên năm 2020 tiếp tục thể hiện cam kết mạnh mẽ của PVN đối với sự phát triển bền vững, đồng thời mang lại một kênh thông tin có giá trị để cung cấp cho các đối tác, khách hàng, các đơn vị, các cấp quản lý, cán bộ chuyên trách ATSKMT và người lao động.

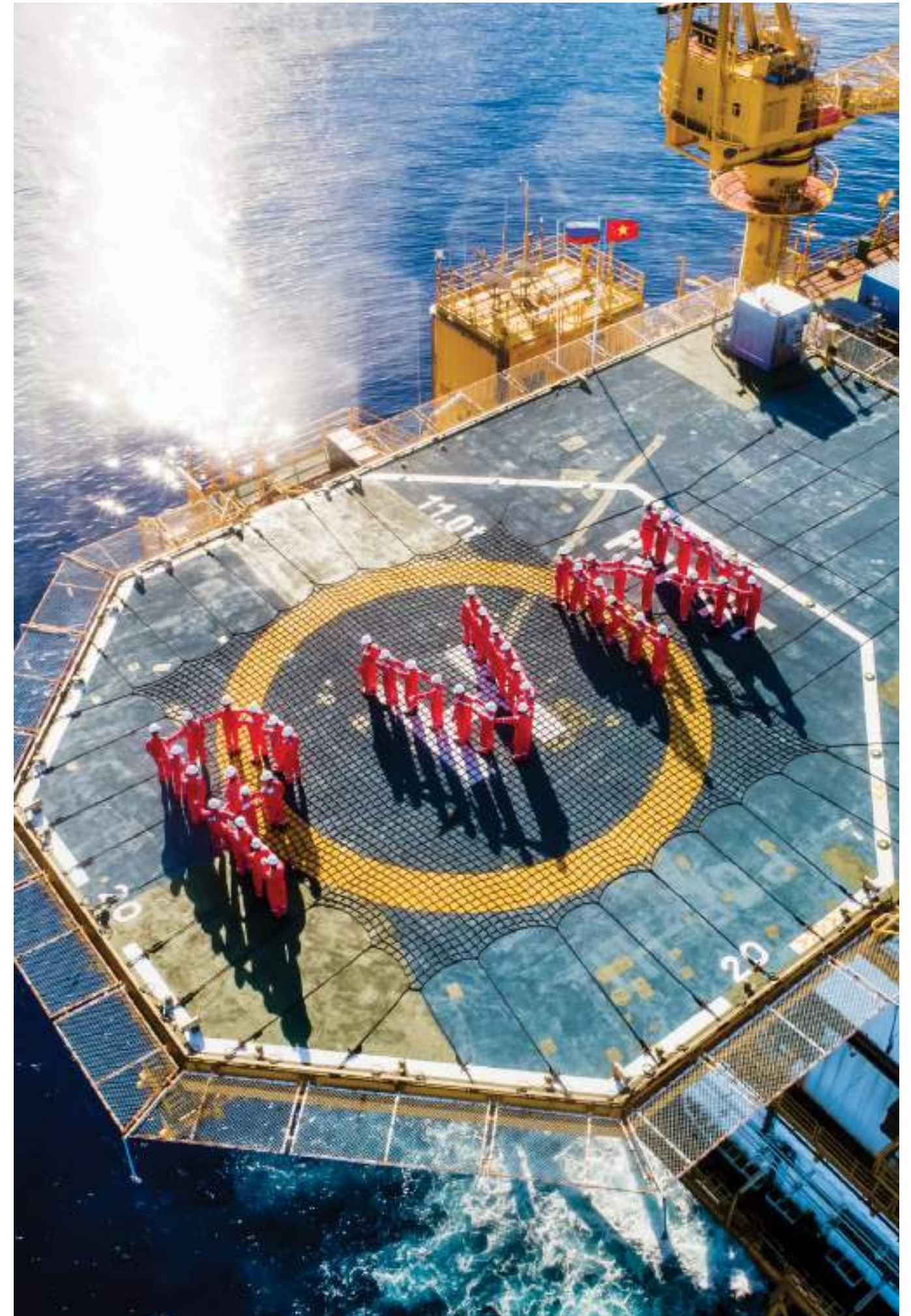
Chúng tôi rất mong nhận được các góp ý quý báu của Quý vị về chất lượng của Báo cáo, để từng bước nâng cao chất lượng lập báo cáo trong những kỳ tiếp sau.

Trân trọng cảm ơn.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM



TS Lê Xuân Huyền



MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU
Trang 4-5

BÁO AN TOÀN
CÁO SỨC KHỎE
MÔI TRƯỜNG

THƯỜNG NIÊN NĂM
2020

01

Trang 8-17

GIỚI THIỆU
KHÁI QUÁT

Giới thiệu Tập đoàn, sản phẩm, dịch vụ, lĩnh vực kinh doanh sản xuất

Cơ cấu tổ chức và đơn vị thành viên

Hình thức sở hữu, quy định pháp luật về quy chế hoạt động

Phạm vi quốc gia có hoạt động, trụ sở chính

Hệ giá trị cốt lõi trong văn hóa doanh nghiệp

02

Trang 18-19

THÔNG ĐIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN
DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

Hoạt động sản xuất - kinh doanh

Kết quả hoạt động về an toàn, sức khỏe môi trường

03

Trang 20-23

TÓM TẮT
CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH
GIAI ĐOẠN 2016-2020

Mục tiêu, phạm vi của báo cáo

Nguyên tắc thực hiện

Nguồn thông tin, dữ liệu sử dụng trong báo cáo

04

Trang 24-27

GIỚI THIỆU
VỀ BÁO CÁO

Thông tin chung

Quản trị phát triển bền vững

Phối hợp giữa các Bên liên quan

Phát triển đổi mới

Môi trường

An toàn sức khỏe và an toàn công nghệ

Ứng phó tình huống khẩn cấp

Đào tạo, tập huấn ATSKMT

Người lao động

Công tác an sinh - xã hội

Truyền thông và văn hóa doanh nghiệp

05

Trang 28-117

THỰC THI PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG

Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Bảng xếp hạng (PROFIT500) 2020

Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất năm 2020

Xếp hạng tín nhiệm độc lập Fitch Ratings

Cờ thi đua của Chính phủ

Tuyên dương điển hình “Dân vận khéo”

Tuyên dương “Người thợ trẻ giỏi” toàn quốc lần XI năm 2020

06

Trang 118-125

GHI NHẬN
KHEN THƯỞNG

01

Trang 8-17

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT

Giới thiệu Tập đoàn, sản phẩm, dịch vụ, lĩnh vực kinh doanh sản xuất

Cơ cấu tổ chức và đơn vị thành viên

Hình thức sở hữu, quy định pháp luật về quy chế hoạt động

Phạm vi quốc gia có hoạt động, trụ sở chính

Hệ giá trị cốt lõi trong văn hóa doanh nghiệp

GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ, LĨNH VỰC KINH DOANH SẢN XUẤT

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là Tập đoàn, Petrovietnam) là nhóm công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, bao gồm Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là PVN); các doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn và các công ty liên kết của Tập đoàn.

PVN là công ty Nhà nước được quyết định chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ. PVN là đơn vị được tiến hành các hoạt động dầu khí và ký kết hợp đồng dầu khí với tổ chức, cá nhân để tiến hành các hoạt động dầu khí theo quy định của pháp luật.

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam là tập đoàn kinh tế nòng cốt của ngành Dầu khí, tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính là: (1) Tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí; (2) Công nghiệp khí; (3) Công nghiệp điện; (4) Chế biến, tồn trữ và phân phối sản phẩm dầu khí; (5) Dịch vụ dầu khí, trong đó lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí là cốt lõi; đẩy mạnh phát triển hóa dầu, chế biến sâu các sản phẩm khí và dịch vụ dầu khí chất lượng cao; năng động, có tiềm lực mạnh về tài chính và khoa học công nghệ, có sức cạnh tranh cao ở trong nước và quốc tế, góp phần quan trọng trong quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.



CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của PVN gồm có:

1. Hội đồng Thành viên.
2. Ban Kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
4. Bộ máy giúp việc, Ban Kiểm soát nội bộ.

Đơn vị thành viên:

Quan hệ giữa PVN và các doanh nghiệp thành viên/các doanh nghiệp liên kết là mối quan hệ theo pháp luật và theo thỏa thuận. Trong đó, PVN quản lý các doanh nghiệp thành viên/doanh nghiệp liên kết bằng việc thực hiện quyền của chủ sở hữu và thông qua người đại diện tại đơn vị.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



ÔNG HOÀNG QUỐC VƯỢNG
Chủ tịch Hội đồng Thành viên



ÔNG LÊ MẠNH HÙNG
Thành viên Hội đồng Thành viên



ÔNG PHẠM XUÂN CẢNH
Thành viên Hội đồng Thành viên



ÔNG NGUYỄN HÙNG DŨNG
Thành viên Hội đồng Thành viên



ÔNG NGUYỄN VŨ TRƯỜNG SƠN
Thành viên Hội đồng Thành viên



ÔNG PHAN NGỌC TRUNG
Thành viên Hội đồng Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG LÊ MẠNH HÙNG
Tổng Giám đốc



ÔNG ĐỖ CHÍ THANH
Phó Tổng Giám đốc



ÔNG LÊ XUÂN HUYỀN
Phó Tổng Giám đốc



ÔNG NGUYỄN VĂN MẬU
Phó Tổng Giám đốc



ÔNG PHẠM TIẾN DŨNG
Phó Tổng Giám đốc



ÔNG LÊ NGỌC SƠN
Phó Tổng Giám đốc

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN (tiếp)



HÌNH THỨC SỞ HỮU, QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

PVN hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVN quy định tại Nghị định 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018.

Năm 2020, PVN đã công bố Bộ Quy chế quản trị nội bộ Tập đoàn theo dạng sách điện tử E-book. Bộ Quy chế ra đời với mục tiêu hoàn thiện và chuẩn hóa hệ thống văn bản quy phạm nội bộ, đáp ứng các yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Bộ quy chế là tài liệu giúp PVN định hướng, kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên, đảm bảo tuân thủ pháp luật Việt Nam. Hình thức sách điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho việc thường xuyên rà soát, cập nhật Bộ Quy chế để phù hợp với quy định pháp luật và hoạt động của Tập đoàn, đảm bảo sự phát triển bền vững và tính minh bạch của Tập đoàn.



PHẠM VI QUỐC GIA CÓ HOẠT ĐỘNG, TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: +84-4-38252526, Fax: +84-4-38265942.
Website: <http://www.pvn.vn>.
Tập đoàn đang triển khai thực hiện nhiều hợp đồng phát triển khai thác và tìm kiếm thăm dò dầu khí tại các quốc gia và vùng lãnh thổ, tập trung chủ yếu tại những khu vực có tiềm năng dầu khí, cụ thể như sau:

TT	DỰ ÁN	NĂM	CHỦ ĐẦU TƯ
I DỰ ÁN DO PVN THỰC HIỆN (Dự án Phát triển Khai thác)			
1	Nhenhexky - LB Nga (49%)	2008	PVN
2	Nagumanov - LB Nga (49%)	2010	PVN
II DỰ ÁN DO PVEP THỰC HIỆN			
Dự án Phát triển Khai thác			
1	Junin 2 - Venezuela (40%)	2010	PVEP
2	Lô 433a&416b - Algeria (40%)	2002	PVEP
3	Lô 67 - Peru (50%)	2012	PVEP
Dự án Tìm kiếm Thăm dò			
1	Lô 39 - Peru (35%)	2011	PVEP



HỆ GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP PVN



“
Hãy làm việc với khát
vọng lớn, chiến lược đúng và
thực thi vượt trội là bảo đảm
thành công trong công việc
và cuộc sống
”

Khát vọng: Là động lực vươn lên những tầm cao mới
Trí tuệ: Là sức mạnh phát triển
Chuyên nghiệp: Là khoa học, sáng tạo
Nghĩa tình: Là chất keo gắn kết

Khát vọng	Luôn ý thức và nuôi dưỡng khát vọng của người lao động Dầu khí là tiền đề để biến thách thức thành động lực, biến những điều không thể thành có thể, biến ước mơ thành sự thật, với trí thức và niềm tin vững chắc của người Dầu khí, chúng ta có trách nhiệm tiếp bước và làm rạng danh Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
Trí tuệ	Liên tục tìm tòi, sáng tạo là phương châm hành động trong từng công việc, trong mọi mặt của thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh. Tự đào tạo, cập nhật, kế thừa kiến thức, trí tuệ của người Dầu khí và nhân loại để ứng dụng trong công việc. Làm việc với tư duy phân biện, luôn đặt câu hỏi với những sự việc nhỏ nhất, tôn trọng các ý kiến trái chiều. Mỗi một việc làm luôn có nhiều phương án thực hiện, mỗi sự vật hiện tượng luôn có mặt trái và sẽ không bao giờ có phương án hoàn hảo cho mọi vấn đề. Coi trí thức, sự sáng tạo là sức sống, là đòn bẩy phát triển nhằm tạo ra giá trị khác biệt và bản sắc văn hóa riêng của người lao động Dầu khí trong mỗi công việc, sản phẩm, dịch vụ.
Chuyên nghiệp	Chuyên tâm với công việc, luôn nỗ lực, trách nhiệm thực hiện công việc nhằm đạt được hiệu quả cao nhất là phương châm hành động của người lao động Dầu khí. Tôn trọng các quy định của pháp luật, của tổ chức và tuân thủ trong mỗi công việc. Hành động theo quy định nhưng cũng cần điều chỉnh/thay đổi (hoặc đề xuất điều chỉnh/thay đổi) các quy định cho phù hợp với thực tiễn nhằm đem lại những lợi ích cao hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
Nghĩa tình	Xây dựng môi trường làm việc, mà ở đó không chỉ có quan hệ đồng nghiệp mà còn là nghĩa tình và tấm lòng nhân ái, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc và cuộc sống để mỗi khi rời xa thấy nhớ và cảm thấy ấm áp khi được trở về mái ấm gia đình Petrovietnam. Không chỉ làm việc và cống hiến vì sự phát triển của riêng ngành Dầu khí mà trong mỗi hành động, việc làm phải luôn có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội và bảo vệ môi trường

02

Trang 18-19

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM



Năm 2020 vừa qua, tình hình kinh tế - xã hội thế giới có nhiều biến động, đặc biệt là tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 đồng thời với tình trạng khủng hoảng giá dầu chưa từng có trong lịch sử. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, lần đầu tiên phải trải qua “cuộc khủng hoảng kép” trong quá trình xây dựng và phát triển của Tập đoàn.

Tuy nhiên, nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của Đảng và Chính phủ, sự hỗ trợ tích cực, trực tiếp từ các bộ, ban, ngành, các địa phương và sự hợp tác của các Quý đối tác, Petrovietnam đã đoàn kết, quyết tâm và tập trung mọi nguồn lực để thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp ứng phó tác động của “khủng hoảng kép”, duy trì ổn định, liên tục và an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2020 được giao: Tổng doanh thu toàn Tập đoàn đạt trên 566 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Tập đoàn đạt trên 19,9 nghìn tỷ đồng; Nộp ngân sách Nhà nước 83 nghìn tỷ đồng. Các chỉ tiêu sản xuất thuộc lĩnh vực cốt lõi của Tập đoàn như: Gia tăng trữ lượng dầu khí, sản lượng khai thác, sản xuất xăng dầu, đạm... đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Tập đoàn đã hoàn thành trên 100% kế hoạch nộp ngân sách Nhà nước, góp phần quan trọng vào cân đối ngân sách Nhà nước năm 2020. Petrovietnam là một

số ít các doanh nghiệp dầu khí trên thế giới hoạt động có lãi trong năm 2020.

Năm 2021, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, một mặt duy trì, tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp trên phạm vi toàn thế giới và đang cao điểm bùng phát tại khu vực; mặt khác phải nỗ lực tối đa đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh, duy trì tăng trưởng. Với nỗ lực và thành quả đã đạt được trong năm 2020, Petrovietnam tiếp tục tự tin, giữ bản lĩnh vững vàng khắc phục và vượt qua những khó khăn, thách thức để triển khai thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.

Trước những khó khăn hiện hữu, Petrovietnam xác định thử thách cũng chính là cơ hội để bứt phá và khẳng định bản lĩnh, năng lực nội tại của Tập đoàn. Những thành quả Petrovietnam đã đạt được trong thời gian qua chính là tiền đề và mục tiêu phấn đấu để ngành Dầu khí Việt Nam tiếp tục đứng vững và phát triển. Petrovietnam đang tập trung triển khai hoạt động SXKD với chiến lược phù hợp, linh hoạt để tối ưu hóa hiệu quả cũng như phát huy hơn nữa những thế mạnh của Tập đoàn. Theo đó, Petrovietnam chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng công tác dự báo các vấn đề kinh tế - xã hội trong năm 2021 để xây dựng các kịch bản linh hoạt, phù hợp, làm cơ sở xác định định hướng cho công tác quản trị hiệu quả, lấy lại đà tăng trưởng; tiếp tục rà soát hướng tới tối ưu, tiết giảm chi phí vận hành, cân đối sản lượng giữa các mỏ; duy trì, phát huy hiệu quả chuỗi giá trị từ khai thác - chế biến - vận chuyển - phân phối sản phẩm; kết hợp triển khai và hoàn thiện ứng dụng hệ thống quản trị trên nền tảng số nhằm tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả quản lý và hoạt động SXKD.

Bên cạnh đó, Tập đoàn duy trì chính sách, chủ trương hợp tác với các đối tác trong hoạt

động thăm dò, khai thác dầu khí trên vùng biển và thềm lục địa Việt Nam, phục vụ phát triển kinh tế đồng thời thực hiện hợp tác chặt chẽ, có hiệu quả theo các quy chế phối hợp và các Thỏa thuận hợp tác giữa Tập đoàn với các bên liên quan để chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát, điều tra cơ bản, tìm kiếm, thăm dò dầu khí nhằm gia tăng trữ lượng dầu khí cũng như góp phần vào bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm 2021-2025. Việc hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 sẽ tạo niềm tin, khí thế để Petrovietnam bước vào giai đoạn phát triển mới. Chúng tôi tin rằng, với sự ủng hộ quý báu của Quý vị khách hàng, sự hợp tác hiệu quả và tin cậy của các đối tác trong và ngoài nước, Petrovietnam sẽ thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh theo chiến lược đã đặt ra và tiếp tục phát triển ổn định, bền vững, giữ vai trò là một trong những đầu tàu kinh tế, góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế của đất nước trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

Thay mặt lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, tôi xin chúc Quý vị khách hàng và đối tác sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

HOÀNG QUỐC VƯỢNG

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

03

Trang 20-23

TÓM TẮT CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Hoạt động sản xuất - kinh doanh
.....
Kết quả hoạt động về an toàn,
sức khỏe môi trường
.....

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH

Mục	Chỉ số	2016	2017	2018	2019	2020
I	Khai thác Dầu khí					
1	Dầu thô (triệu tấn)	17,2	15,5	14,0	13,1	11,5
1.1	Trong nước	15,2	13,6	12,0	11,0	9,7
1.2	Ngoài nước	2,0	2,0	2,0	2,0	1,8
2	Khí (tỷ m³)	10,6	9,9	10,0	10,2	9,0
II	Sản xuất sản phẩm					
1	Điện (tỷ kW)	21,1	20,6	21,0	22,5	19,2
2	Đạm (nghìn tấn)	1.622,2	1.649,1	1.628,0	1.576,7	1.802,7
3	Xăng dầu các loại (nghìn tấn)	6.864,4	6.239,0	9.403,0	11.533,0	11.849,1
III	Tiêu thụ năng lượng (triệu GJ)	265,53	273,40	293,77	341,42	288,37
1	Thăm dò khai thác dầu khí	29,04	43,56	48,92	49,83	29,88
2	Vận chuyển, chế biến và kinh doanh khí	1,40	1,57	2,04	2,05	2,17
3	Công nghiệp điện	171,58	166,42	173,20	185,42	164,79
4	Công nghiệp chế biến dầu khí (lọc dầu)	14,42	12,58	17,07	13,42	12,64
5	Công nghiệp chế biến dầu khí (đạm)	44,83	44,67	44,70	44,96	46,49
6	Dịch vụ dầu khí	4,26	4,60	7,85	45,74	32,40



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VỀ AN TOÀN, SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

Mục	Chỉ số	2016	2017	2018	2019	2020
A	Môi trường					
1	Phát thải khí nhà kính trực tiếp (triệu tấn CO _{2e})	25,84	18,39	19,49	21,03	24,10
1.1	CO ₂	24,14	17,85	18,78	20,25	23,34
1.2	CH ₄	1,54	0,46	0,61	0,67	0,64
1.3	N ₂ O	0,17	0,07	0,10	0,11	0,12
2	Phát thải KNK theo lĩnh vực (triệu tấn CO _{2e})					
2.1	Thăm dò khai thác dầu khí	10,62	3,33	4,40	4,80	4,64
2.2	Vận chuyển, chế biến và kinh doanh khí	0,08	0,08	0,09	0,12	0,12
2.3	Công nghiệp điện	10,89	10,95	11,14	11,81	12,59
2.4	Công nghiệp chế biến dầu khí (lọc dầu)	1,88	1,84	1,65	2,02	1,76
2.5	Công nghiệp chế biến dầu khí (đạm)	2,02	1,88	1,86	1,69	1,59
2.6	Dịch vụ dầu khí	0,36	0,32	0,34	0,58	3,40
3	Phát thải khí các nhà máy trong bờ (điện, lọc hóa dầu, đạm)					
3.1	Tổng lưu lượng phát thải (tỷ m ³)	152	111	158	157	136
3.2	SO _x (tấn)	ND	ND	2.822	3.051	3.039
3.3	NO _x (tấn)	ND	ND	18.719	19.315	17.829
4	Flare (tấn)	431.996	404.743	332.056	299.988	293.029
4.1	Khai thác dầu khí	420.000	390.000	320.000	287.000	280.000
4.2	Lọc hóa dầu	7.826	10.837	8.151	9.956	10.343
4.3	Sản xuất đạm	4.171	3.905	3.905	3.032	2.686
5	Tiêu thụ điện (triệu kW)	714	470	1.104	1.244	1.130

Mục	Chỉ số	2016	2017	2018	2019	2020
6	Tiêu thụ nước (triệu m ³)					
6.1	Nước mặt	773	1.005	1.439	2.077	2.045
6.2	Nước ngầm	0,22	0,39	0,39	0,20	0,15
6.3	Nước cấp	1,15	1,03	7,00	8,82	8,94
7	Nước thải (triệu m ³)					
7.1	Nước thải sinh hoạt	2,22	1,13	1,26	1,50	1,48
7.2	Nước thải công nghiệp	14,29	16,26	25,88	20,81	228,30
7.3	Nước khai thác (khai thác dầu khí)	25,57	17,84	26,73	26,65	24,64
8	Chất thải (tấn)					
8.1	Chất thải sinh hoạt	4.414	3.762	1.542	1.605	5.675
8.2	Chất thải công nghiệp	0	0	14.800	18.341	13.692
8.3	Chất thải nguy hại	4.011	2.536	3.054	2.776	11.307
8.4	Tro xỉ thải (nhiệt điện than)	421.580	578.848	582.252	775.700	878.791
8.5	Mùn khoan thải (khai thác dầu khí)					
8.5.1	Mùn khoan nền nước	5.281	4.503	11.011	7.560	7.513
8.5.2	Mùn khoan nền tổng hợp	247	173	1.207	589	946
8.5.3	Mùn khoan nền dầu	1.492	352	0	0	0
B	An toàn, sức khỏe					
1	Số người tử vong (người)	1	1	0	2	1
2	Tai nạn ghi nhận (tai nạn)	19	26	20	32	35
3	Tai nạn mất ngày công (tai nạn)	10	11	7	15	16
4	TRIR (tai nạn/triệu giờ)	0,15	0,23	0,21	0,35	0,38
5	LTIF (tai nạn/triệu giờ)	0,08	0,10	0,07	0,16	0,17
6	Số lao động (người)	52.615	50.267	52.180	51.759	54.600
7	Số lao động (nữ)					
8	Số giờ làm việc (triệu giờ)	123,18	112,06	97,39	91,66	93,16

04

Trang 24-27

GIỚI THIỆU VỀ BÁO CÁO

Mục tiêu, phạm vi của báo cáo

Nguyên tắc thực hiện

Nguồn thông tin, dữ liệu sử dụng trong báo cáo

MỤC TIÊU, PHẠM VI CỦA BÁO CÁO

Báo cáo thường niên ATSKMT này sẽ tập trung vào đánh giá các hoạt động trong lĩnh vực an toàn, sức khỏe và môi trường của Tập đoàn; đánh giá và ghi nhận các thành quả đạt được nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác ATSKMT và hướng đến sự phát triển bền vững của ngành. Bên cạnh đó, Báo cáo thường niên ATSKMT cũng là phương tiện để công bố và quảng bá cho công tác ATSKMT của Tập đoàn đến cộng đồng trong nước và quốc tế nhằm nâng cao vị thế và uy tín của Tập đoàn, góp phần tạo nên thương hiệu Tập đoàn.

Phạm vi báo cáo:

Phạm vi của báo cáo bao gồm các hoạt động của PVN và các đơn vị thành viên, các thông tin, dữ liệu chủ yếu tập trung về ATSKMT, xã hội, tài chính, vận hành, lực lượng lao động... Số liệu sử dụng trong báo cáo là chuỗi số liệu từ quý I/2016 đến quý IV/2020.

NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Nguyên tắc lập Báo cáo thường niên ATSKMT năm 2020 được xây dựng bám sát theo Tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững hợp nhất phát hành năm 2016 (Consolidated set of GRI Standards) của GRI - Global Report Initiative Guidelines. Ngoài ra, Báo cáo cũng tham khảo Hướng dẫn xây dựng Báo cáo phát triển bền vững trong Công nghiệp Dầu khí (Oil and Gas industry guidance on voluntary sustainability reporting) của tổ chức IPIECA phiên bản 4 năm 2020.

Các chỉ tiêu trong Bộ tiêu chuẩn GRI Standards được cấu trúc nhằm giúp các doanh nghiệp thực hiện báo cáo thuận tiện, minh bạch và hiệu quả. GRI Standards tương thích với phạm vi và tiêu chuẩn toàn cầu về công bố thông tin phát triển bền vững và minh bạch hóa các tác động về kinh tế, xã hội và môi trường để từ đó đồng nhất phương thức truyền đạt giữa các doanh nghiệp với bên liên quan

Cấu trúc Báo cáo được trình bày rõ ràng với 4 nội dung chính:

- Thông tin chung;
- Kết quả sản xuất - kinh doanh;
- Kết quả hoạt động về an toàn sức khỏe môi trường;
- Kết quả hoạt động về an sinh - xã hội.

NGUỒN THÔNG TIN, DỮ LIỆU SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO

Nguồn thông tin và dữ liệu sử dụng trong báo cáo được tham khảo từ các nguồn sau:

- (i) Cơ sở dữ liệu ATSKMT hiện hành của PVN giai đoạn 2016-2020;
- (ii) Cơ sở dữ liệu đang được lưu trữ tại một số đơn vị thành viên của Tập đoàn
- (iii) Các thông tin về cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động, cơ chế chính sách của PVN năm 2020;
- (iv) Các thông tin của Tập đoàn liên quan đến các khía cạnh an toàn, sức khỏe và môi trường, đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội:
 - » Thông tin liên quan đến thực hiện bảo vệ môi trường như: Sản xuất và tiêu thụ tài nguyên, năng lượng, nước; quản lý chất thải, khí thải; công tác bảo tồn đa dạng sinh học...;
 - » Thông tin về đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội bao gồm: Các thông tin về an toàn công nghiệp, môi trường lao động, sức khỏe và bệnh nghề nghiệp, thông tin về lực lượng lao động và các vấn đề liên quan, thông tin về công tác an sinh xã hội của Tập đoàn và các bên liên quan.
- (v) Các nguồn thông tin khác (Tài liệu hội thảo chuyên ngành ATSKMT, chuyên ngành kinh tế của PVN và các bên liên quan; Báo cáo thường niên của PVN; tạp chí, bài báo).

05

Trang 28-117

THỰC THI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Thông tin chung
- Quản trị phát triển bền vững
- Phối hợp giữa các Bên liên quan
- Phát triển đổi mới
- Môi trường
- An toàn sức khỏe và an toàn công nghệ
- Ứng phó tình huống khẩn cấp
- Đào tạo, tập huấn ATSKMT
- Người lao động
- Công tác an sinh - xã hội
- Truyền thông và văn hóa doanh nghiệp

THÔNG TIN CHUNG

CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC TƯƠNG LAI

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020
I	Khai thác Dầu khí	Tr.tấn quy đổi	20,36	20,47
1	Dầu thô	Triệu tấn	10,62	11,47
1.1	Trong nước	Triệu tấn	8,83	9,66
1.2	Ngoài nước	Triệu tấn	1,79	1,81
2	Khí	Tỷ m ³	9,74	9,00
II	Sản xuất sản phẩm			
1	Điện	Tỷ kWh	21,60	19,2
2	Đạm	Nghìn tấn	1.562	1.802,7
3	Xăng dầu các loại	Nghìn tấn	11.824	11.849,1

Trong bối cảnh cả nước và thế giới đang đối mặt với rất nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh một cách an toàn, ổn định, đóng góp rất quan trọng vào kết quả tăng trưởng GDP 2,91% của Việt Nam. Đáng chú ý là năm 2020, Tập đoàn tiếp tục được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings đánh giá tín nhiệm độc lập ở mức BB+.

Tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí

Năm 2020, tuy gặp nhiều khó khăn nhưng công tác thăm dò, khai thác dầu khí của Tập đoàn được triển khai theo đúng kế hoạch đề ra, đặc biệt phát hiện dầu khí mới tại giếng khoan Kèn Bàu -2X (Lô 114, ENI).

Một số thông tin tiêu biểu về hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của Tập đoàn trong năm 2020 như sau:

		Thực hiện	Kế hoạch
Sản lượng khai thác dầu khí	Tổng sản lượng	20,64 triệu tấn quy dầu	vượt 275 nghìn tấn quy dầu (= vượt 1,4%)
	- Sản lượng dầu:	11,47 triệu tấn	vượt 853 nghìn tấn
	- Sản lượng khí:	9,16 tỷ m ³	bằng 94% kế hoạch năm
Gia tăng trữ lượng dầu khí	năm 2020	15,02 triệu tấn quy dầu	10-15 triệu tấn quy dầu
Hoàn thành đầu tư, đưa vào khai thác	02 công trình dầu khí mới	Công trình giàn BK-21 vào ngày 02/10/2020; giàn CPP Sao Vàng vào ngày 16/11/2020;	
Phát hiện	02 phát hiện dầu khí mới	Kèn Bàu (Lô 114, ENI) và Sói Vàng (Lô 16-1/15, VSP)	
	dầu khí	BH- 53, Thiên Nga- 4XST	
Hoạt động thi công khoan		32 giếng khoan (gồm: 11 giếng khoan thăm dò thăm lượng và 21 giếng khoan khai thác, phát triển)	
Thu nộp địa chấn 3D		Hoàn thành 03 dự án với tổng khối lượng 2.280 km ²	

Lĩnh vực công nghiệp khí



Hệ thống công trình khí của Tập đoàn năm 2020 vận hành an toàn và hiệu quả; công tác bảo dưỡng sửa chữa, kiểm định hiệu chuẩn được triển khai theo kế hoạch, đặc biệt hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa trong thời gian dừng khí, đưa các hệ thống khí vào vận hành an toàn, trước tiến độ.

		Thực hiện	Kế hoạch
Sản xuất và kinh doanh	Cung cấp khí khô	8,70 tỷ m ³	
	Sản xuất và kinh doanh LPG	1.908 nghìn tấn	về đích trước kế hoạch 3 tháng
	Sản xuất và cung cấp condensate	58,2 nghìn tấn	vượt 6% kế hoạch
Hoàn thành đầu tư, đưa vào vận hành		Dự án Nam Côn Sơn 2 (giai đoạn 2) góp phần bổ sung đáng kể lượng khí giảm ở khu vực Đông Nam Bộ	
Hoàn thành đầu tư, đưa vào khai thác	02 công trình dầu khí mới	Công trình giàn BK-21 vào ngày 02/10/2020; giàn CPP Sao Vàng vào ngày 16/11/2020;	
Cung cấp khí ổn định để sản xuất		khoảng 20% sản lượng điện	
		trên 70% đạm	
		đáp ứng trên 65% thị phần LPG cả nước	



Lĩnh vực công nghiệp điện

Tập đoàn tiếp tục hợp tác chặt chẽ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)/AO trong việc thực hiện thị trường điện cạnh tranh, phối hợp hiệu quả giữa vận hành và huy động tối ưu công suất các nhà máy điện, bảo đảm cung cấp điện cho lưới điện quốc gia theo đúng kế hoạch đề ra.

		Thực hiện	Kế hoạch
Sản xuất và kinh doanh	Sản lượng điện năm 2020	19,17 tỷ kWh	Bằng 88,7% kế hoạch năm, giảm 15% so với thực hiện năm 2019
Hoàn thành đầu tư, đưa vào vận hành	Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	Hòa đồng bộ Tổ máy số 1 vào Hệ thống điện quốc gia vào ngày 26/11/2020	
Công tác sửa chữa bảo dưỡng định kỳ	Các nhà máy điện Hòa Na, Nhơn Trạch 2	Đúng quy trình, đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối	



Sản lượng điện năm 2020 giảm so với năm 2019 do các yếu tố khách quan như ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 dẫn đến nhu cầu tiêu thụ điện toàn quốc tăng trưởng thấp (phụ tải dự kiến năm 2020 chỉ tăng khoảng 2,16% so với kế hoạch đặt ra là 8,9%), nguồn cung của hệ thống điện quốc gia lại tăng đáng kể do các dự án năng lượng tái tạo đưa vào vận hành trong năm, các nhà máy nhiệt điện khí không được huy động/hoặc huy động với sản lượng thấp làm giá điện thị trường giảm...



Lĩnh vực chế biến dầu khí

Năm 2020 các đơn vị trong lĩnh vực chế biến dầu khí đã vận hành các công trình hiệu quả, an toàn và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Vận hành Nhà máy Lọc dầu Dung Quất an toàn, ổn định ở công suất tối ưu; chủ động điều chỉnh công suất phù hợp với diễn biến thị trường.

Đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và chi phí thấp hơn kế hoạch được phê duyệt. Qua kết quả bảo dưỡng tổng thể lần 4 cho thấy, BSR đã trưởng thành vượt bậc về khả năng tự chủ trong công tác quản trị bảo dưỡng tổng thể; nâng cao năng lực, kinh nghiệm, tiến tới tự chủ hoàn toàn trong công tác vận hành, bảo dưỡng các công trình công nghiệp dầu khí trong nước, giảm thiểu huy động nguồn lực từ nước ngoài, hướng tới cung cấp các dịch vụ ra bên ngoài.

		Thực hiện	Kế hoạch
Sản xuất và kinh doanh	Sản xuất xăng dầu	11,85 triệu tấn	vượt 0,2% kế hoạch năm
	Sản xuất đạm	1,56 triệu tấn	hoàn thành kế hoạch trước 1 tháng 17 ngày
		trên 371 nghìn tấn, trong đó:	
	Sản lượng đạm xuất khẩu	- Đạm Cà Mau đạt 300 nghìn tấn - Đạm Phú Mỹ đạt 71 nghìn tấn	
Công tác sửa chữa bảo dưỡng định kỳ	Công tác bảo dưỡng tổng thể lần 4 Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	Đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và giá cạnh tranh (thấp hơn khoảng 6 triệu USD so với tổng dự toán 7 gói thầu chính)	

Lĩnh vực dịch vụ dầu khí

Tác động từ đại dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động của tất cả các đơn vị dịch vụ dầu khí, cụ thể là đầu tư trong lĩnh vực thăm dò khai thác bị dừng/giảm tiến độ, dẫn đến nhiều hợp đồng dịch vụ cho thăm dò khai thác phải dừng triển khai so với kế hoạch. Tuy nhiên, trong năm 2020 hoạt động dịch vụ dầu khí đã đạt được một số kết quả tích cực như sau:

- (i) Trong lĩnh vực dịch vụ cơ khí dầu khí, công trình công nghiệp đã đạt được một số kết quả tích cực, chi tiết được liệt kê trong bảng bên dưới;
- (ii) Trong công tác phát triển dịch vụ dầu khí ra nước ngoài đã ký được một số hợp đồng dịch vụ quan trọng với các đối tác nước ngoài, điều này có ý nghĩa rất lớn trong bối cảnh khối lượng công việc dịch vụ, dự án ở trong nước rất hạn chế;
- (iii) Sự hợp tác, chia sẻ thông tin thị trường vô cùng chặt chẽ, có hiệu quả giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn để vượt qua những khó khăn do tác động kép gây ra, tối ưu nguồn lực, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.



Cụ thể một số hoạt động điển hình trong năm 2020 của lĩnh vực dịch vụ dầu khí như sau:

	Thực hiện
Sản xuất và kinh doanh	PTSC đã hoàn thành công tác chế tạo, vận chuyển, lắp đặt và chạy thử giàn Sao Vàng CPP vào ngày 28/7/2020 thuộc dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt (Chủ đầu tư Idemitsu Oil & Gas).
	Hoàn thành công tác chế tạo, vận chuyển và lắp đặt ngoài khơi 3 giàn khoan và 3 cầu dẫn với khối lượng lên đến gần 10.000 MT thuộc dự án GALLAF - Al Shaheen (Chủ đầu tư North Oil Company).
	Hoàn thành thực hiện Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt cho PVGAS.
	PV Drilling đã ký kết thành công hợp đồng cung cấp giàn khoan PV DRILLING V cho chiến dịch khoan tại Brunei của khách hàng Brunei Shell Petroleum (BSP) với thời hạn 6 năm chắc chắn và 4 năm tùy chọn.
	Hệ thống cảng căn cứ dịch vụ đã tổ chức tốt việc quản lý khai thác đảm bảo tuyệt đối an toàn, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu dịch vụ của kế hoạch trong và ngoài ngành dầu khí.
	PVOIL phối hợp với các bên PVTrans, BSR, PVEP trong việc điều độ, thu xếp lịch bốc các lô dầu Việt Nam cung cấp cho BSR nhằm tối ưu hóa chi phí vận chuyển, đảm bảo an toàn của các mỏ, giảm thiểu chi phí phát sinh.
	PVTrans thực hiện khai thác an toàn vận tải dầu thô, khí LPG, sản phẩm dầu và hóa chất, đảm bảo nhu cầu vận tải của BSR, PVGAS, GPP Cà Mau, PVOIL, NMLHD Nghi Sơn và các đầu mối xăng dầu khác; vận chuyển than cho NMNĐ Vũng Áng 1; khai thác vận chuyển tuyến quốc tế (năm 2020 đã có 7/13 tàu chở LPG được khai thác liên tục tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương; tham gia chào tàu VLCC vận chuyển thành công 3 chuyến dầu thô từ Trung Đông về NMLHD Nghi Sơn).
	Dịch vụ kỹ thuật dầu khí FSO/ FPSO: PVTrans tiếp tục vận hành ổn định, an toàn tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng, quản lý vận hành tàu FPSO Lewek Emas cho Premier Oil tại mỏ Chim Sáo và giàn CPP cho Idemitsu tại mỏ Sao Vàng-Đại Nguyệt.



PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Tập đoàn đặt mục tiêu ưu tiên sản phẩm hướng đến phục vụ thị trường trong nước và sẽ hoạt động theo cơ chế thị trường, cạnh tranh bình đẳng. Đối với những lĩnh vực có thế mạnh, có thể phát triển thị trường sang xuất khẩu thì sẽ chiếm lĩnh, mở rộng thị trường trọng yếu trong nước, đẩy mạnh phát triển thị trường ra nước ngoài (như sản xuất phân đạm, dịch vụ dầu khí...).

Lĩnh vực hoạt động		Thực hiện năm 2020	Thị trường tiềm năng
Sản xuất và kinh doanh		Sản xuất đạm hoàn thành vượt kế hoạch đề ra	Chiếm lĩnh và mở rộng thị trường trong nước
	Sản xuất đạm	Sản lượng đạm xuất khẩu đạt mức cao kỷ lục với trên 371 nghìn tấn, thị trường chủ yếu là Thái Lan, Myanmar, Ấn Độ và Brazil	Đẩy mạnh phát triển thị trường xuất khẩu
	Lọc hóa dầu	Cung cấp thị trường trong nước	Cung cấp thị trường trong nước
Công nghiệp khí		PV GAS cung ứng ra thị trường khí khô, các sản phẩm khí (LPG, KTA, CNG) và condensate, đáp ứng nhu cầu khí cho các hộ tiêu thụ lớn như các nhà máy điện, nhà máy đạm, các nhà máy công nghiệp tiêu thụ khí thấp áp, công nghiệp hóa chất, phân bón, giao thông vận tải và sinh hoạt dân dụng	Chuẩn bị và phát triển thị trường tiêu thụ khí hóa lỏng LNG (dự kiến được nhập khẩu và phân phối tại Việt Nam từ năm 2022-2023, LNG sẽ được cung cấp làm nhiên liệu cho các nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 tại Đồng Nai, nhà máy điện Sơn Mỹ 1 và Sơn Mỹ 2 tại Bình Thuận)
Dịch vụ dầu khí		Năm 2020, PV Drilling đã ký kết thành công hợp đồng cung cấp giàn khoan PV DRILLING V cho chiến dịch khoan của Brunei Shell Petroleum (BSP) tại Brunei	Phát triển thị trường trong nước Đây là nền tảng phát triển ở thị trường khoan tại Brunei

- Năm 2021, Tập đoàn tiến hành các giải pháp về thị trường như sau:
- » Tìm hiểu và khảo sát nhu cầu thị trường, đưa ra thị trường các sản phẩm mới có tính khác biệt để tạo lợi thế trên thị trường.
 - » Đẩy mạnh công tác truyền thông, thương hiệu, tìm kiếm khách hàng, phát triển thị trường.
 - » Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, lĩnh vực cung cấp nhằm đảm bảo an toàn, ổn định lâu dài.

DỰ TRỮ DẦU, KHÍ

Năm 2020, trữ lượng dầu khí do Tập đoàn phát hiện đã gia tăng với tổng trữ lượng đạt trên 15,0 triệu tấn quy dầu. Trữ lượng dầu khí được phát hiện tại mỏ Kèn Bầu-2X nằm trong Lô 114 (trữ lượng đạt trên 11,86 triệu tấn quy đổi), mỏ Sói Vàng (Lô 16-1/15, VSP) cùng một số phát hiện khác (tại các giếng khoan: BH 53, Thiên Nga- 4XST). Kết quả này đã giúp hệ số gia tăng trữ lượng bù trừ vào sản lượng khai thác năm 2020 ở mức 0,8 lần - đây là hệ số cao nhất của Tập đoàn kể từ năm 2015.

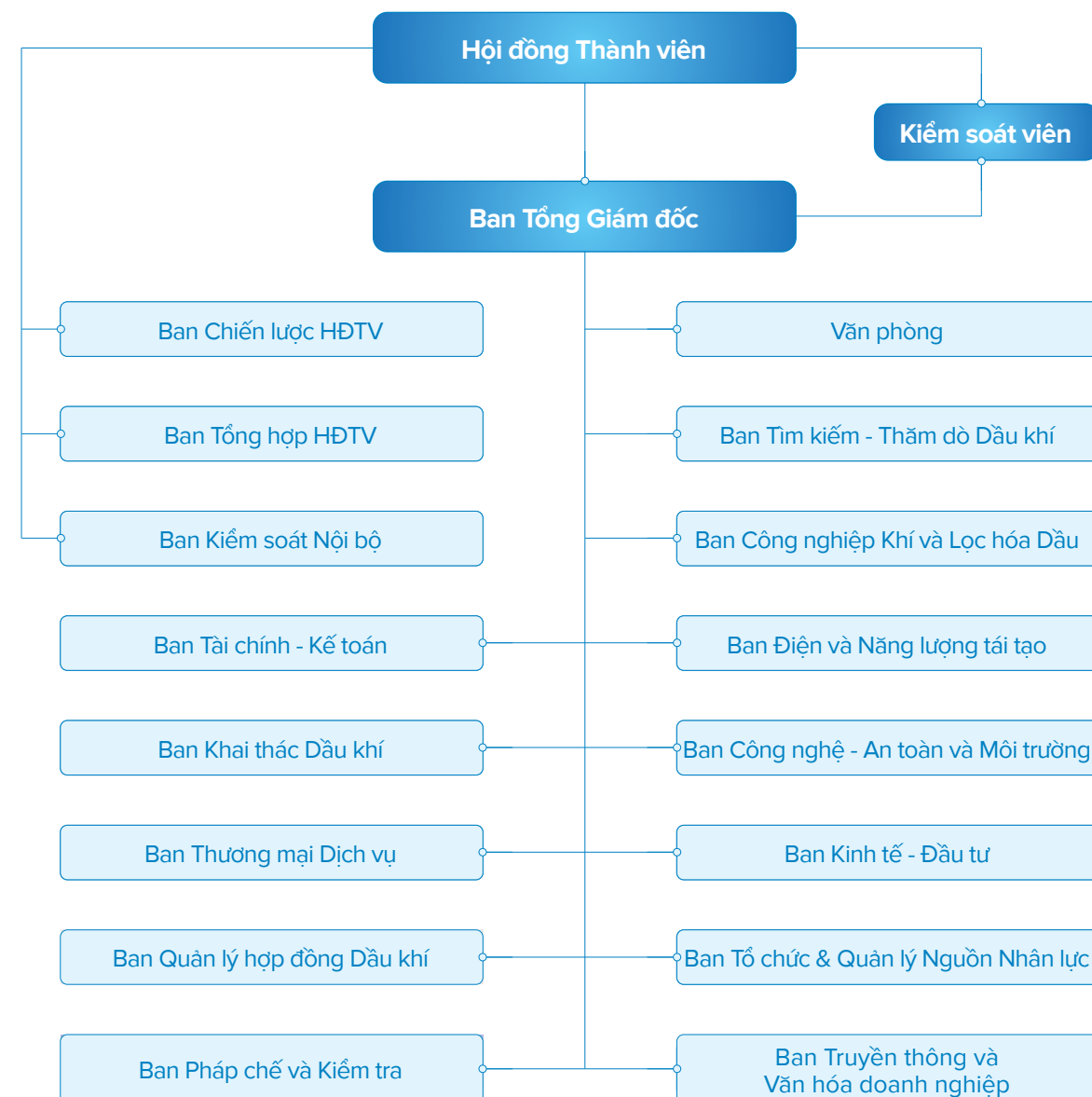
Tập đoàn sẽ tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò ở những vùng nước sâu, địa bàn khó khăn hơn để gia tăng trữ lượng dầu khí, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.



QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

Bộ máy quản lý và điều hành của Tập đoàn được thể hiện như sau:



CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Ngày 11/02/2020, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là những quan điểm, định hướng quan trọng tạo cơ hội cho toàn ngành năng lượng Việt Nam, trong đó có Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, có những bước phát triển trong thời gian tới.

Nghị quyết số 55-NQ/TW đã chỉ ra quan điểm chỉ đạo phát triển ngành năng lượng, có thể coi như định hướng chính sách phát triển cho ngành năng lượng nói chung và Tập đoàn nói riêng trong tương lai. Tóm tắt một số quan điểm chính liên quan tới phát triển bền vững như sau:

- » Ưu tiên phát triển năng lượng nhanh và bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm quốc phòng an ninh;
- » Phát triển đồng bộ, hợp lý và đa dạng hóa các loại hình năng lượng, ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch;
- » Khai thác và sử dụng hợp lý nguồn năng lượng hóa thạch trong nước;
- » Ưu tiên phát triển điện khí, có lộ trình giảm tỷ trọng điện than một cách hợp lý;
- » Khuyến khích đầu tư và sử dụng công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường;

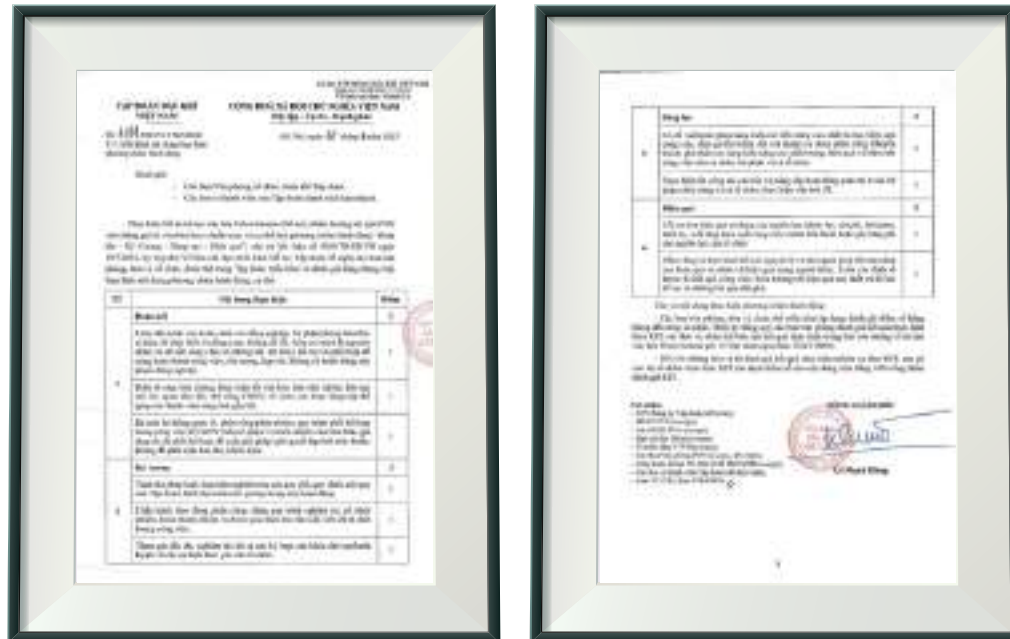
Trên cơ sở đó, chiến lược phát triển cho từng lĩnh vực của Tập đoàn như sau:

- » Lĩnh vực tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí: tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò nhằm gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác dầu khí tại các khu vực tiềm năng, nước sâu, xa bờ; nâng cao hệ số thu hồi, tận thu các mỏ nhỏ, cận biên; chủ động và hiệu quả trong hợp tác về tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí ở nước ngoài; đối với dầu khí đá phiến, khí hydrate (băng cháy): tích cực nghiên cứu, đánh giá sâu hơn về địa chất và áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật để mở rộng phạm vi khảo sát; sớm triển khai đánh giá tổng thể, đẩy nhanh khai thác thử nghiệm khi điều kiện cho phép.
- » Lĩnh vực chế biến dầu khí: tiếp tục thu hút đầu tư theo hướng chế biến sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm xăng dầu, chủ động đáp ứng tối đa nhu cầu trong nước và hướng đến xuất khẩu.
- » Lĩnh vực công nghiệp khí: ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhập khẩu và tiêu thụ khí tự nhiên hóa lỏng (LNG).
- » Lĩnh vực công nghiệp điện và năng lượng tái tạo: ưu tiên sử dụng nguồn khí trong nước, chú trọng phát triển nhanh nhiệt điện khí sử dụng LNG; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo, ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện.



PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Phương châm hành động của Tập đoàn: Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng tạo - Hiệu quả



Giá trị cốt lõi của PVN: “Khát vọng - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Nghĩa tình”

Đề thực hiện sứ mệnh: “Tối ưu hóa nguồn năng lượng dầu khí; đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế”.

Chính hệ giá trị cốt lõi của Văn hóa Petrovietnam đã tạo sức mạnh để Tập đoàn đối mặt với những tác động kép của đại dịch Covid-19 và giá dầu suy giảm. Sự lan tỏa của Văn hóa Petrovietnam đã tạo dựng nền tảng trí tuệ, quan điểm đồng nhất, gắn kết mọi người, tạo nên động lực lớn lao, khơi dậy sức mạnh tiềm tàng Dầu khí.

CHÍNH SÁCH AN TOÀN, SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bao gồm: Thăm dò, khai thác dầu khí, lọc-hóa dầu, công nghiệp khí, công nghiệp điện và dịch vụ dầu khí chất lượng cao, trong đó thăm dò dầu khí là giá trị

cốt lõi. Với đặc trưng là các ngành nghề đặc thù ẩn chứa nhiều rủi ro gây tác động tới môi trường bao gồm sự cố chất thải, sự cố tràn dầu, sự cố tràn đổ hóa chất, cháy nổ...

Với nỗ lực giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động tiêu cực do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cũng như phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra, từ ngày thành lập đến nay, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã xây dựng một hệ thống quản lý về ATSKMT. Hệ thống quản lý ATSKMT được xây dựng theo hướng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam có tham gia đồng thời không ngừng cải tiến công nghệ cũng như cập nhật các công nghệ mới giúp giảm thiểu phát thải ra môi trường và hạn chế tối đa các rủi ro không mong muốn. Tính đến thời điểm hiện tại mặc dù phạm vi hoạt động rộng với quy mô lớn, song Tập đoàn chưa để xảy ra bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến môi trường.

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng yêu cầu tất cả cán bộ, công nhân viên nhận thức và tuân thủ đầy đủ chính sách này trong mọi hoạt động của mình và cam kết:

- » Bảo đảm các hoạt động, các sản phẩm và các dịch vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên đáp ứng các yêu cầu pháp luật và đạt các chuẩn mực về ATSKMT;
- » Cung cấp các nguồn lực, hệ thống, các quy trình cần thiết để thiết lập và duy trì mức rủi ro thấp nhất có thể về ATSKMT;
- » Bảo đảm kế hoạch và năng lực ứng cứu khẩn cấp được xây dựng và duy trì để ứng cứu kịp thời, có hiệu quả trong các trường hợp khẩn cấp;
- » Đào tạo cho cán bộ, công nhân viên của mình các kiến thức về công tác ATSKMT phù hợp với công việc mà họ đảm nhận;
- » Định kỳ xem xét, đánh giá công tác quản lý và kết quả thực hiện công tác ATSKMT để cải tiến liên tục;
- » Ưu tiên và khuyến khích sử dụng các công nghệ mới tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên;
- » Tạo thuận lợi cho việc trao đổi giữa Tập đoàn và các đơn vị thành viên với cán bộ, công nhân viên, nhà thầu, khách hàng, nhà cung cấp và những người có liên quan về vấn đề cải thiện công tác ATSKMT.

Chính sách ATSKMT của Tập đoàn được xây dựng và không ngừng cập nhật và đổi mới nhằm đáp ứng những yêu cầu mới về bảo vệ môi trường đặc biệt trong bối cảnh Luật Bảo vệ môi trường mới được ban hành năm 2020. Tinh thần của chính sách ATSKMT của Tập đoàn đã được quán triệt tới tất cả các đơn vị thành viên trong Tập đoàn với cùng một mục tiêu bảo vệ môi trường, sức khỏe con người, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật đồng thời đảm bảo hoạt động sản xuất an toàn và hiệu quả.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Để đảm bảo quyền lợi của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy được những sáng kiến và năng lực cá nhân, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có những chính sách đãi ngộ đối với người lao động cụ thể như:

- » Ban hành thỏa ước lao động tập thể áp dụng cho người lao động làm việc tại Tập đoàn bao gồm các nội dung chính: Hợp đồng lao động và bảo đảm việc làm, thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi, định mức lao động và tiền lương, phúc lợi và đảm bảo chính sách xã hội, an toàn và vệ sinh lao động, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất;
- » Tạo môi trường làm việc đảm bảo an toàn và sức khỏe lao động, trang bị các phương tiện lao động/bảo hộ lao động theo từng yêu cầu cụ thể tại nơi làm việc theo hướng đảm bảo an toàn đồng thời nâng cao năng suất lao động của người lao động. Định kỳ kiểm tra, đo lường các yếu tố môi trường, bảo trì bảo dưỡng thiết bị nhằm điều chỉnh nếu có sự chưa phù hợp;
- » Ban hành quy chế dân chủ tại nơi làm việc trong đó người lao động có quyền tham gia ý kiến về các quyền lợi của mình thông qua các hình thức như hội nghị người lao động, ban chấp hành công đoàn, đối thoại tại nơi làm việc, tiếp công dân, đơn thư, kiến nghị, khiếu nại theo quy định của pháp luật;
- » Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động làm việc tại Tập đoàn. Xây dựng quỹ hỗ trợ, thăm hỏi, động viên đối với các trường hợp người lao động có hoàn cảnh khó khăn hoặc ốm đau phải điều trị dài ngày;
- » Tạo điều kiện để người lao động học tập, nghiên cứu và nâng cao năng lực bản thân và định hướng phát triển trong tương lai.

QUẢN LÝ RỦI RO

Ngành công nghiệp dầu khí chịu tác động mạnh bởi các yếu tố kinh tế chính trị thế giới như: Tăng trưởng kinh tế, thị trường tài chính, thị trường vốn; an ninh, an toàn, thiên tai, thời tiết; các yếu tố về môi trường, địa chính trị... Ngoài ra, các rủi ro tiềm ẩn của ngành dầu khí xuất phát từ các yếu tố đặc trưng của dự án như: Cần vốn đầu tư lớn để thực hiện các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, phân phối; tỷ lệ dự án thăm dò không thành công cao; thời gian đầu tư dài nên tiềm ẩn các yếu tố bất định ảnh hưởng tới hiệu quả, tiến độ, chi phí... của dự án đầu tư.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro đặc thù như rủi ro chiến lược, rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro tuân thủ. Trong thời gian qua Tập đoàn rất quan tâm tới công tác quản lý rủi ro, xây dựng tương đối đầy đủ các quy định, quy trình về quản lý rủi ro, cũng như một số giải pháp để giảm thiểu các rủi ro. Tuy nhiên, hiệu quả công tác quản lý rủi ro của Tập đoàn vẫn còn những hạn chế nhất định, một số rủi ro được nhận diện và quản lý tốt gồm: các rủi ro về tài chính, rủi ro hoạt động, tuy nhiên các rủi ro về chiến lược, nhân sự, tuân thủ vẫn còn hạn chế. Nguyên nhân do công tác quản lý rủi ro chưa gắn với mục tiêu chiến lược, chưa xây dựng được chính sách quản lý rủi ro chung cho PVN và các đơn vị, chưa có kế hoạch theo dõi và xử lý kịp thời các rủi ro được nhận diện, việc phối hợp giữa các bộ phận liên quan trong quản lý rủi ro chưa rõ ràng.



HỆ THỐNG QUẢN LÝ ATSKMT

Hệ thống quản lý ATSKMT của Tập đoàn đã được xây dựng và áp dụng từ đầu những năm 2000. PVN luôn củng cố và từng bước hoàn thiện Hệ thống quản lý ATSKMT đồng bộ từ Công ty mẹ tới các đơn vị thành viên thông qua:

- » Luôn rà soát bổ sung, cập nhật các tài liệu của Hệ thống phù hợp với các yêu cầu pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Phát triển, đào tạo đội ngũ cán bộ/tổ chức chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn từ cấp độ PVN đến các đơn vị thành viên.
- » Đầu tư, tổ chức các lực lượng/phương tiện hiện đại để kiểm soát ô nhiễm, phòng chống sự cố chuyên nghiệp, sẵn sàng ứng cứu các tình huống khẩn cấp/sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động cũng được đầu tư tương ứng với mức độ rủi ro ATSKMT trong hoạt động tại từng đơn vị.

Song song với việc không ngừng củng cố và phát triển Hệ thống quản lý ATSKMT, PVN thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo ATSKMT tại các đơn vị, áp dụng các giải pháp kỹ thuật giảm thiểu rủi ro ATSKMT tiềm tàng trong các dự án; nghiên cứu, triển khai các giải pháp công nghệ, giải pháp quản lý gắn liền với công tác an toàn và môi trường để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây tác hại đối với sức khỏe và tính mạng con người, gây thiệt hại tài sản hoặc môi trường trong các hoạt động sản xuất - kinh doanh.

PVN đã tổ chức bộ máy quản lý công tác ATSKMT thống nhất và xuyên suốt từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên, do một Phó Tổng giám đốc Tập đoàn trực tiếp điều hành. Ban Công nghệ An toàn Môi trường tại PVN có nhiệm vụ quản lý chuyên trách công tác ATSKMT trong toàn bộ Tập đoàn và được tổ chức thành 04 phòng: Khoa học Công nghệ, Bảo vệ môi trường, An toàn và Sức khỏe lao động; và Văn phòng trực Tình huống khẩn cấp.

Các đơn vị thành viên đều thành lập phòng/bộ phận ATSKMT và phân công cán bộ chuyên trách. Công tác ATSKMT tại các tổ đội thuộc nhiệm vụ của các cán bộ làm công tác an toàn - vệ sinh viên. Hiện nay, 15 đơn vị thành viên có Hệ thống quản lý ATSKMT được các công ty độc lập đánh giá

và cấp chứng chỉ tuân thủ tiêu chuẩn ISO 14001 và/hoặc ISO 45001, gồm: PTSC, PV GAS, PVFCCo, PVTrans, PVD, PVC, DMC, VSP, PVEP, PV Power, BSR, DQS, BDPOC, PVCFC và PVOIL.

Các văn bản, quy định thuộc Hệ thống quản lý ATSKMT được PVN thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung một cách phù hợp với sự thay đổi quy định pháp luật, yêu cầu của các hệ thống tiêu chuẩn liên quan, cũng như đáp ứng các vấn đề ATSKMT phát sinh trong thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh. PVN cũng luôn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý Nhà nước xây dựng và hoàn thiện các tài liệu pháp luật về quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, ứng phó sự cố tràn dầu và bảo vệ môi trường, nhằm đảm bảo an toàn cho con người, môi trường và tài sản trong toàn bộ hoạt động dầu khí.

Bên cạnh đó, PVN thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra định kỳ công tác An toàn vệ sinh lao động, PCCC của các đơn vị thành viên. Thực hiện kiểm toán kỹ thuật hằng năm về công tác ATSKMT đối với các Nhà thầu/Nhà điều hành dầu khí.

Ngoài việc đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức chuyên môn cho các cán bộ chuyên trách về ATSKMT hằng năm, PVN và các đơn vị thành viên phối hợp tổ chức diễn tập ứng cứu khẩn cấp hằng năm tại các đơn vị / công trình dầu khí.

Phương hướng, cách tiếp cận công tác quản lý ATSKMT

Để phù hợp hoạt động hiện nay, trong bối cảnh nhiều khó khăn do phải triển khai các dự án ở vùng nước sâu, xa bờ, các công trình dầu khí đã vận hành trong thời gian dài, công tác ATSKMT được thay đổi, tập trung vào các nội dung:

- » Quản lý an toàn sức khỏe
- » Quản lý an toàn công nghệ
- » Phòng cháy chữa cháy
- » Bảo vệ môi trường
- » Ứng phó với điều kiện thiên tai, biến đổi khí hậu
- » Ứng cứu sự cố
- » Phát triển bền vững

PHỐI HỢP GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn và các đơn vị thành viên cũng luôn chú trọng, quan tâm đến quyền và lợi ích của người lao động cũng như cộng đồng và các bên liên quan.

LIỆT KÊ CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN

Các bên liên quan đến hoạt động của Tập đoàn được xác định là những bên có ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi hoạt động của Tập đoàn, bao gồm:

- » Nhóm ảnh hưởng trực tiếp: Cơ quan quản lý Nhà nước, khách hàng, người lao động;
- » Nhóm ảnh hưởng gián tiếp: Là những nhóm bị tác động gián tiếp bởi hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường và xã hội từ những ảnh hưởng về độ minh bạch thông tin, quản trị doanh nghiệp; điển hình như: nhà cung cấp, hiệp hội ngành, ngân hàng, đối thủ cạnh tranh, v.v...



CÁC CƠ CHẾ THAM VẤN, TRAO ĐỔI, HỢP, ĐỐI THOẠI GIỮA TẬP ĐOÀN VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Để mang đến sự hài lòng thỏa đáng cho tất cả các bên liên quan trong mọi hoạt động, Tập đoàn đã chủ động trao đổi thông tin với các bên thông qua những hình thức chính như sau:

- » Đối với cơ quan quản lý Nhà nước: Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu bằng văn bản hoặc tổ chức họp; góp ý cải tiến; trình bày các khó khăn, vướng mắc để đề xuất biện pháp giải quyết;
- » Đối với khách hàng, đối tác: Gặp gỡ định kỳ các nhà thầu dầu khí hàng năm, tổ chức các chuyến thăm ngoại giao và làm việc với các tổ chức dầu khí thế giới để tìm kiếm cơ hội hợp tác; tìm hiểu và ghi nhận mong muốn, ý kiến của nhà thầu để cải tiến chất lượng hoạt động;
- » Đối với người lao động: Tổ chức đối thoại trực tiếp tại nơi làm việc giữa người lao động và Tổng Giám đốc hoặc giữa Ban chấp hành Công đoàn và Tổng Giám đốc. Đối thoại tại nơi làm việc được thực hiện định kỳ hằng năm. Tổ chức hội nghị người lao động hằng năm, tổ chức giao lưu nhân dịp cuối năm; ghi nhận và giải quyết hài hòa các ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của người lao động;
- » Đối với cơ quan báo chí, các nhóm cộng đồng: Công bố thông tin minh bạch về tình hình sản xuất, kinh doanh;
- » Đối với các tổ chức đoàn thể, hiệp hội của ngành: Tổ chức gặp gỡ, làm việc 1 lần/năm; trao đổi thông tin để cùng phối hợp thúc đẩy sự phát triển của Tập đoàn.



MỘT SỐ CHỦ ĐỀ CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC THAM VẤN GIỮA TẬP ĐOÀN VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN VỀ ATSKMT

Nhằm tuân thủ các yêu cầu hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý an toàn, sức khỏe, môi trường trong quá trình thực hiện các dự án dầu khí, PVN và các đơn vị thành viên luôn phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan để tổ chức các buổi tham vấn, cập nhật thông tin và tuyên truyền về các hoạt động của dự án đến các tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ quan quản lý, hiệp hội, đoàn thể.... bị ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp từ Dự án như:

- » Tham vấn ý kiến về báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của các cộng đồng/tổ chức bị ảnh hưởng từ các hoạt động của Dự án.
- » Tuyên truyền về đảm bảo an ninh, an toàn cho chiến dịch khoan thăm dò, chiến dịch khảo sát địa chấn đến các đối tượng ngư dân đánh bắt thủy hải sản.
- » Tuyên truyền bảo đảm an ninh, an toàn cho các công trình dầu khí trên biển và chủ quyền biển đảo cho các ngư dân.
- » Chương trình tuyên truyền về an ninh và bảo vệ biển đảo là hoạt động thường niên do PVEP phát động. Đây là hoạt động vừa có ý nghĩa nhân văn vừa là hoạt động sinh hoạt chính trị quan trọng của PVEP, đơn vị thường xuyên hoạt động dầu khí trên biển.
- » Năm 2020, PVEP cùng 7 nhà thầu (Cửu Long JOC, Hoàng Long - Hoàn Vũ JOCs, Thăng Long JOC, PVEP POC, Dự án Lô 01/17&02/17, Lô 01/97&02/97 và Liên doanh Dầu khí Nhật Việt (JVPC) đã phối hợp cùng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (BĐBP) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bình Thuận và Bình Định cùng các đồn biên phòng ở địa phương như: Phước Hải (Bà Rịa - Vũng Tàu); Thành phố Phan Thiết và Thị xã LaGi (Bình Thuận); Tam Quan Nam (Bình Định) tổ chức các hội nghị truyền thông tuyên truyền bảo đảm an ninh, an toàn cho các công trình dầu khí trên biển và chủ quyền biển đảo.
- » Phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước trong việc xây dựng và hoàn thiện các tài liệu pháp luật về quản lý ATSKMT đối với các hoạt động dầu khí:

- » Phối hợp với Bộ Công Thương để xây dựng và ban hành Thông tư số 17/2020/TT-BCT ngày 17/7/2020 quy định việc tiến hành các hoạt động bảo quản và hủy bỏ giếng khoan dầu khí với mục đích bảo vệ tài nguyên, môi trường và cấu trúc tự nhiên của lòng đất, ngăn ngừa các hành vi dẫn đến việc tạo thành những vật cản hay những xáo trộn về trạng thái của môi trường biển cũng như trên đất liền.
- » Phối hợp với Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam - Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Thông tư số 19/2020/TT-BTNMT ban hành danh mục chất phân tán được phép sử dụng trong vùng biển Việt Nam và hướng dẫn về quy trình sử dụng chất phân tán trong ứng phó sự cố tràn dầu trên biển.



PHÁT TRIỂN ĐỔI MỚI

THAY ĐỔI QUAN TRỌNG TRONG BỘ MÁY QUẢN LÝ, CƠ CẤU

Tập đoàn đang triển khai xây dựng đề án tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm làm mới doanh nghiệp một cách toàn diện, từ thay đổi chiến lược kinh doanh, tổ chức lại bộ máy đến văn hóa doanh nghiệp, hướng đến nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.



Tập đoàn đã và đang cùng cố và phát triển nguồn nhân lực vững mạnh cũng như xây dựng một hệ thống quản lý nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng và chuyên nghiệp. Tiếp tục sắp xếp, tổ chức bộ máy (giảm các nấc trung gian, dịch chuyển nhân sự đến khu vực sản xuất trực tiếp).

Trong giai đoạn 2015-2020, một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt được Đảng, Chính phủ đặt ra đối với Tập đoàn là thực hiện cổ phần hóa, tái cấu trúc doanh nghiệp. Việc tái cấu trúc gắn liền với hiệu quả từng dự án, từng hoạt động sản xuất kinh doanh trong mỗi lĩnh vực. Đặc biệt công tác cổ phần hóa, thoái vốn đã đạt được kết quả rất tích cực, góp phần cải tiến về quản trị doanh nghiệp hiện đại, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các đơn vị của Tập đoàn, ngoài việc triển khai các đề án cổ phần hóa, thoái vốn theo kế hoạch, còn xây dựng cho mình phương án đổi mới tối ưu với mục tiêu tồn tại và phát triển bền vững.

Kết quả thực hiện công tác cổ phần hóa doanh nghiệp và tái cấu trúc ở các đơn vị thành viên của Tập đoàn trong giai đoạn 2015-2020 như sau:

- » Cổ phần hóa thành công Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau, chuyển sang mô hình Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) và niêm yết trên sàn chứng khoán;
- » Chuyển giao Bệnh viện Dầu khí Dung Quất cho UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- » Hoàn thành thoái vốn tại Công ty Lọc hóa dầu Long Sơn và Công ty CP Bất động sản Dầu khí Việt Nam;
- » Cổ phần hóa thành công PV Power, PVOIL và BSR.

Tập đoàn tiếp tục thực hiện kế hoạch, lộ trình và phương án thoái vốn khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án tái cấu trúc giai đoạn 2019-2025.

Công tác kiện toàn cán bộ trong quá trình tái cơ cấu, sắp xếp bộ máy được thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ, tuân thủ đúng quy định, quy trình, qua đó tạo được sự thống nhất và đồng thuận trong toàn bộ cán bộ, đảng viên và người lao động Tập đoàn.

NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VỀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG, NĂNG LƯỢNG SẠCH, NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO, ATSKMT KHÁC

Năng lượng là ngành chủ lực của nền kinh tế, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải ra môi trường qua những hoạt động khai thác và sử dụng năng lượng là mục tiêu bền vững cho toàn ngành dầu khí hiện nay.

Tập đoàn và các đơn vị thành viên không ngừng nghiên cứu tìm ra các giải pháp nhằm góp phần tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí hoạt động và giảm phát thải khí nhà kính vào môi trường. Một số giải pháp tiêu biểu được đúc kết như sau:

- » Nghiên cứu, tập trung thu gom toàn bộ khí khai thác được để đưa về bờ hoặc tiến hành bơm ép khí đồng hành xuống mỏ để hạn chế lượng khí đồng hành đốt bỏ ngoài khơi, không gây ô nhiễm không khí.
- » Điều chỉnh định mức tiêu thụ nhiên liệu của các giàn, tàu chứa dầu, tàu dịch vụ, giàn khoan tự nâng, theo dõi và giảm thiểu tối đa lượng khí phát thải qua đốt đuốc tại nhà máy xử lý khí, sử dụng công nghệ tận dụng nhiệt thải từ máy phát điện chạy khí qua hệ thống thu hồi nhiệt...
- » Áp dụng các giải pháp tối ưu hóa năng lượng, tiết kiệm điện cho các hoạt động của nhà máy lọc dầu, chế biến dầu khí, tận dụng tối đa nguồn sáng tự nhiên, năng lượng mặt trời, thay thế các thiết bị thông thường bằng các thiết bị tiết kiệm điện, lắp đặt thêm các thiết bị phụ trợ nâng cao hiệu suất điện; thường xuyên bảo trì, cải tạo mạng lưới điện, thực hiện các hợp tác quốc tế để nghiên cứu tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu vận hành.
- » Giải pháp lắp đặt mái phao cho các kho xăng dầu nhằm giảm thiểu lượng bay hơi so với không lắp đặt, vệ sinh trang thiết bị máy móc để sử dụng hiệu quả nhất lượng nhiên liệu trong vận hành...

Một số giải pháp điển hình đã được các đơn vị nghiên cứu và áp dụng thành công trong thực tiễn sản xuất kinh doanh của mình trong giai đoạn 2016-2020 như sau:

- » Nhà máy Đạm Cà Mau đã nghiên cứu và áp dụng thành công việc thu hồi và tinh chế 2 nguồn



khí là Permeate gas với lưu lượng dao động từ 84.000 Sm³/ngày và khí Flash gas giàu CO₂ với lưu lượng khoảng 45.000 Sm³/ngày từ Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau. Việc triển khai thu hồi và sử dụng hai nguồn khí này thành công (thay vì đốt bỏ) không chỉ tiết giảm chi phí nhiên liệu (tiết kiệm cho Công ty hơn 50 tỷ đồng/năm) mà còn giúp giảm đáng kể lượng CO₂ phát thải ra môi trường. Đây là dự án rất phù hợp với mục tiêu của chương trình tiết kiệm năng lượng cho ngành công nghiệp Việt Nam (Vietnam Energy Efficiency for Industrial Enterprises Project - VEEIE).

- » Ngoài ra, Nhà máy Đạm Cà Mau còn tiến hành các biện pháp sau để tối ưu tiết kiệm năng lượng: Thu hồi khí xà tại cụm trung áp xưởng ureventa; áp dụng công nghệ ORC để phát điện; mua hơi công nghiệp thay thế một phần khí nhiên liệu; cải tạo hệ thống trao đổi nhiệt; nghiên cứu đa dạng hóa nguồn nhiên liệu đầu vào;
- » Các nhà máy lọc hóa dầu đang triển khai tìm kiếm nguồn năng lượng và nguyên liệu giá rẻ, sạch hơn để tiếp tục nâng cao hiệu quả của nhà máy. Theo đó, NMLD Dung Quất đã chế biến, thử nghiệm dầu thô nhập khẩu WTI Midland (Mỹ) và Bonny Light (Nigeria). Đây là nguồn dầu thô có giá cả hợp lý, cạnh tranh, phù hợp để đưa vào phối trộn, chế biến tại NMLD Dung Quất.
- » NMLD Dung Quất đã sản xuất thành công sản phẩm dầu MFO - nhiên liệu hàng hải chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn IMO 2020 để xuất khẩu. NMLD Dung Quất đã xuất bán 6.000 tấn MFO cho Công ty BB - Singapore. Đây là giải pháp đột phá của NMLD Dung Quất trong chế biến hiệu quả dầu thô, tối ưu cơ cấu sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nhiên liệu MFO được sử dụng cho tàu biển, là loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp sẽ góp phần giảm phát thải SO_x vào môi trường.

Tập đoàn đặt mục tiêu phát triển năng lượng tái tạo đến năm 2030 đạt khoảng 1.000 MW thông qua việc đầu tư các dự án điện mặt trời, nhà máy điện sinh khối và đặc biệt là các dự án điện gió ngoài khơi nhằm tận dụng các cơ sở hạ tầng và kinh nghiệm triển khai các công trình trên biển. Một số hướng nghiên cứu triển khai các công trình trên biển. Một số hướng nghiên cứu triển khai đầu tư dự án năng lượng tái tạo có thể được xem xét bao gồm lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái đối với các nhà máy điện khí, nhà máy đạm; tận dụng mặt hồ thủy điện của các nhà máy thủy điện để lắp đặt tấm pin mặt trời; nghiên cứu đánh giá tiềm năng phát triển điện gió ngoài khơi.



MÔI TRƯỜNG

HỆ THỐNG QUẢN LÝ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Hệ thống quản lý bảo vệ môi trường là một phần quan trọng và không thể tách rời khỏi hệ thống quản lý an toàn sức khỏe môi trường của Tập đoàn. Tập đoàn luôn chú trọng công tác quản lý bảo vệ môi trường và xem công tác này như là một trong các điều kiện quan trọng để doanh nghiệp phát triển bền vững.

Năm 2020, PVN đã cập nhật, ban hành nhiều tài liệu quan trọng trong hệ thống quản lý bảo vệ môi trường (BVMT), điển hình như:

- » Hoàn thành nghiên cứu, thử nghiệm ảnh hưởng của dung dịch khoan nền không nước trong hoạt động dầu khí đến môi trường biển. Đây là cơ sở để đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dung dịch khoan và mùn khoan thải từ các công trình dầu khí trên biển (QCVN 36:2010/BTNMT) phù hợp với thực tiễn công tác khoan thăm dò khai thác dầu khí trong bối cảnh mới.
- » Hoàn tất các nghiên cứu nhằm giúp công tác quản lý môi trường của PVN và các tỉnh ven biển có nguy cơ bị ảnh hưởng do hoạt động dầu khí:
 - » Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động thăm dò khai thác dầu khí tới môi trường biển tại khu vực hoạt động dầu khí thuộc bồn trũng Nam Côn Sơn;
 - » Xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường tỷ lệ 1:50.000 cho các đảo có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi hoạt động dầu khí;

PHƯƠNG HƯỚNG, CÁCH TIẾP CẬN CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Các công tác trọng tâm trong năm 2020:

- » Phổ biến kịp thời và triển khai thực hiện các quy định của pháp luật mới về BVMT cho các cán bộ phụ trách về BVMT của Tập đoàn và các đơn vị thành viên;
- » Tham gia tích cực vào quá trình soạn thảo và ban hành các văn bản về BVMT áp dụng cho hoạt động dầu khí; Chủ động tổ chức nghiên cứu cơ sở và đề xuất các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT có liên quan trực tiếp đến các vấn đề bức thiết trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;
- » Duy trì vận hành và tiếp tục cải tiến Hệ thống cơ sở dữ liệu An toàn Sức khỏe Môi trường;

Các mục tiêu, nhiệm vụ quản lý trong năm 2021:

- » Chủ động đề xuất sửa đổi, cập nhật các văn bản pháp luật về BVMT liên quan đến hoạt động của ngành dầu khí không còn phù hợp thực tiễn, hoặc góp ý đối với các dự thảo văn bản pháp luật mới theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước; đặc biệt là việc đề xuất các vấn đề đặc thù về vận hành thử nghiệm, quản lý chất thải và quan trắc môi trường của các hoạt động dầu khí trên biển để cơ quan quản lý Nhà nước xây dựng nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường 2020;
- » Cập nhật, phổ biến và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về BVMT trong quá trình thực hiện các dự án, vận hành các công trình dầu khí. Tổ chức các cuộc họp thường niên với các nhà thầu dầu khí để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các văn bản pháp luật về BVMT;
- » Tiếp tục triển khai và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch hành động giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu của Tập đoàn giai đoạn 2018-2030

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH KHỐI LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU TIÊU THỤ

Tập đoàn đã xây dựng được hệ thống công nghiệp dầu khí hoàn chỉnh, đồng bộ từ tìm kiếm - thăm dò - khai thác dầu khí đến phát triển công nghiệp khí - điện - chế biến và dịch vụ dầu khí, góp phần quan trọng đảm bảo an ninh năng lượng đất nước. Đặc thù công nghiệp dầu khí với các nguyên liệu là dầu thô và khí thiên nhiên được khai thác, sau đó chế biến phục vụ cho nhu cầu các ngành công nghiệp điện, hóa chất, phân bón, giao thông vận tải và sinh hoạt dân dụng. Năm 2020, khối lượng nguyên vật liệu tiêu thụ của Tập đoàn được thống kê như sau:

Bảng: Khối lượng nguyên vật liệu tiêu thụ chính trong năm 2020 của lĩnh vực chế biến dầu khí

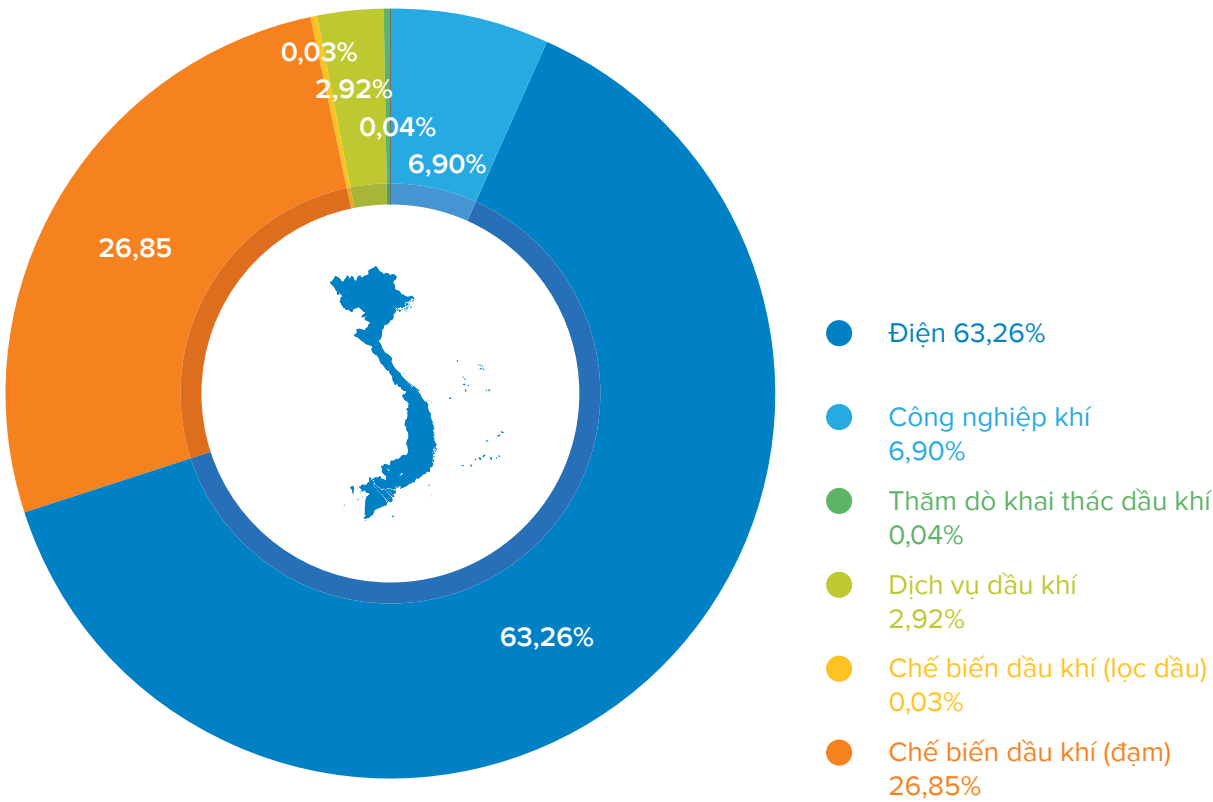
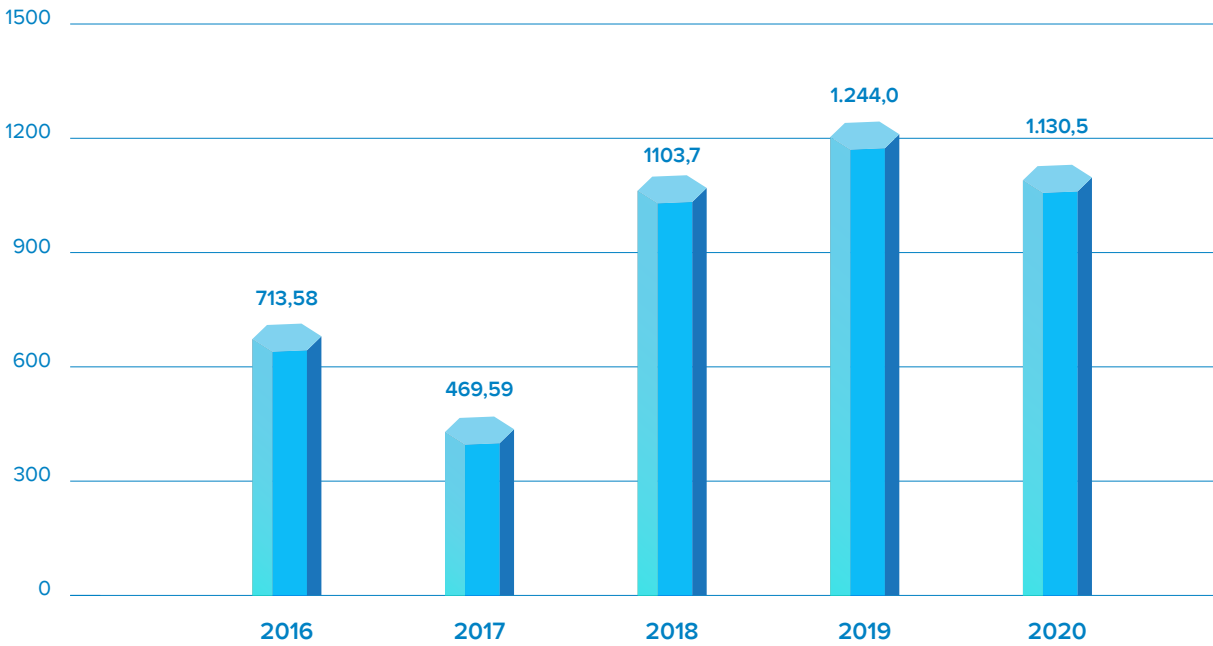
Lĩnh vực		2016	2017	2018	2019	2020
Lọc dầu*	Dầu thô (tấn)	7.463.952	6.672.230	7.605.645	7.528.189	6.463.500
	Khí nhiên liệu (tấn)	236.665	216.040	252.052	249.177	222.605
	Cốc (tấn)	208.095	188.397	224.677	229.726	213.927
Đạm	Khí tự nhiên (tấn)	931.254	936.663	968.285	841.459	927.892
Tổng		8.839.966	8.013.331	9.050.659	8.848.551	7.827.924

Ghi chú: Số liệu thống kê của NMLD Dung Quất

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, lượng tiêu thụ hàng hóa giảm sút nên kéo theo lượng nguyên liệu tiêu thụ cũng giảm theo. Trong lĩnh vực chế biến dầu khí, lượng nguyên liệu tiêu thụ cho ngành lọc hóa dầu giảm so với các năm trước do nhu cầu tiêu thụ của thị trường trong nước giảm. Tuy nhiên, lượng nguyên vật liệu tiêu thụ trong sản xuất đạm lại có chiều hướng tăng do thị trường cung cấp được mở rộng ra ngoài nước.

Tổng lượng điện tiêu thụ của toàn Tập đoàn năm 2020 là 1.130,5 triệu kW, thấp hơn so với lượng tiêu thụ năm 2019. Lượng điện tiêu thụ này chủ yếu là do các nhà máy điện, nhà máy đạm sử dụng (chiếm hơn 80% tổng lượng tiêu thụ). Lượng điện tiêu thụ giảm có thể là do các đơn vị đã áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng và một phần do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Tiêu thụ điện giai đoạn 2016 - 2020 (triệu kWh)



BIỆN PHÁP, KẾ HOẠCH NGĂN NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ KẾT QUẢ

Việc tuân thủ đầy đủ các chính sách, quy định về ATSKMT nói chung và bảo vệ môi trường nói riêng luôn là nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PVN và các đơn vị thành viên.

Để giảm thiểu tác động môi trường từ hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, PVN và các đơn vị thành viên luôn đảm bảo thực hiện các biện pháp BVMT theo hướng tích cực và hiệu quả.

Trong quá trình triển khai các dự án, PVN cùng các nhà thầu dầu khí luôn thực hiện các đợt khảo sát môi trường cơ sở và khảo sát môi trường sau khi khoan (đối với các dự án ngoài khơi), khảo sát môi trường định kỳ trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Các dự án đều được nghiên cứu và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết, kế hoạch bảo vệ môi trường, xây dựng kế hoạch/biện pháp ứng phó sự cố hóa chất, kế hoạch ứng phó sự cố dầu tràn, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp... cho dự án đầu tư theo đúng yêu cầu pháp luật, trong đó đề xuất các biện pháp, kế hoạch ngăn ngừa, giảm thiểu tác động môi trường. Biện pháp giảm thiểu cam kết đạt được các mục đích như: Giảm thiểu lượng chất thải; Xử lý các loại chất thải phát sinh đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế trước khi xả thải vào môi trường; Giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải như xáo trộn vật lý, tiếng ồn, độ rung...

Công tác giám sát các nguồn thải được thực hiện theo hệ thống, lưu hồ sơ, báo cáo theo quy định. Công tác phân loại, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý các chất thải rắn, chất thải nguy hại được bố trí đầy đủ nguồn lực, hướng dẫn cụ thể, đảm bảo giảm thiểu nguy cơ gây hại tới môi trường và cộng đồng, tuân thủ quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tập đoàn yêu cầu các đơn vị thường xuyên cập nhật các nguồn thải từ hoạt động của mình, từ đó xác định rõ những rủi ro và tác động môi trường để thực hiện các hoạt động giảm thiểu phù hợp.

Trải qua 60 năm, kể từ ngày ngành Dầu khí Việt Nam bắt đầu hình thành và phát triển, đến nay, dù lĩnh vực hoạt động rất rộng và quy mô lớn, song Tập đoàn chưa để xảy ra một sự cố môi trường nghiêm trọng nào.



MỘT SỐ CHỦ ĐỀ/CÔNG TÁC BVMT NỔI BẬT TRONG NĂM 2020

Chung tay bảo vệ môi trường

Hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới năm 2020, tuyên truyền bảo vệ môi trường, góp phần cải thiện môi trường sống trên địa bàn thành phố xanh, sạch, đẹp, với chủ đề “Hành động vì thiên nhiên”, Đoàn Thanh niên Xí nghiệp Khoan & Sửa giếng và Trung tâm An toàn - Bảo vệ môi trường Vietsovpetro đã tổ chức hoạt động thu gom rác dọc bờ biển Bãi trước, TP. Vũng Tàu, với sự tham gia nhiệt tình của các bạn đoàn viên thanh niên hai đơn vị và các em nhỏ.



Quản lý chất thải từ các tòa nhà văn phòng theo quy định của pháp luật



Để quản lý chặt chẽ các loại chất thải, hạn chế ảnh hưởng tới môi trường xung quanh, Tập đoàn đã yêu cầu các đơn vị vận hành các tòa nhà văn phòng thực hiện đầy đủ các yêu cầu về quản lý theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

- » Đối với chất thải rắn: đã tổ chức phân loại chất thải tại nguồn thành chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại, sau đó chuyển giao cho các nhà thầu xử lý theo quy định. Bên cạnh đó, để xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ các tòa nhà, đơn vị vận hành tòa nhà cũng đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại, ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại với đơn vị xử lý theo đúng quy định pháp luật.
- » Điển hình như tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, với chất thải rắn và nguy hại, nhà máy có quy trình xử lý đảm bảo tuân thủ các yêu cầu luật định. Với mục đích chung tay bảo vệ môi trường, xây dựng thói quen xanh từ những việc làm nhỏ nhất, Đoàn Thanh niên Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí đã tiến hành lắp đặt các hộp thu gom pin đã qua sử dụng tại 4 khu vực trong Công ty đồng thời tổ chức các hoạt động vận động, khuyến khích cán bộ, công nhân viên cùng tham gia thu gom pin đã qua sử dụng. Toàn bộ lượng pin thu gom được chuyển tới khu vực xử lý có cấp phép theo đúng quy định về xử lý chất thải.
- » Đối với xử lý nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của các tòa nhà văn phòng được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của các tòa nhà. Nước thải sẽ được xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung. Bên cạnh đó, đơn vị vận hành tòa nhà thường xuyên lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải 3 tháng/lần để giám sát chất lượng nước thải trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung.



- » Ngoài ra, Tập đoàn đã đưa ra rất nhiều chương trình nhằm tuyên truyền nâng cao ý thức của từng người lao động trong các tòa nhà văn phòng như: Tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức cộng đồng về nguy cơ ô nhiễm nhựa để tiến tới từ bỏ thói quen sử dụng túi nilon và các sản phẩm nhựa khó phân hủy, chuyển sang sử dụng các sản phẩm nhựa phân hủy sinh học; tích cực vận động phong trào “Giảm túi nilon và rác thải nhựa” hướng đến tiêu dùng ít rác thải; triển khai thực hiện chương trình 5S nhằm giúp cải thiện môi trường làm việc, hỗ trợ tích cực cho người lao động và đề cao văn hóa doanh nghiệp... hướng đến việc tất cả cán bộ, công nhân viên đều thấy được lợi ích cho chính bản thân khi nâng cao ý thức, giữ gìn vệ sinh môi trường nơi làm việc.



CHIẾN LƯỢC, HÀNH ĐỘNG, KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐA DẠNG SINH HỌC



Hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đối tác trong và ngoài nước tập trung chủ yếu trên biển có thể gây tác động tiềm ẩn đến đa dạng sinh học biển. Để góp phần bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học quốc gia, Tập đoàn đã tăng cường thực hiện các chương trình nghiên cứu cũng như xây dựng chiến lược, hành động, kế hoạch quản lý tác động đến đa dạng sinh học trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, cụ thể như:

- » Quản lý nghiêm ngặt vấn đề xử lý chất thải (dung dịch khoan, mùn khoan, nước khai thác) từ các công trình dầu khí trên biển; xử lý khí thải, nước thải trong công nghiệp lọc - hóa dầu, đạm, hóa phẩm dầu khí, công nghiệp sản xuất điện;
- » Ban hành Hướng dẫn Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho các công ty hoạt động dầu khí;
- » Xây dựng bản đồ nhạy cảm cho các tỉnh ven biển phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, bảo vệ đa dạng sinh học;
- » Thực hiện nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước trong các hoạt động thăm dò khai thác dầu khí trên biển Việt Nam nhằm đề xuất sửa đổi và hỗ trợ ban hành Quy chuẩn 36:2010/BTNMT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dung dịch khoan và mùn khoan thải từ các công trình dầu khí trên biển”;
- » Thực hiện các nghiên cứu nhằm hướng tới việc thực hiện đánh giá tác động đa dạng sinh học do các hoạt động dầu khí;
- » Cập nhật cơ sở dữ liệu môi trường biển khu vực có hoạt động dầu khí;

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH KHỐI LƯỢNG NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ

- » Năm 2020, tổng lượng khí nhiên liệu toàn Tập đoàn tiêu thụ khoảng 4.331 triệu m³, giảm hơn 10% so với năm 2019, đặc biệt giảm mạnh ở lĩnh vực thăm dò khai thác dầu khí.
- » Dầu DO, FO chủ yếu được dùng cho các hoạt động giao thông, phát điện tự dùng cho nhà máy lọc dầu. Năm 2020, lượng DO, FO tiêu thụ của toàn Tập đoàn khoảng 979 ngàn tấn, giảm 30% so với năm 2019.

Bảng: Tổng hợp nhiên liệu tiêu thụ

Lĩnh vực hoạt động	Nhiên liệu tiêu thụ	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020
Thăm dò khai thác dầu khí	Khí nhiên liệu	triệu m ³	507	817	944	995	544
	FO	tấn	6.868	5.857	6.937	8.835	7.507
	DO	tấn	140.289	155.980	146.223	165.063	120.683
Công nghiệp khí	Khí nhiên liệu	triệu m ³	30.14	33.07	43.18	46	47
	DO	tấn	978	1.863	2.202	1.555	1.805
	Khí khô	tỷ m ³	3.12	2.76	2.74	2.95	2.245
Công nghiệp điện	Than	tấn	1.430.408	1.980.195	2.268.314	2.337.759	2.948.566
	FO	tấn	4.186	5.196	5.132	-	-
	DO	tấn	31.838	6.786	44.898	84.526	38.124
Lọc hóa dầu(*)	Dầu thô	triệu tấn	7.46	6.60	10.46	6.47	6.46
	Khí nhiên liệu	triệu m ³	488	451	526	538	501
	FO	tấn	96.744	77.062	137.510	52.302	51.815
	DO	tấn	592	516	368	242	285
Sản xuất đạm	Khí nhiên liệu	tỷ m ³	1.00	1.01	1.04	1.04	1.04
	DO	tấn	81	112	233	127	119
Dịch vụ dầu khí	FO	tấn	58.127	39.926	44.329	50.129	69.610
	DO	tấn	44.376	69.364	246.514	1.012.010	688.091

TỔNG LƯỢNG CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐÃ SẢN XUẤT

Bảng: Tổng lượng các nguồn năng lượng tái tạo đã sản xuất

	2016	2017	2018	2019	2020
Nhà máy Thủy điện Hòa Na (triệu kW)	555.90	734.30	806.2	559.8	566.8
Nhà máy Thủy điện Đakdrinh (triệu kW)	436.20	744.60	423.2	432.9	502.7
Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt (triệu kW)	14.80	16.30	18.00	14.20	- ¹
Nhà máy Bioethanol Dung Quất (tấn)	-	-	-	2.000	-

Ghi chú: ¹ đã chuyển nhượng.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, trong năm 2020 nhu cầu tiêu thụ điện toàn quốc thấp hơn dự kiến (mức tăng trưởng phụ tải dự kiến năm 2020 chỉ đạt khoảng 2,16% so với kế hoạch đặt ra là 8,9%). Bên cạnh đó, nguồn cung của hệ thống điện quốc gia lại tăng đáng kể do các dự án năng lượng tái tạo đưa vào vận hành trong năm (công suất của các dự án năng lượng tái tạo đến tháng 11/2020 đạt khoảng 6.507 MW), do đó các nhà máy thủy điện của PV Power chỉ vận hành với công suất trung bình, sản lượng điện thấp hơn kế hoạch năm 2020.

Trong năm 2020, PV Power cũng bắt đầu tiến hành nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo với các đơn vị trong Tập đoàn, thực hiện khảo sát hiện trường tại các cơ sở sản xuất, nhà máy để đánh giá khả năng phát triển, đầu tư lắp đặt năng lượng mặt trời áp mái (Đạm Phú Mỹ, Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam, Đạm Cà Mau...) và tại các nhà máy điện của PV Power tại các địa phương.

CÔNG TÁC TIẾT KIỆM, NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Hoạt động tiết kiệm sử dụng năng lượng hiệu quả nằm trong chương trình tổng thể tối ưu hóa nâng cao hiệu quả hoạt động các nhà máy khâu sau của Tập đoàn gồm: Tối ưu chi phí, đa dạng hóa nguồn nguyên liệu/năng lượng đầu vào: tìm kiếm nguồn nhiên liệu/năng lượng giá rẻ thay thế, sử dụng năng lượng tái tạo (mặt trời, gió, sinh khối...), tối ưu công tác thương mại mua nguyên liệu/năng lượng đầu vào; tối ưu, đa dạng hóa, nâng cao giá trị sản phẩm đầu ra (tối ưu cơ cấu sản phẩm, nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; thực hiện chương trình tối ưu, tiết kiệm năng lượng).

Trong năm 2020, các đơn vị thành viên Tập đoàn đã thực hiện triệt để tiết kiệm năng lượng, vật tư chi phí đầu vào, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh cho sản phẩm, dịch vụ dầu khí. Kết quả thực hiện công tác tiết giảm chi phí trong năm của toàn Tập đoàn như sau:

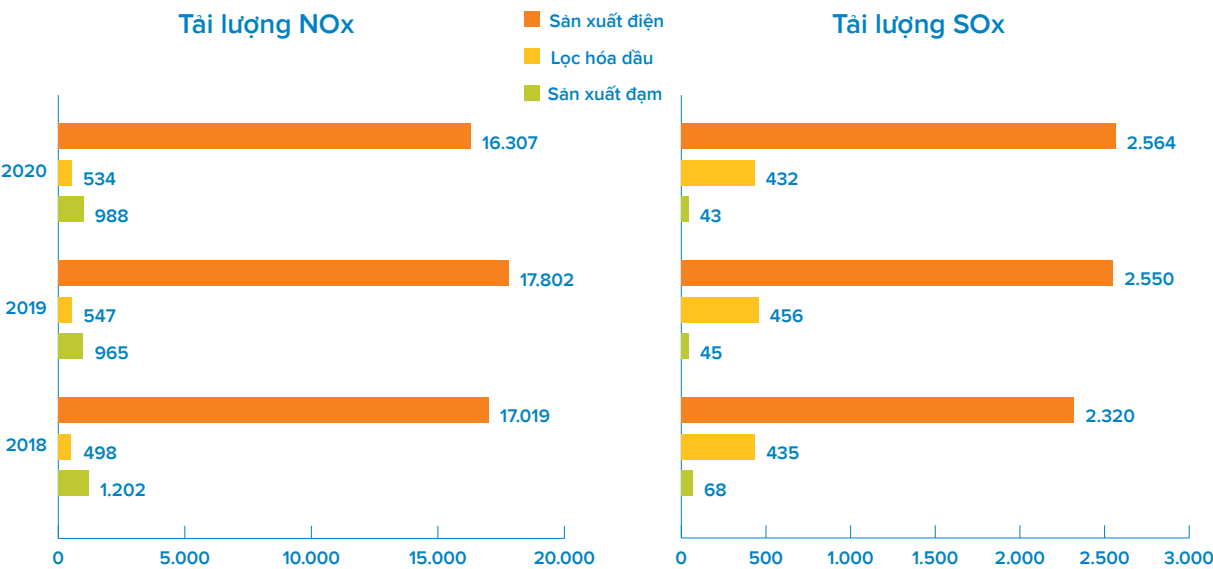
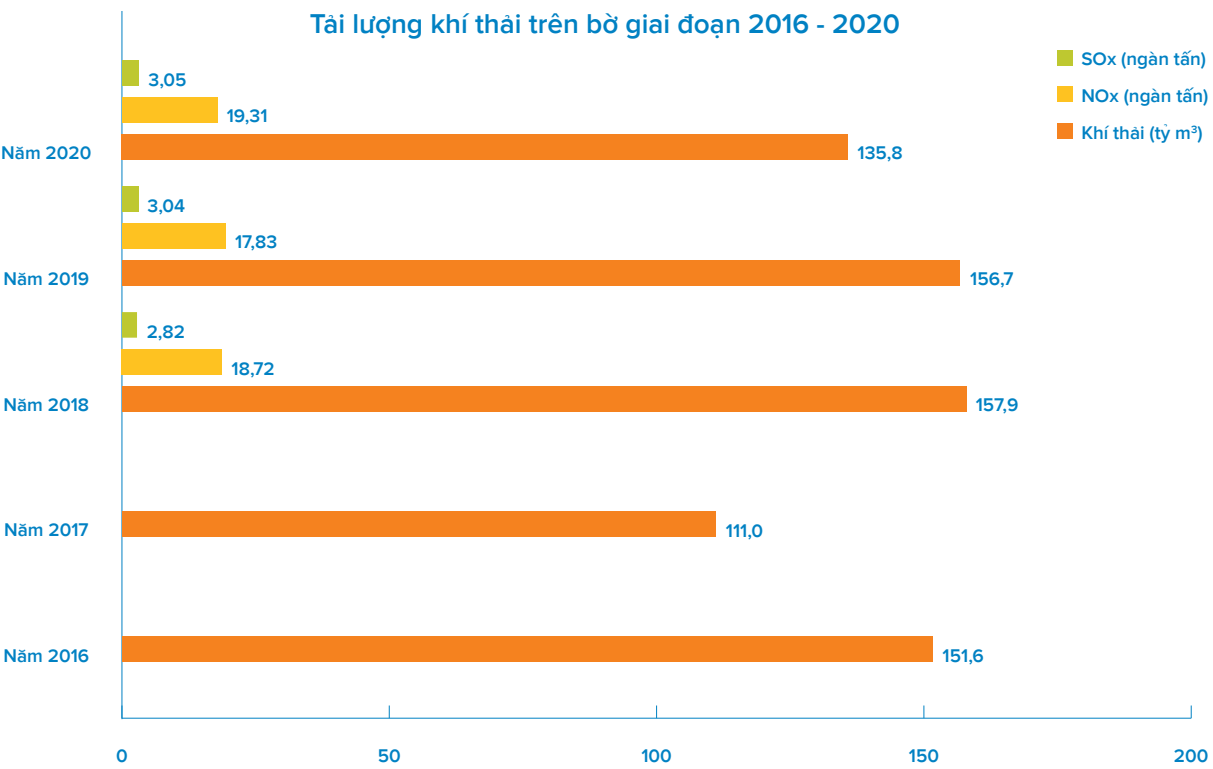
TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch tiết giảm 2020	Thực hiện tiết giảm năm 2020	Tỷ lệ TH năm so với KH năm
A	B	1	2	3=2/1
1	Chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư thiết bị, năng lượng	1.638,4	2.303,1	140,6%

Diễn hình là các đơn vị chế biến dầu khí của Tập đoàn đã không ngừng cải tiến, tối ưu các giải pháp để giảm tiêu hao năng lượng. Việc tối ưu, tiết kiệm năng lượng các nhà máy lọc hóa dầu được căn cứ trên chỉ số EII (tỉ lệ giữa tiêu thụ năng lượng thực tế và năng lượng tiêu chuẩn của nhà máy lọc hóa dầu). Việc thực hiện chương trình tối ưu, tiết kiệm năng lượng tại các nhà máy lọc hóa dầu có thể tiết kiệm 10% đến 20% năng lượng tiêu thụ với các giải pháp nêu trên. Công tác tối ưu, tiết kiệm năng lượng tại các nhà máy chế biến dầu khí tiếp tục được triển khai và đạt được nhiều kết quả thành công. Cụ thể như sau:

- » Chỉ số EII của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất liên tục được cải thiện. Đến nay NMLD Dung Quất có chỉ số EII giảm từ 117% (2013) xuống 103,6% (2019), 107% (2020), tiết giảm 17,4 triệu USD. Hiện BSR đang tập trung triển khai các giải pháp tối ưu tiết kiệm năng lượng cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất trong giai đoạn 2020 - 2025 với mục tiêu chỉ số tiêu thụ năng lượng (EII) <102; tiêu thụ năng lượng nội bộ <7; áp dụng công nghệ biến tần cho các cụm thiết bị, phân xưởng chính; kết nối lưới điện quốc gia; tối ưu hóa vận hành. Sau năm 2030, BSR đặt mục tiêu EII <95; tiêu thụ năng lượng nội bộ <6,8; hoàn thiện kỹ thuật quản lý và tổ chức bảo dưỡng tổng thể theo định hướng tự chủ hoàn toàn tất cả các khâu; nghiên cứu áp dụng nguồn năng lượng mới.
- » Nhà máy Đạm Cà Mau đã giảm tiêu thụ năng lượng khoảng 3%, tập trung vào tăng cường hiệu suất tạo hạt, giảm lưu lượng vòng tuần hoàn rắn đi vào thiết bị sấy, tiết kiệm lượng khí đốt sử dụng sấy tại phân xưởng NPK...
- » Nhà máy Đạm Phú Mỹ giảm tiêu thụ năng lượng khoảng 1,8%, hiện tại đạt đến mức thấp hơn tiêu thụ năng lượng trung bình của các nhà máy đạm tại Ấn Độ. Công tác tối ưu tiết kiệm năng lượng tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong thời gian tới tập trung vào: Tăng cường hiệu suất tạo hạt, giảm lưu lượng vòng tuần hoàn rắn đi vào thiết bị sấy, tiết kiệm lượng khí đốt sử dụng sấy tại phân xưởng NPK; đưa chương trình tối ưu hóa lò hơi 10B8001 vào vận hành; nghiên cứu điều chỉnh nồng độ oxy dư trong khói lò của lò hơi phụ trợ 10B8001; nghiên cứu tính khả thi lắp biến tần cho bơm 40-P-5001/02/03; nghiên cứu triển khai nhà máy thông minh 4.0.

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH DỮ LIỆU KHÍ THẢI TỪ CSDL (KHÍ THẢI NHÀ KÍNH, NOX, SOX)

Khí thải trên bờ phần lớn phát sinh từ các nhà máy nhiệt điện, nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy sản xuất đạm và nhà máy xử lý khí của Tập đoàn. Năm 2020, các nhà máy nhiệt điện và nhà máy lọc dầu của Tập đoàn đều bị giảm công suất do nhu cầu tiêu thụ giảm, vì vậy lượng khí thải giảm đi so với các năm trước. Theo thống kê, tổng phát thải các công trình/nhà máy trên bờ của Tập đoàn là khoảng 135,8 tỷ m³, giảm hơn 10% với các năm 2018-2019.



Ghi chú: Tài lượng SOx, NOx dựa trên số liệu quan trắc khí thải tự động và định kỳ hằng quý của các nhà máy.

Phát thải khí nhà kính (KNK) là nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu và được quy định trong “Công ước Khung về biến đổi khí hậu” của Liên Hợp Quốc (UN) và “Nghị định thư Kyoto” của UN. KNK phát thải trong công nghiệp dầu khí và sản xuất điện chủ yếu từ quá trình đốt nhiên liệu, quá trình công nghệ, đốt đuốc, lưu chứa và xử lý nước thải. Năm 2020, lượng khí nhà kính từ các hoạt động sản xuất của Tập đoàn khoảng 20,3 triệu tấn CO₂e, hơn 50% lượng KNK là từ sản xuất điện.

Bảng: Lượng KNK phát thải

	2016	2017	2018	2019	2020
Phát thải khí nhà kính trực tiếp ¹ (triệu tấn CO ₂ e)	18,4	19,5	21,0	24,3	20,3
CO ₂	17,9	18,8	20,3	23,5	19,7
CH ₄	0,5	0,6	0,7	0,6	0,4
N ₂ O	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
Phát thải KNK theo lĩnh vực (triệu tấn CO ₂ e)					
Thăm dò khai thác dầu khí	3,3	4,4	4,8	4,6	3,2
Vận chuyển, chế biến và kinh doanh khí	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
Công nghiệp điện	11,0	11,1	11,8	12,6	11,9
Công nghiệp chế biến dầu khí (lọc dầu)	1,8	1,6	2,0	1,7	1,6
Công nghiệp chế biến dầu khí (đạm)	1,9	1,9	1,7	1,6	0,8
Dịch Vụ Dầu khí	0,3	0,4	0,6	3,6	2,6

Ghi chú: 1. Phạm vi trực tiếp (đốt nhiên liệu, công nghệ sản xuất, lưu chứa & vận chuyển, Flare, xử lý nước thải).

CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU KHÍ THẢI ĐÃ THỰC HIỆN

Là ngành công nghiệp kỹ thuật cao, đồng thời chịu nhiều rủi ro, ngành dầu khí có thuận lợi được sử dụng các kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trên thế giới. Bên cạnh đó, Tập đoàn, các đơn vị và công ty dầu khí, các ban quản lý dự án dầu khí đều chú trọng đến việc thiết lập, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý ATSKMT, tuân thủ các chuẩn mực trong nước và quốc tế về bảo vệ môi trường trong công tác thiết kế, xây dựng, vận hành sản xuất. Vì vậy, nồng độ phát thải các chất ô nhiễm đã được hạn chế đáng kể so với mặt bằng chung.

Tại các nhà máy, khí thải trước khi thải ra môi trường đều được xử lý qua các hệ thống xử lý khí thải như: lọc bụi (lọc túi, lọc tĩnh điện ESD), khử SO_x (hấp thụ lưu huỳnh FGD bằng nước biển hoặc đá vôi), khử NO_x (khử xúc tác SCR)... tùy theo cấu hình của từng loại nhà máy. Ngoài việc lắp đặt các hệ thống xử lý khí thải theo công nghệ tiên tiến, các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã góp phần đáng kể vào việc giảm chi số năng lượng tiêu thụ của các nhà máy/công trình dầu khí, đồng thời giảm thiểu lượng CO₂ và khí ô nhiễm phát thải ra môi trường. Việc giám sát chặt chẽ hàm lượng chất ô nhiễm phát thải theo đúng tiêu chuẩn môi trường và quy định pháp luật đều được các đơn vị tuân thủ nghiêm ngặt. Hiện tại, các nhà máy nhiệt điện, lọc hóa dầu, sản xuất đạm của Tập đoàn đều đã được lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động và truyền tải dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương giám sát theo quy định.

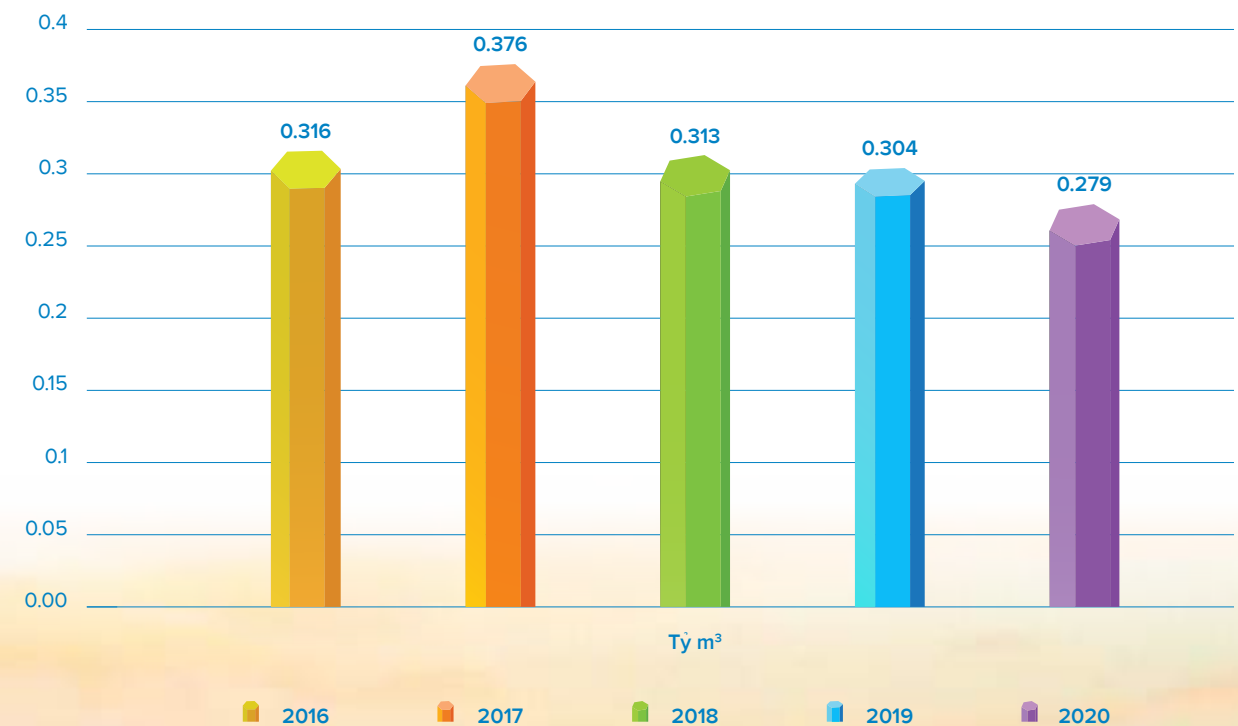
Xu hướng chuyển dịch năng lượng, yêu cầu về giảm phát thải khí carbon là xu hướng tất yếu của các công ty năng lượng trên thế giới. Tập đoàn cũng đang thay đổi để phù hợp, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

LƯỢNG HYDROCACBON ĐỐT BỎ

Việc hạn chế đốt bỏ và triệt để thu hồi, sử dụng khí đồng hành đã được Tập đoàn áp dụng nghiêm ngặt đối với tất cả các nhà thầu dầu khí khai thác ngoài khơi. Lượng khí hydrocarbon đốt bỏ trên các công trình khai thác ngoài khơi chủ yếu là do đặc thù công nghệ/thiết kế, khí thấp áp không thể thu gom, đảm bảo an toàn trong vận hành khai thác mỏ (duy trì thấp đuốc, xả áp), hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị/máy nén khí và khi có sự cố xảy ra.

Năm 2020, lượng khí hydrocarbon đốt bỏ ngoài khơi tiếp tục xu hướng giảm. Trong tương lai, Tập đoàn cùng với các nhà thầu sẽ cố gắng kiểm soát tốt hơn nữa các hoạt động khai thác dầu khí ngoài khơi, giảm tối đa các sự cố vượt áp nhằm hạn chế tối đa lượng hydrocarbon đốt bỏ.

Tổng lượng khí đốt bỏ ngoài khơi giai đoạn 2016 - 2020



TỔNG LƯỢNG NƯỚC LẤY VÀO SỬ DỤNG, CÁC NGUỒN NƯỚC BỊ TÁC ĐỘNG

Nước mặt

Nước mặt sử dụng để làm mát trong các công trình dầu khí và sản xuất điện được lấy từ sông, hồ hoặc biển qua hệ thống bơm nước làm mát. Nước làm mát không tham gia vào quá trình công nghệ mà chỉ được dùng với mục đích trao đổi nhiệt, do đó nước làm mát được xem như nước thải sạch, không cần phải xử lý trước khi thải ra môi trường. Tuy nhiên, do nhiệt độ của nước làm mát tăng lên, cụ thể nhiệt độ nước thải khoảng 34-35°C do quá trình trao đổi nhiệt trong quá trình làm mát nên cần quan tâm tới ảnh hưởng của nhiệt độ tới môi trường tiếp nhận nước làm mát. Ngoài ra, tại một số nguồn nước mặt có nhiều rong rêu nên việc Clo hóa nước được thực hiện để ngăn ngừa bám rong rêu trong hệ thống nước làm mát. Clo được tính toán bơm vào với liều lượng vừa đủ để khi thải ra nguồn tiếp nhận thì hàm lượng phải thấp hơn 0,02 ppm (hàm lượng không gây tác động đáng kể nào tại điểm thải).

Tổng lượng nước mặt tiêu thụ từ các công trình dầu khí

	2016	2017	2018	2019	2020
Thăm dò khai thác dầu khí	24.936	33.858	24.534	23.888	15.782
Vận chuyển, chế biến và kinh doanh khí	281.546	339.781	-	-	1.065.916
Công nghiệp điện	750.755.539	980.838.838	1.917.368.490	2.048.565.795	1.997.473.448
Công nghiệp chế biến dầu khí	19.916.210	20.793.102	36.070.942	27.972.550	45.636.897
Dịch vụ dầu khí	1.099.130	1.914.424	350.003	274.866	363.279
Tổng cộng	772.077.362	1.003.920.003	1.953.813.969	2.076.837.099	2.044.555.322

Nước ngầm

Nước ngầm chủ yếu được khai thác để sử dụng tại một số công trình đang thi công. Năm 2020, lượng nước ngầm tiêu thụ giảm, chủ yếu từ các hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí.

Tổng lượng nước ngầm tiêu thụ từ các công trình dầu khí

	2016	2017	2018	2019	2020
Thăm dò khai thác dầu khí	-	-	1.062	1.204	2.133
Vận chuyển, chế biến và kinh doanh khí	1.887	6.711	77.221	3.838	1.935
Công nghiệp điện	43.780	151.296	116.341	54.194	47.627
Công nghiệp chế biến dầu khí	40	40	1.292	300	88
Dịch vụ dầu khí	189.792	227.063	295.100	191.961	93.246
Tổng cộng	235.499	385.110	491.016	251.497	145.029

Nước cấp

Nước cấp được sử dụng trong các công trình dầu khí và sản xuất điện chủ yếu dùng cho sinh hoạt và cấp cho lò hơi. Nguồn nước này được cấp trực tiếp từ mạng cấp nước địa phương.

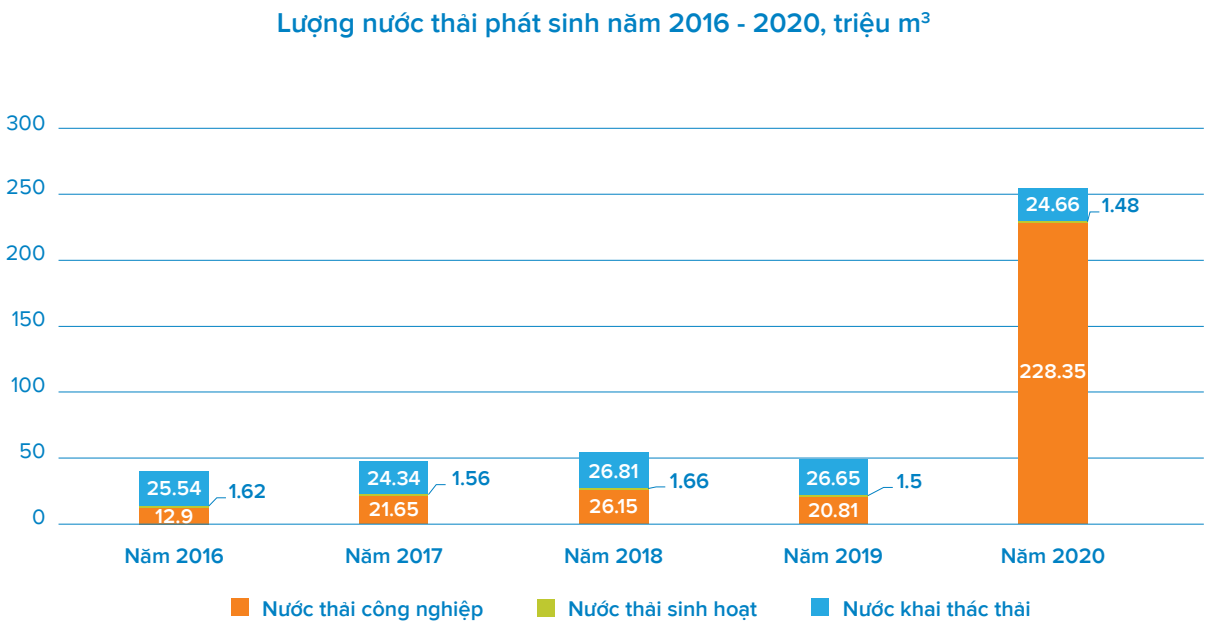
Tổng lượng nước cấp tiêu thụ từ các công trình dầu khí

	2016	2017	2018	2019	2020
Thăm dò khai thác dầu khí	900	900	793.185	753.471	757.843
Vận chuyển, chế biến và kinh doanh khí	-	-	281.282	325.336	356.372
Công nghiệp điện	-	-	3.037.678	2.296.364	2.872.140
Công nghiệp chế biến dầu khí	1.149.503	1.027.498	2.204.421	4.257.637	4.198.782
Dịch vụ dầu khí	-	-	679.775	1.187.630	753.984
Tổng cộng	1.150.403	1.028.398	6.996.341	8.820.438	8.939.121

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH DỮ LIỆU NƯỚC THẢI

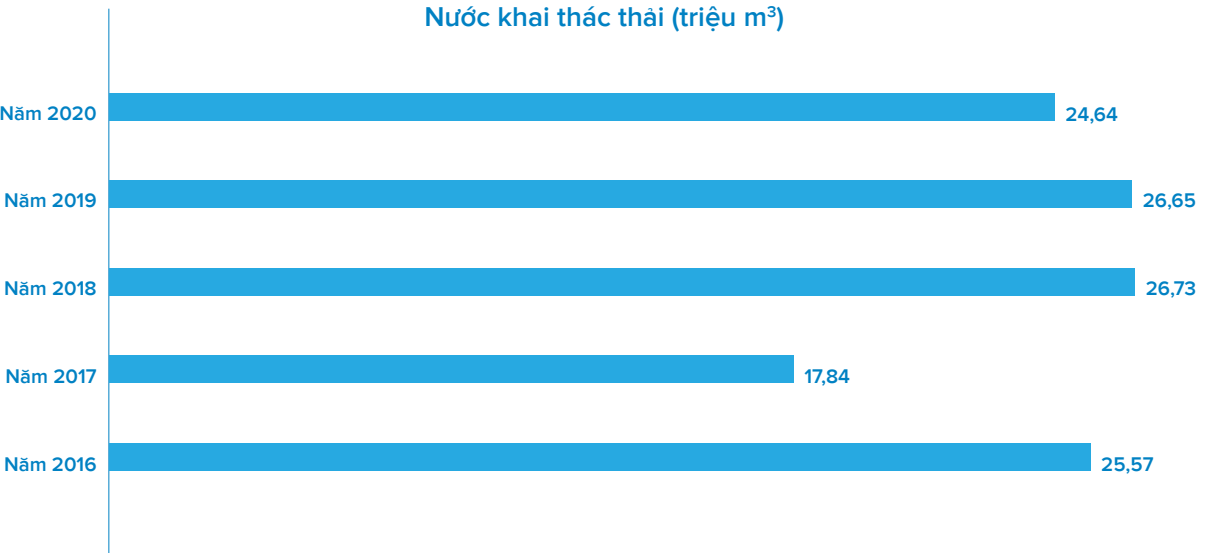
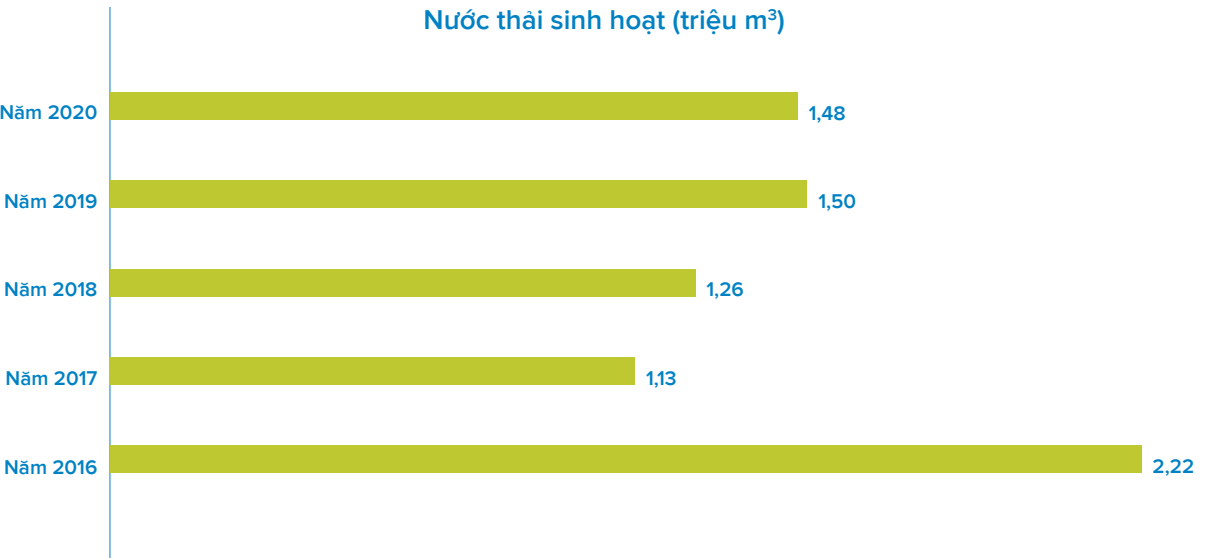
Năm 2020 tuy có nhiều khó khăn nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn vẫn duy trì tương đối ổn định. Lượng nước thải phát sinh không biến động nhiều so với các năm trước ngoại trừ lượng nước thải công nghiệp tăng đột biến do lượng nước phát sinh đột biến trong quý III và IV từ Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

Lượng nước thải phát sinh từ các công trình của Tập đoàn trong giai đoạn 2016 - 2020 được thể hiện trong biểu đồ dưới đây:



Ghi chú: Từ tháng 7/2020, lưu lượng nước thải của Nhà máy Điện Vũng Áng 1 tăng đột biến do tính theo lưu lượng nước thải theo thiết bị đo.

	Q1	Q2	Q3	Q4
Lưu lượng nước thải công nghiệp (m ³ /quý)	5.490.800	4.997.040	101.749.178	112.632.968



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC NGUỒN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh trong các hoạt động dầu khí chủ yếu là nước khai thác thải từ các công trình khai thác dầu khí ngoài khơi, nước thải công nghiệp từ các nhà máy trên bờ và nước thải sinh hoạt của lực lượng lao động. Tất cả các loại nước thải phát sinh do hoạt động của các công trình dầu khí đều được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn môi trường trước khi xả thải vào môi trường.

- » Nước khai thác thải từ các công trình khai thác dầu khí ngoài khơi trước khi xả ra môi trường phải được thu gom, xử lý đảm bảo hàm lượng dầu đạt quy chuẩn QCVN 35/2010:BTNMT; nước sặn nhiễm dầu và nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tuân thủ theo quy định của Thông tư 22/2015/TT-BTNMT hoặc Công ước Marpol trước khi thải ra ngoài môi trường.
- » Đối với nước thải từ các công trình dầu khí trên bờ, các nguồn nước thải đều được thu gom, xử lý đạt quy định của Việt Nam trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể các quy định hiện hành là: QCVN 40:2011/BTNMT đối với nước thải công nghiệp và QCVN 14:2008/BTNMT đối với nước thải sinh hoạt. Các công trình dầu khí đều có các hệ thống xử lý tiên tiến, hệ thống quan trắc nước thải tự động để kiểm soát chất lượng nước thải ra nguồn tiếp nhận.

Tất cả các công trình dầu khí đều thực hiện chương trình giám sát và quan trắc môi trường định kỳ theo quy định của Việt Nam.

Ngoài ra, một số công trình dầu khí có phát sinh lưu lượng thải lớn hoặc có thành phần ô nhiễm đặc trưng thì đều lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục để phát hiện kịp thời các rủi ro gây ô nhiễm môi trường. Hệ thống xử lý nước thải được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo hệ thống luôn vận hành hiệu quả. Do đó, nước thải từ các hoạt động của Tập đoàn không gây tác động hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường tiếp nhận.

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH DỮ LIỆU QUẢN LÝ CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG, CHẤT THẢI NGUY HẠI, CHẤT THẢI KHOAN

Chất thải khoan

Chất thải khoan phát sinh bao gồm có DDK nền nước, DDK nền không nước đã qua sử dụng, mùn khoan nền nước và mùn khoan nền không nước. Tùy thuộc đặc điểm địa chất của vỉa chứa, DDK nền nước hoặc DDK nền không nước sẽ được lựa chọn để sử dụng. Việc sử dụng DDK và thải bỏ mùn khoan trong hoạt động khoan từ các công trình dầu khí trên biển đã và đang được kiểm soát và quản lý chặt chẽ, cụ thể như sau:

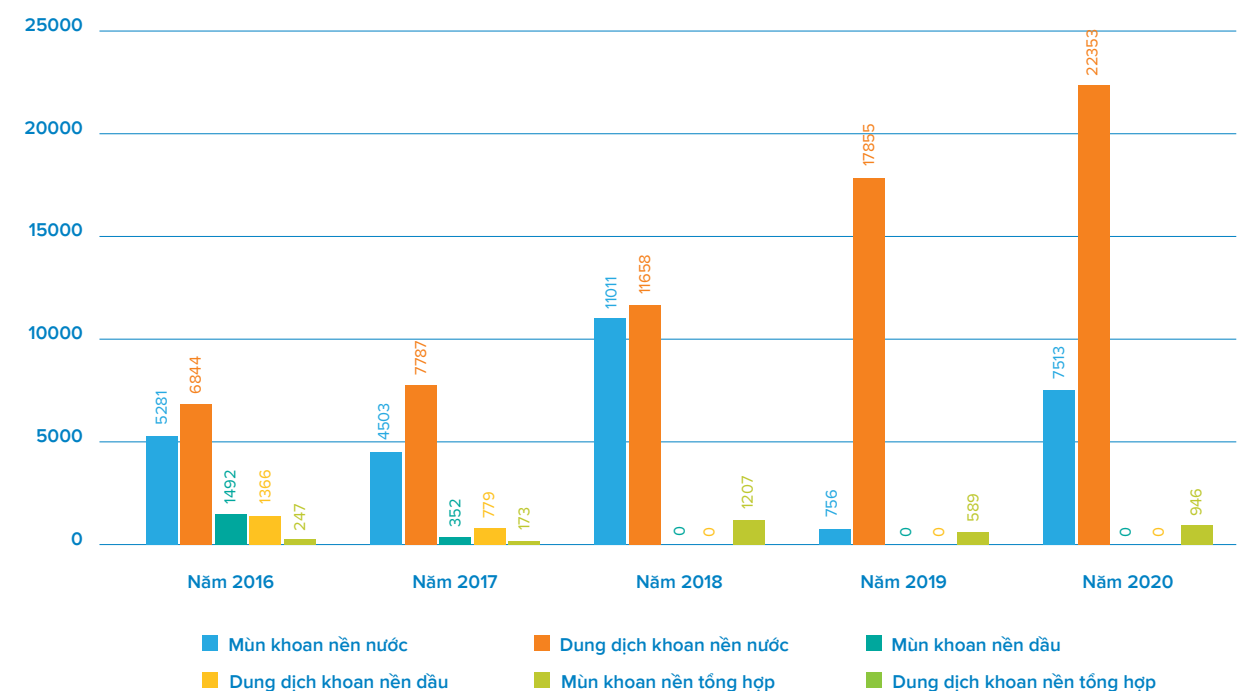
- » Đối với DDK và mùn khoan nền nước, sau khi sử dụng được phép thải bỏ trực tiếp xuống biển tuân theo quy định của QCVN 36:2010/BTNMT;
- » Đối với DDK và mùn khoan nền không nước được đánh giá có tác động đến môi trường đáng kể hơn so với DDK và mùn khoan nền nước, do đó trước, trong và sau khi sử dụng DDK và mùn khoan nền không nước phải tuân thủ theo các quy định của Thông tư 22/2015/TT-BTNMT và QCVN 36:2010/BTNMT:
 - » Trước khi sử dụng, các công ty dầu khí tiến hành lập hồ sơ xin phép Bộ TN&MT sử dụng DDK nền không nước;

- » Trong quá trình khoan, DDK nền không nước phải thu gom hoàn toàn và vận chuyển vào bờ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Mùn khoan nền không nước được thu gom và xử lý đảm bảo DDK nền không nước bám dính trong mùn khoan nhỏ hơn 9,5% trọng lượng ướt trước khi thải, tuân theo QCVN 36/2010/BTNMT;

Ngoài ra, các công ty dầu khí cũng đã tiến hành chương trình quan trắc môi trường định kỳ với mục đích kiểm tra và theo dõi diễn biến môi trường tại khu vực triển khai dự án, đồng thời báo cáo định kỳ cho Tập đoàn và cơ quan quản lý Nhà nước.

Thống kê lượng chất thải khoan phát sinh trong giai đoạn 2016-2020 được tóm tắt trong hình bên dưới.

Thống kê lượng chất thải khoan năm 2016-2020 (tấn)



Năm 2020, lượng chất thải khoan tăng cao so với năm 2019, trong đó lượng mùn khoan nền không nước cũng tăng so với năm 2019, tuy nhiên lượng mùn khoan nền không nước vẫn chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với mùn khoan nền nước.

Để đảm bảo hoạt động dầu khí không làm ảnh hưởng đáng kể đến môi trường biển, Tập đoàn đã đánh giá các ảnh hưởng môi trường tại các bồn trũng có triển khai hoạt động khoan thăm dò và khai thác dầu khí thông qua các đề tài / nhiệm vụ nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của VPI về tác động môi trường của các hoạt động dầu khí tại bồn trũng Cửu Long trong giai đoạn 1995-2016 và tại bồn trũng Nam Côn Sơn giai đoạn 1995-2019 cho thấy: các tác động môi trường cũng như các ảnh hưởng tới hệ sinh thái biển do hoạt động khoan và thải bỏ mùn khoan khi sử dụng các dung dịch khoan nền không nước như Saraline 200, Saraline 185V và Neoflo 1-58 chỉ có phạm vi cục bộ và ngắn hạn xung quanh vị trí khoan; môi trường biển và quần xã sinh vật đáy tại nhiều khu vực khảo sát được phục hồi hoàn toàn sau khi chấm dứt hoạt động khoan. Dựa trên căn cứ khoa học quan trọng

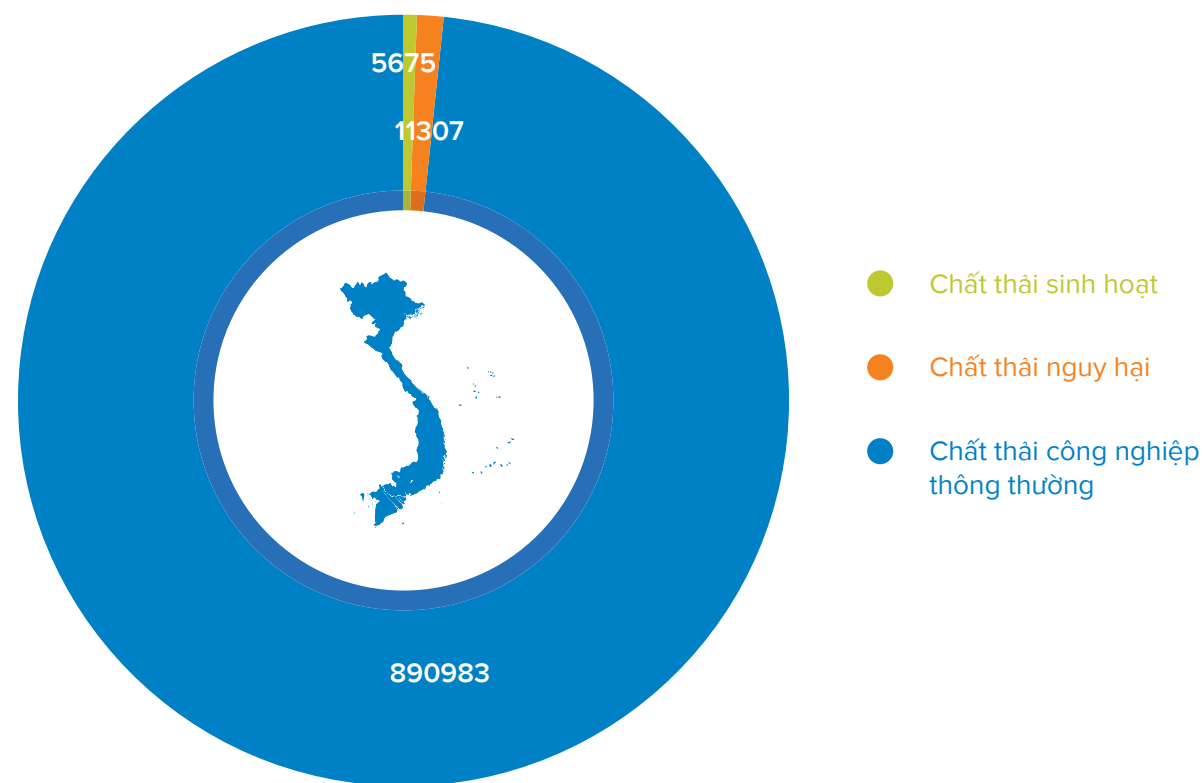
này, Tập đoàn tiếp tục tiến hành công tác đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước trong các hoạt động dầu khí trên biển Việt Nam nhằm kiến nghị sửa đổi QCVN 36:2010/ BTNMT theo hướng cập nhật các công nghệ mới của thế giới, cân bằng chi phí phù hợp (trong bối cảnh giá dầu thấp) cho hoạt động khoan, vừa đáp ứng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật, vừa bảo đảm tiêu chí bảo vệ môi trường, tạo điều kiện hợp lý cho Tập đoàn và các đơn vị, nhà thầu dầu khí trong quá trình áp dụng.

Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

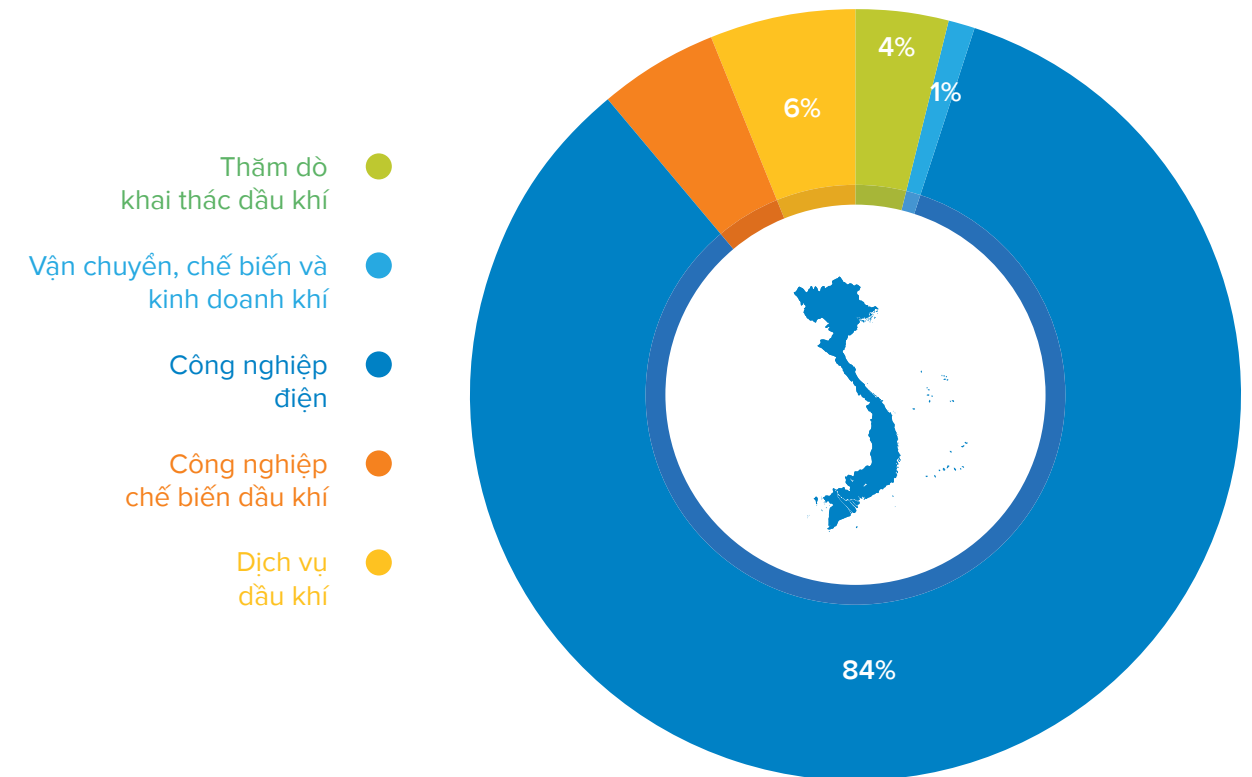
Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn, Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã thực hiện việc phân loại các chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thành 3 dòng chất thải bao gồm: Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại để áp dụng các phương pháp lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tất cả các loại chất thải phát sinh do hoạt động của các công trình dầu khí đều được thu gom, xử lý hoặc chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng để xử lý đúng quy định pháp luật.

Thống kê lượng chất thải gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại (bao gồm tro, xỉ thải của nhiệt điện than) trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của Tập đoàn của năm 2020 được tổng hợp dưới đây:

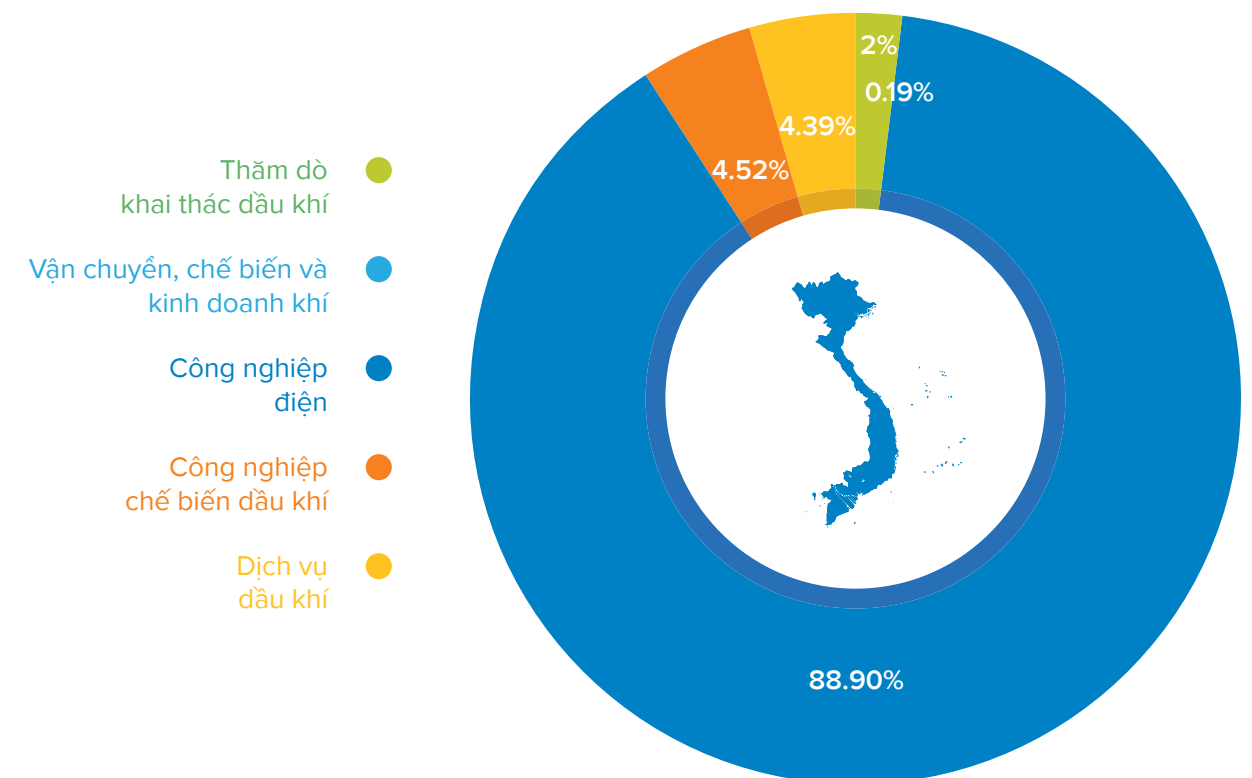
Lượng chất thải phát sinh năm 2020 (tấn)

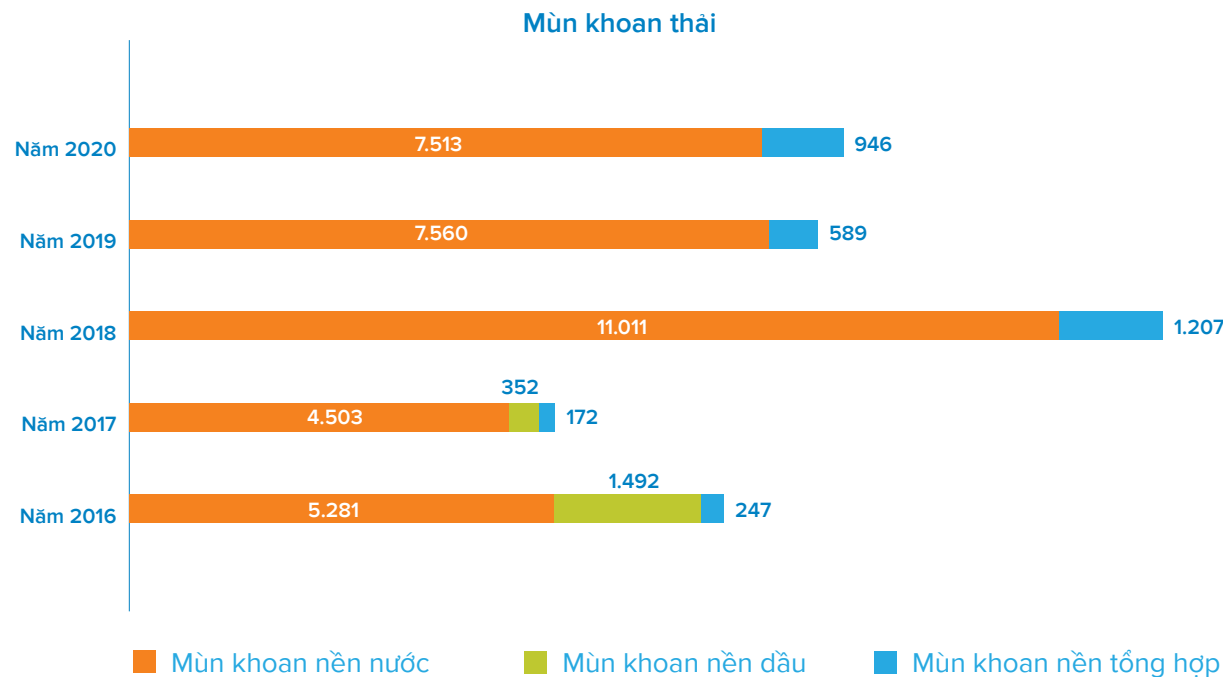


Tỷ lệ phân bố lượng chất thải giai đoạn 2016-2020



Phân bố CTSH & CTCN TT giai đoạn 2016-2020





Trong giai đoạn 2016 - 2020, các hoạt động của ngành công nghiệp điện chiếm trên 84% tổng khối lượng chất thải phát sinh (tính cả tro, xỉ thải), trong đó chất thải công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt chiếm tỷ trọng chính.

Tập đoàn luôn xem xét khả năng tiếp nhận và xử lý của các nhà thầu xử lý chất thải trong các hồ sơ năng lực, thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình xử lý của nhà thầu để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật. Cho đến nay, Tập đoàn chưa ghi nhận bất cứ vấn đề môi trường nào tại các khu vực tiếp nhận xử lý chất thải rắn.

PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH TIẾT KIỆM NGUYÊN VẬT LIỆU SỬ DỤNG TRONG SẢN XUẤT HÀNG HÓA

Tập đoàn đã xây dựng và triển khai chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Kết quả thực hành tiết kiệm nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh của Tập đoàn năm 2020 là 2.936 tỷ đồng.

Các biện pháp Tập đoàn đã và đang áp dụng để nhằm thực hiện công tác tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh:

- » Tổ chức các phong trào thi đua sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đi đôi với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- » Rà soát, hoàn chỉnh, tối ưu các quy trình kỹ thuật nhằm hạn chế lãng phí do lỗi sản xuất;
- » Xử lý nghiêm các trường hợp có hành vi gây thất thoát, lãng phí trong sản xuất kinh doanh;
- » Tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Tập đoàn và các đơn vị thành viên;
- » Kiểm tra hàng năm công tác thực hành tiết kiệm ở Tập đoàn và các đơn vị;
- » Các đơn vị thành viên xây dựng chương trình hành động thực hành tiết kiệm, báo cáo thực tế công tác tiết kiệm, giám sát thực hiện tại các đơn vị theo định kỳ hằng tháng, quý.
- » Phương hướng tiết kiệm nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2021:
- » Tiếp tục thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam;
- » Tăng cường và thường xuyên thực hiện các giải pháp để kiểm soát chặt chẽ chi phí, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và cảnh báo kịp thời các rủi ro trong hoạt động;
- » Thực hiện triệt để tiết kiệm năng lượng, vật tư, chi phí đầu vào;
- » Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh cho sản phẩm, dịch vụ dầu khí.

TIÊU CHUẨN BENZEN, CHÌ VÀ LƯU HUỖNH TRONG SẢN PHẨM XĂNG DẦU

Benzen được thêm vào xăng để cải thiện hiệu suất động cơ và hiệu quả nhiên liệu. Hiện nay tiêu chuẩn Benzen trong xăng tại các quốc gia phát triển rất khắt khe (< 1%tt) so với Tiêu chuẩn Việt Nam là < 2,5%tt (mức 2 & mức 3), < 1% (mức 4).

Xăng pha chì là xăng có pha thêm Tetraethyl chì ($C_2H_5)_4Pb$, có tác dụng làm tăng khả năng chịu nén của nhiên liệu dẫn đến tiết kiệm khoảng 30% lượng xăng sử dụng. Khí thải từ xăng pha chì không chỉ gây ô nhiễm không khí mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe con người. Tuy nhiên, từ năm 2001, sản phẩm xăng pha chì đã không được sử dụng tại thị trường Việt Nam.

Lưu huỳnh có trong dầu thô và được thu hồi, xử lý để sản phẩm xăng dầu đạt tiêu chuẩn, tuy nhiên trong sản phẩm vẫn còn tồn dư lượng nhỏ. Hàm lượng lưu huỳnh cao trong sản phẩm xăng dầu sẽ gây ăn mòn và làm giảm tuổi thọ hệ thống động cơ, hàm lượng lưu huỳnh càng cao khi cháy sẽ phát thải hàm lượng muối và SOx càng cao trong khí thải. Tiêu chuẩn Việt Nam là < 500ppm (mức 2 & mức 3), < 50ppm (mức 4). Tại châu Âu, tiêu chuẩn Euro 5 cho chỉ tiêu lưu huỳnh là 10ppm.

Các sản phẩm xăng dầu của Tập đoàn sản xuất cung cấp cho thị trường bao gồm xăng A92, xăng A95, dầu DO, FO... Các sản phẩm xăng dầu đều đạt tiêu chuẩn theo QCVN 1:2015 mức 2 và 3, tuy nhiên chỉ tiêu Benzen và lưu huỳnh chưa đạt được mức 4 (QCVN 1:2015) & tiêu chuẩn Euro 5 (BS EN 228:2008).

Để đạt được chất lượng sản phẩm theo mức 4 (QCVN 1:2015) và tiêu chuẩn Euro 5, các nhà máy lọc dầu đang nghiên cứu nâng cấp các phân xưởng như Dự án NCMR NMLD Dung Quất với tổng mức đầu tư ước tính khoảng 1,8 tỷ USD đang chuẩn bị triển khai thực hiện.

CẢI TIẾN, NÂNG CẤP CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VỀ CÁC KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên không ngừng nghiên cứu, phát huy sáng kiến, sáng chế, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và tiết kiệm chi phí. Ngoài các giải pháp nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính ra môi trường, trong năm 2020 NMLD Dung Quất đã nghiên cứu và sản xuất thành công sản phẩm dầu MFO - nhiên liệu hàng hải. Nhiên liệu MFO được sử dụng cho tàu biển, là loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp sẽ góp phần giảm phát thải SOx vào môi trường.

ĐÁNH GIÁ SỰ TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Với phương châm “**Bảo vệ môi trường gắn với văn hóa Dầu khí**”. Tập đoàn đã triển khai toàn diện và đồng bộ các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường theo hướng tuân thủ chặt chẽ những quy định của pháp luật về môi trường trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh thuộc lĩnh vực đầu tư của ngành. Tất cả các công trình và dự án được triển khai mới cũng như đang vận hành đều tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật của Việt Nam cụ thể như sau:

Dự án/công trình	Yêu cầu của pháp luật về môi trường	Mức độ tuân thủ
Dự án đầu tư mới	» Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	100% các dự án đều tiến hành theo đúng yêu cầu của pháp luật.
Trước khi vận hành chính thức các công trình xử lý chất thải	» Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường	100% các công trình đều thực hiện đúng quy trình và được các cấp có thẩm quyền cấp giấy xác nhận.
Công trình đang vận hành khai thác và sản xuất	» Giám sát định kỳ và liên tục các nguồn thải. » Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu biện pháp ứng phó sự cố hóa chất. » Đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại. » Xin giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. » Thông báo các cơ quan có chức năng trong trường hợp có những thay đổi so với các nội dung đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.	100% các công trình đều thực hiện theo đúng quy định của luật
Kết thúc vòng đời của công trình	» Thu dọn các công trình thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí	Chưa có công trình thiết bị và phương tiện nào tiến hành thu dọn.

AN TOÀN SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CÔNG NGHỆ

HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN SỨC KHỎE, AN TOÀN CÔNG NGHỆ

Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp luôn được Tập đoàn đặc biệt quan tâm và là một phần không thể tách rời trong hệ thống quản lý ATSKMT của Tập đoàn. Các rủi ro về an toàn, sức khỏe được nhận diện và quản lý ngay từ giai đoạn thiết kế, xây dựng đến chạy thử, vận hành thương mại. Tập đoàn đã và đang áp dụng mọi biện pháp thích hợp để ngăn ngừa và giảm thiểu các rủi ro gây tác hại đối với sức khỏe và tính mạng con người, gây thiệt hại tài sản hoặc môi trường, kiểm soát các mối nguy có thể tác động đến sản xuất kinh doanh, trong khi vẫn tạo ra các giá trị bền vững.

Để đảm bảo an toàn cho các công trình dầu khí, PVN và các đơn vị đang thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro như sau:

- » Lập và trình Bộ Công Thương phê duyệt báo cáo đánh giá định lượng rủi ro cho các dự án, công trình nhằm nhận diện các rủi ro chính và đề ra các biện pháp ngăn ngừa các tai nạn, sự cố. Thẩm định và trình Bộ Công Thương phê duyệt các tài liệu quản lý an toàn theo Quyết định số 04/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý an toàn trong các hoạt động dầu khí và Thông tư số 43/2010/TT-BCT của Bộ Công Thương cho công trình, dự án dầu khí;
- » Thực hiện xem xét HAZOP để đảm bảo thiết kế của các công trình dầu khí có mức độ an toàn phù hợp;
- » Thực hiện đánh giá rủi ro định tính cho các hoạt động thường xuyên và không thường xuyên khi công trình đi vào vận hành;
- » Triển khai hệ thống cấp phép làm việc và thực hiện phân tích an toàn trước khi tiến hành các công việc có nguy cơ cao và các công việc không thường xuyên.

Hệ thống quản lý ATVSLĐ của PVN được thực hiện và duy trì thông qua các hoạt động:

- » Tiếp tục thực hiện chính sách ATSKMT và sổ tay hệ thống quản lý ATSKMT.
- » Duy trì và vận hành tốt Hệ thống cơ sở dữ liệu ATSKMT và xây dựng bổ sung phần mềm phân tích, đánh giá nguyên nhân tai nạn sự cố của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- » Xây dựng bổ sung module Quản trị rủi ro ATSKMT vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ATSKMT để tiếp tục nâng cao năng lực quản lý rủi ro ATSKMT tại các đơn vị trong Tập đoàn.
- » Cập nhật, sửa đổi, chỉnh sửa và xây dựng mới các tài liệu hệ thống quản lý an toàn sức khỏe của Tập đoàn:
 - » Hoàn tất việc xây dựng dự thảo Hướng dẫn triển khai công tác an toàn và sức khỏe lao động trong các dự án của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
 - » Hoàn tất việc xây dựng dự thảo Hướng dẫn thiết lập hệ thống quản lý an toàn công nghệ cho các hoạt động dầu khí;
 - » Triển khai thiết lập và từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn công nghệ, triển khai việc thiết lập và áp dụng bộ chỉ số hiệu quả an toàn công nghệ. Vấn đề đánh giá rủi ro an

toàn công nghệ có xem xét tích hợp các mối nguy an toàn thông tin đối với các hệ thống, điều khiển công nghiệp cũng đang được nghiên cứu để triển khai áp dụng;

- » Tiếp tục hoàn thiện chính sách, mục tiêu và chiến lược quản lý thiết bị và chống ăn mòn, góp phần đảm bảo các nhà máy vận hành ổn định, liên tục và an toàn.
- » Tiến hành nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn thiết lập sơ đồ mối nguy cho các công trình dầu khí nhằm triển khai áp dụng bổ sung một giải pháp cảnh báo rất trực quan, tổng quát về các mối nguy ATVSLĐ và cháy nổ đối với người lao động.

Vấn đề sức khỏe và bệnh nghề nghiệp người lao động cũng được Tập đoàn đặc biệt quan tâm. Trong các năm qua, Tập đoàn tăng cường kiểm soát tình trạng sức khỏe và bệnh nghề nghiệp của người lao động và tiến hành thực hiện các hành động cụ thể nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các tác nhân gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, điển hình như:

- » Xây dựng các nội quy, quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động an toàn vệ sinh lao động - phòng, chống cháy nổ;
- » Thường xuyên kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ tại các đơn vị thành viên;
- » Phát hiện và kiến nghị khắc phục kịp thời các biện pháp an toàn, chính sách an toàn;
- » Không ngừng nâng cao chất lượng trong công tác quản lý an toàn vệ sinh lao động tại các đơn vị, không ngừng cải thiện điều kiện môi trường làm việc, chăm sóc sức khỏe của người lao động...



THỐNG KÊ, PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU THƯƠNG TẬT, TỬ VONG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP VÀ LTI

Năm 2020, công tác ngăn chặn, phòng ngừa tai nạn sự cố ở các đơn vị thuộc Tập đoàn được duy trì tốt. Các nhà máy, công trình dầu khí trọng điểm được vận hành ổn định, liên tục, không xảy ra sự cố cháy nổ nghiêm trọng; nhiều công trình dầu khí mới được đưa vào vận hành an toàn; tần suất tai nạn lao động, sự cố duy trì ở mức thấp; và không để xảy ra thiệt hại tới tài sản của các đơn vị trong Tập đoàn qua các đợt bão, lũ và thiên tai.

Thống kê số liệu an toàn sức khỏe giai đoạn 2016 - 2020 được trình bày tại bảng sau:

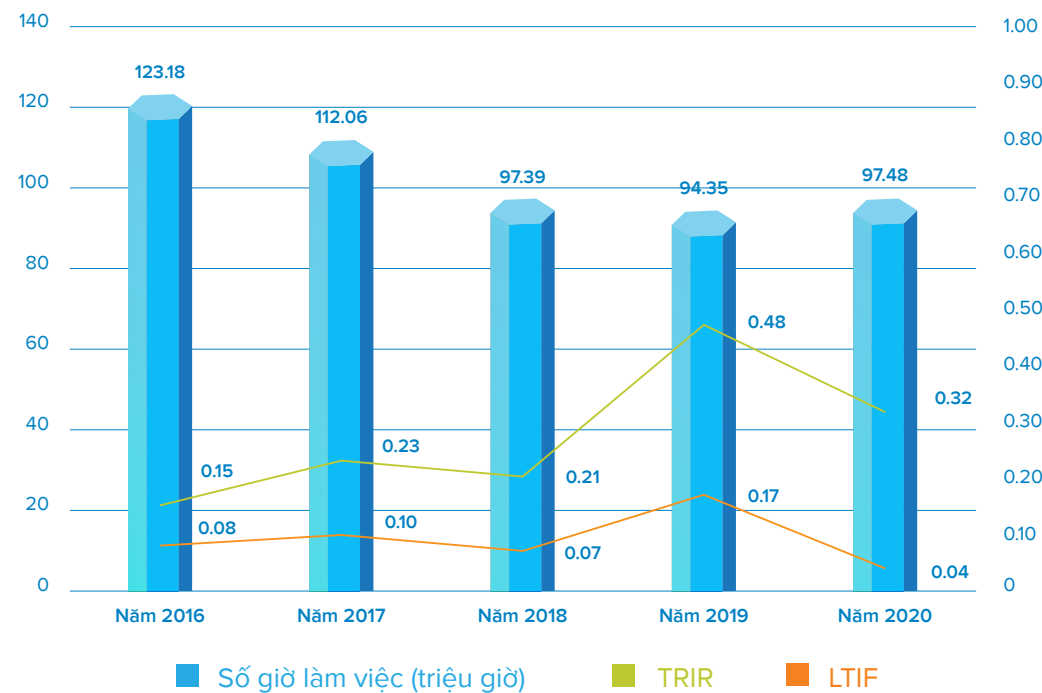
Thống kê số liệu an toàn sức khỏe giai đoạn 2016 - 2020

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Số giờ làm việc (triệu giờ)	123,18	112,06	97,39	94,35	97,48
Tai nạn ghi nhận (vụ)	19	26	20	45	31
Số người chết (người)	1	1	0	2	1
Số ngày công bị mất (ngày)	10	11	7	16	4
Số người bị bệnh nghề nghiệp (người)	63	89	52	77	68
TRIR	0,15	0,23	0,21	0,48	0,32
LTIF	0,08	0,10	0,07	0,17	0,04

Tỷ lệ thương tật và tần suất số tai nạn mất ngày công giai đoạn 2016 - 2020

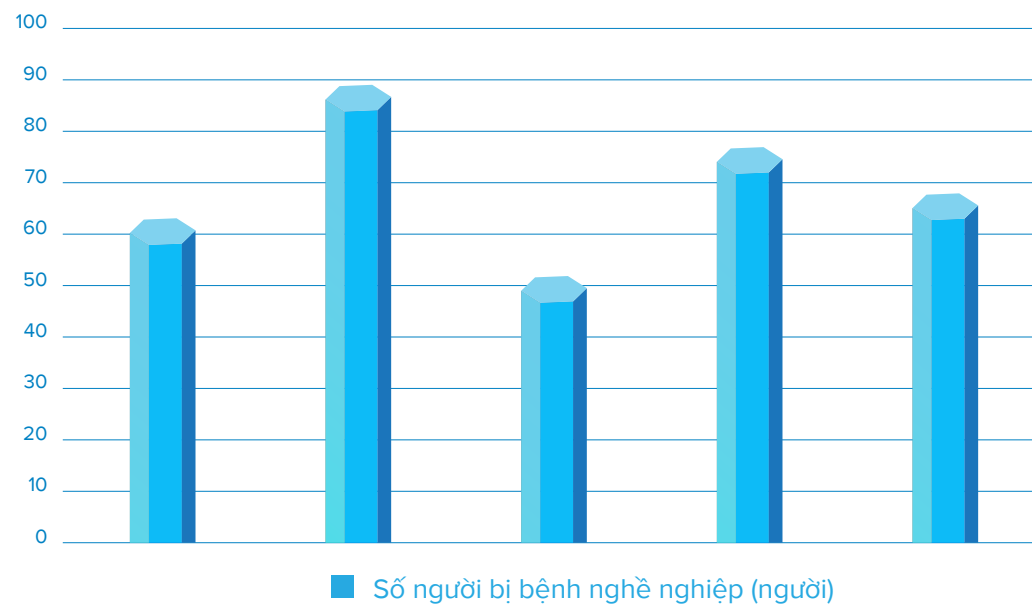
Năm 2020, tổng số vụ tai nạn ghi nhận là 31 vụ, giảm 31% với năm 2019; chỉ số tổng tỉ lệ thương tật được ghi nhận (Total Recordable Injury Rate - TRIR) và tần suất số tai nạn mất ngày công (Lost Time Injury Frequency - LTIF) trong toàn Tập đoàn cũng giảm đáng kể so với năm 2019, lần lượt giảm tương ứng ở mức 33% và 76%. Sự giảm đáng kể số lượng tai nạn và mức độ tổn thương do tai nạn lao động cho thấy công tác quản lý ATSKMT của Tập đoàn trong năm 2020 đạt hiệu quả tốt.

Thống kê tỷ lệ thương tật và tần số tai nạn mất ngày công giai đoạn 2016 - 2020



Thống kê tỷ lệ thương tật và tần suất tai nạn mất ngày công giai đoạn 2016 - 2020 cho thấy tổng số tai nạn lao động có xu hướng tăng, tuy nhiên mức độ nghiêm trọng của tai nạn lao động lại giảm ở nửa cuối giai đoạn 2016 - 2020. Có thể thấy các biện pháp kiểm soát rủi ro an toàn lao động trong toàn Tập đoàn đã mang đến hiệu quả về mặt bảo vệ và giảm thiểu các tác động đến sức khỏe cho người lao động.

Số lao động bị bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2016 - 2020



So với năm 2020, tổng số lao động mắc bệnh nghề nghiệp giảm so với năm 2019. Nhìn chung, tổng số lao động mắc bệnh nghề nghiệp nằm ở mức trung bình so với giai đoạn 2016-2020.

TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN

Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn và các đơn vị thành viên luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, các quy định về công tác an toàn sức khỏe, các quy định mới đều được phổ biến và triển khai thực hiện.

Để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Việt Nam trong công tác quản lý an toàn - sức khỏe trong quá trình hoạt động, PVN đã tiến hành:

- » Rà soát, xem xét các yêu cầu pháp lý thông qua các văn bản do Nhà nước ban hành. Cùng với các chính sách và quy định của PVN, các quy định pháp luật liên quan là yêu cầu cao nhất được PVN tuân thủ trong quá trình triển khai dự án bởi các đơn vị thành viên.
- » Cập nhật thường xuyên danh mục các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý an toàn sức khỏe và phổ biến, triển khai thực hiện;
- » Kiểm tra giám sát định kỳ việc tuân thủ về ATVSLĐ tại các đơn vị thành viên. Công tác kiểm tra, giám sát tiếp tục được thực hiện theo nhiều hình thức kiểm tra, giám sát cụ thể như sau:
 - » Kiểm tra định kỳ;
 - » Kiểm toán công tác ATSKMT;
 - » Kiểm tra đột xuất trước các mốc quan trọng các đợt bảo dưỡng, sửa chữa lớn, first oil & first gas, khởi động, chạy thử, trước mùa mưa bão, dịp nghỉ lễ, tết;
 - » Phối hợp kiểm tra.

Trong năm 2020, các công tác kiểm tra, giám sát ATSKMT được thực hiện bao gồm:

♦ Tự kiểm tra công tác ATVSLĐ

- » Kiểm tra công tác an toàn, PCCN tại 13 đơn vị tại Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hậu Giang;
- » Kiểm tra rà soát, đánh giá sơ bộ công tác ATSKMT trong quá trình vận hành thử nghiệm dự án NPK của PVCFC;
- » Kiểm toán kỹ thuật hằng năm về công tác ATSKMT đối với 16 nhà thầu/nhà điều hành dầu khí theo kế hoạch;
- » Kiểm tra hai phía Việt - Nga về công tác an toàn lao động, chống phun chống cháy và bảo vệ môi trường tại Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro.

♦ Phối hợp kiểm tra/ giám sát công tác ATSKMT:

- » Tham gia đoàn kiểm tra của Bộ Công Thương về đảm bảo công tác ATVSLĐ tại 3 đơn vị của PVGAS, PVOIL, JVPC;
- » Tham gia đoàn kiểm tra Hội đồng Thành viên Tập đoàn và đoàn giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 tại Liên doanh Việt - Nga; đoàn kiểm tra hai phía Việt - Nga về công tác ATVSLĐ- PCCN;
- » Phối hợp với PVC kiểm tra công tác ATSKMT tại 5 đơn vị của PVC tại Sông Hậu, TP HCM, Vũng Tàu, Thái Bình;
- » Tham gia đoàn kiểm tra công tác ATSKMT tại PVD, PV GAS, VNPoly, PVChem, DQS.

♦ Đôn đốc, hỗ trợ các dự án trong công tác an toàn sức khỏe môi trường, PCCC:

- » Chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác ATSKMT các nhà máy điện than.

PHƯƠNG HƯỚNG, CÁCH TIẾP CẬN CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN SỨC KHỎE, QUẢN LÝ AN TOÀN CÔNG NGHỆ, BẢO VỆ TÀI SẢN

Công tác quản lý an toàn sức khỏe luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt và là một nội dung rất quan trọng trong công tác quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp nói chung. Tập đoàn luôn áp dụng mọi biện pháp nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các rủi ro lên sức khỏe và tính mạng con người. Vấn đề quản lý sức khỏe và bệnh nghề nghiệp của người lao động là công tác được thực hiện thường xuyên và đã được đề cập chi tiết trong phần 5.6.1.

PVN đã ban hành “Sổ tay Hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường” nhằm đưa ra các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản trong mọi hoạt động của mình, bao gồm cả các đơn vị thành viên. Trong đó, hệ thống quản lý an toàn công nghệ phải được áp dụng tại các công trình đầu khí sử dụng công nghệ có tính rủi ro cao để nhận diện, đánh giá, kiểm soát các mối nguy công nghệ và rút ra bài học kinh nghiệm từ thực tế nhằm ngăn ngừa các hoạt động có thể dẫn đến sự cố và thương tật. Các yêu cầu cụ thể bao gồm:

- » Đảm bảo an toàn công nghệ là nhiệm vụ cốt lõi mà đơn vị sản xuất phải cam kết thực hiện với sự tham gia chủ động của tất cả các nhân sự có liên quan vào hệ thống quản lý an toàn công nghệ;
- » Các mối nguy và rủi ro công nghệ phải được phân tích kỹ lưỡng và đánh giá đầy đủ, thích hợp nhằm mục đích lên kế hoạch và triển khai các hoạt động ổn định, hiệu quả và an toàn;
- » Đối với những công nghệ có tính rủi ro cao, đặc biệt tại các công trình đầu khí thuộc lĩnh vực thăm dò khai thác, chế biến lọc hóa dầu, vận chuyển phân phối các sản phẩm dầu khí, đơn vị phải có hệ thống quản lý an toàn công nghệ, xác định chỉ số an toàn công nghệ hợp lý để đảm bảo rủi ro về an toàn công nghệ được kiểm soát ở mức chấp nhận được;
- » Sử dụng các biện pháp đo lường; giám sát việc áp dụng bộ chỉ số hiệu quả an toàn công nghệ kết hợp quá trình phân tích, đúc kết những bài học kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả quản lý an toàn công nghệ;
- » Trong bối cảnh cần triển khai áp dụng các kỹ thuật công nghệ mới nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, vấn đề đảm bảo an toàn thông tin, đặc biệt đối với các hệ thống điều khiển công nghiệp đã được đặt ra và đang được xem xét, nghiên cứu để từng bước kiểm soát toàn diện các mối nguy về an toàn công nghệ.

Tuân thủ các yêu cầu thông qua những hồ sơ, tài liệu sau:

- » Hệ thống, quy trình, hướng dẫn quản lý an toàn công nghệ;
- » Sổ tay vận hành, các hướng dẫn làm việc an toàn;
- » Tài liệu thông tin an toàn công nghệ;
- » Quy trình công nghệ và bộ chỉ số hiệu quả an toàn công nghệ áp dụng;
- » Báo cáo giám sát;
- » Báo cáo phân tích mối nguy, đánh giá rủi ro công nghệ, quản lý nhà thầu, quản lý sự thay đổi, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp sự cố công nghệ;
- » Tài liệu, hồ sơ đào tạo, đánh giá năng lực quản lý an toàn công nghệ;
- » Hồ sơ điều tra tai nạn sự cố, đo lường, kiểm tra, kiểm định;
- » Xem xét của lãnh đạo và các đề xuất cải tiến liên tục.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TƯ VẤN, PHÒNG NGỪA DỊCH BỆNH VÀ KIỂM SOÁT RỦI RO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



Đồng hành cùng cả nước và thế giới trong công cuộc phòng chống dịch bệnh, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã kịp thời thành lập Ban Chỉ đạo Phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong Tập đoàn và các đơn vị. Ban chỉ đạo thường xuyên tổ chức họp để nhanh chóng cập nhật, nắm bắt tình hình dịch bệnh để triển khai phòng chống dịch hiệu quả, chủ động. Đồng thời, nhiều văn bản thiết thực đã được Tập đoàn ban hành nhằm thực thi công tác phòng chống dịch bệnh một cách hiệu quả, cụ thể như sau:

- » Ban hành Kế hoạch Ứng phó khẩn cấp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Quyết định số 1361/QĐ-DKVN ngày 25/3/2020;
- » Ban hành “Hướng dẫn công tác kiểm dịch y tế phòng chống lây nhiễm Covid-19 đối với người lao động ra làm việc trên công trình biển, phương tiện nổi, người điều khiển phương tiện



và phương tiện chuyên chở đến công trình biển”;

- » Ban hành 7 chỉ thị chỉ đạo các đơn vị tiếp tục tăng cường các biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid-19 trong tình hình mới;
- » Hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị triển khai xét nghiệm Covid-19 cho CBCNV ra làm việc trên biển;
- » Hướng dẫn các đơn vị về thủ tục kiểm dịch và nhập cảnh cho tàu đến bốc dầu tại cảng dầu khí ngoài khơi trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19;
- » Hỗ trợ các chuyên gia nước ngoài của 25 đơn vị/ nhà thầu nhập cảnh vào Việt Nam làm việc cho các Dự án dầu khí:
 - » Tổng số chuyên gia xin nhập cảnh: 2.748 người
 - » Tổng số chuyên gia đã nhập cảnh: 1.789 người
 - » Tổng số chuyên gia đã hoàn thành cách ly và đi làm: 1.789 người
 - » Tổng số chuyên gia chưa nhập cảnh: 959 người
 - » Số chuyên gia đã xuất cảnh: 1.374 người

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị đã triển khai nhiều biện pháp phòng chống nhằm kịp thời ngăn chặn, phòng ngừa và hạn chế đến mức thấp nhất các nguy cơ lây nhiễm, đảm bảo sức khỏe của người lao động, duy trì liên tục hoạt động SXKD một cách an toàn. Một số biện pháp điển hình như:

- » Phát động và triển khai các hoạt động thiết thực nâng cao sức khỏe người lao động như: Thể dục thể thao, bổ sung dưỡng chất, trang bị công cụ, vật dụng y tế cơ bản trong phòng dịch...;
- » Tuyên truyền nội bộ để người lao động hiểu mức độ nguy hiểm và tuân thủ tất cả các khuyến cáo của Bộ Y tế và chỉ thị của công ty;
- » Đặc biệt là chủ động các giải pháp, các kịch bản, phương án để bảo vệ an toàn cho các CBCNV và đặc biệt là đội ngũ vận hành, bảo dưỡng công trình.

Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong toàn Tập đoàn được quán triệt và thực hiện nghiêm túc. Toàn Tập đoàn chưa ghi nhận trường hợp CBCNV nào mắc bệnh, các công trình, nhà máy tiếp tục vận hành liên tục, ổn định và an toàn.



CÁC CHỦ ĐỀ ATVSLĐ ĐÃ THỰC HIỆN CÙNG VỚI CÔNG ĐOÀN

Năm 2020, trước bối cảnh ngành dầu khí bị tác động mạnh từ “khủng hoảng kép” Covid-19 và giá dầu sụt giảm đã khiến hoạt động khai thác, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn; đời sống, thu nhập của người lao động cũng bị ảnh hưởng. Công đoàn Dầu khí Việt Nam đã phát động và triển khai Tháng Công nhân gắn liền với Tháng Hành động về an toàn vệ sinh lao động năm 2020 với chủ đề **“Năng suất cao - An toàn lao động - Thu nhập bảo đảm”, “Đẩy mạnh cải thiện điều kiện lao động và kiểm soát các nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc”**.

Bên cạnh chủ đề **“Năng suất cao - An toàn Lao động - Thu nhập tốt”**, Công đoàn DKVN đã kịp thời hướng dẫn, bổ sung chủ đề **“Duy trì việc làm - An toàn lao động - Thu nhập ổn định”**; tập trung vào những hoạt động để thực hiện nhiệm vụ kép vừa phòng, chống dịch, khắc phục hậu quả của giá dầu giảm sâu, với quyết tâm cao nhất, động viên người lao động nỗ lực phấn đấu, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.



MỘT SỐ CHỦ ĐỀ/CÔNG TÁC AN TOÀN SỨC KHỎE NỔI BẬT TRONG NĂM 2020

Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, các công trình của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đều được vận hành một cách an toàn và hiệu quả trong năm 2020. Qua đó, một số công tác an toàn sức khỏe của Tập đoàn như sau:

- » Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong toàn Tập đoàn được thực hiện nghiêm túc, tất cả các hoạt động của Tập đoàn đều được đảm bảo an toàn, toàn Tập đoàn không có trường hợp bị nhiễm bệnh;
- » Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ được duy trì xuyên suốt, đảm bảo an toàn tuyệt đối trên toàn bộ hệ thống, đặc biệt chú trọng đối với các công trình mới đưa vào hoạt động, khai thác;
- » Công tác bảo dưỡng lớn ở các nhà máy như Lọc dầu Dung Quất, Điện Hòa Na, Nhơn Trạch 2... được triển khai theo đúng kế hoạch và đảm bảo an toàn;



ĐÁNH GIÁ VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CHỦ TRƯỞNG AN TOÀN CÔNG NGHỆ VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP



Hiện nay, các dự án của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên đều tuân thủ và thực hiện các biện pháp kiểm soát an toàn công nghệ theo các quy định về quản lý an toàn hiện hành (theo Quyết định số 04/2015/QĐ-TTg ngày 20/01/2015). Việc xây dựng các tài liệu về quản lý an toàn là trách nhiệm của các đơn vị dầu khí trong các giai đoạn triển khai dự án, đặc biệt là trước và trong giai đoạn vận hành của các công trình dầu khí. Khi các dự án có thay đổi liên quan đến hệ thống công nghệ sản xuất, bộ tài liệu an toàn của dự án cũng được cập nhật và đối với tài liệu đánh giá rủi ro của công trình được cập nhật định kỳ 5 năm/lần.

Ngoài ra, đối với một số các công trình dầu khí trọng yếu hoặc có tính rủi ro cao, bên cạnh bộ tài liệu quản lý an toàn thực hiện theo quy định pháp luật, các đơn vị dầu khí luôn chủ động công tác quản lý an toàn công nghệ qua việc phát triển các tài liệu quy trình, hướng dẫn quản lý an toàn công nghệ như: quy trình kiểm soát các bước thực hiện các công việc trọng yếu, phức tạp, sổ tay quản lý chính sách an toàn, tài liệu quản lý sự thay đổi, quy trình giấy phép làm việc, chỉ tiêu đánh giá và đo lường ATSKMT.... Công tác quản lý an toàn công nghệ mang tính hệ thống đã được các đơn vị dầu khí điển hình triển khai và thực hiện như: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro (VSP), Công ty Dầu khí Nhật - Việt (JVPC), Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS), Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn (NCSP), Công ty Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước (PVEP POC), Công ty Liên doanh Điều hành Cứu Long (CLJOC), Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BDPOC), Công ty Điều hành chung Hoàng Long - Hoàn Vũ (HLHVJOC)...

ỨNG PHÓ TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

Năm 2020, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp duy trì hoạt động trực tình huống khẩn cấp ở chế độ 24/24 của Văn phòng Trực tình huống khẩn cấp (THKC), đặc biệt là việc vận hành thông suốt hệ thống thông tin hỗ trợ ứng cứu THKC của Tập đoàn. Hệ thống này vừa là công cụ kết nối thông tin liên lạc khẩn cấp trực tiếp giữa Văn phòng trực của PVN và Văn phòng trực THKC các đơn vị, vừa giám sát hoạt động các tàu, giàn khoan trên biển với sự hỗ trợ cập nhật của các vệ tinh định vị trên nền tảng bản đồ số và các lớp dữ liệu liên quan. Ngoài ra, hệ thống còn cung cấp khả năng thông báo nhanh về các công trình, phương tiện đang gặp sự cố, xác định các phương tiện ứng cứu gần nhất, thể hiện các thông tin cần thiết để hỗ trợ ứng cứu như thời tiết, khí tượng, dự báo sự lan truyền của dầu tràn, độ nhạy cảm môi trường, phục vụ tập trung và hiệu quả đối với công tác ứng cứu khẩn cấp trong toàn Tập đoàn. Đã xây dựng kết nối thành công hệ thống giám sát trực tuyến từ Tập đoàn đến các tổng công ty, công ty con và các công trình biển.

Các công tác ứng phó khẩn cấp trọng tâm trong năm 2020:

- » Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung hệ thống văn bản, quy định của Tập đoàn về ATSKMT, đặc biệt là các văn bản, hướng dẫn về ứng cứu khẩn cấp, điển hình như:
 - » Ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phiên bản năm 2020;
 - » Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư 19/2020/TT-BTNMT về danh mục chất phân tán được phép sử dụng trong vùng biển Việt Nam và hướng dẫn về quy trình sử dụng chất phân tán trong ứng phó sự cố tràn dầu trên biển;
- » Công tác ngăn chặn, phòng ngừa, tai nạn sự cố trong năm 2020: Các nhà máy, công trình dầu khí trọng điểm tiếp tục vận hành ổn định, liên tục, an toàn, không có tai nạn sự cố, cháy nổ nghiêm trọng; không để xảy ra sự cố tràn dầu/ tràn đổ hóa chất;
- » Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong toàn Tập đoàn được quán triệt thực hiện nghiêm túc, toàn Tập đoàn không có trường hợp nhiễm Covid-19;
- » PVN đã phối hợp và hỗ trợ các đơn vị thành viên xây dựng và trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt các báo cáo ứng phó sự cố tràn dầu, kế hoạch ứng phó khẩn cấp, kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn hóa chất cho các dự án ngoài khơi của Việt Nam tại Lô 01&02, mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt, mỏ Đại Hùng...;
- » Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện công tác ATSKMT, phòng cháy chữa cháy của các đơn vị và tập trung vào các đơn vị đang vận hành công trình trọng điểm, dự án đang hoạt động có nguy cơ cao về an toàn. Năm 2020, PVN đã tiến hành kiểm tra 13 đơn vị thành viên tại các địa phương: Thành phố HCM, Cần Thơ, Hậu Giang. Phối hợp kiểm tra/ giám sát công tác ATSKMT tại PV GAS, PVOIL, JVPC, PVC, PVD, VNPoly, PVChem, DQS.
- » Tổ chức diễn tập ứng cứu khẩn cấp với 5 đơn vị; ứng phó sự cố tràn dầu với 3 đơn vị.

Công tác phòng ngừa và ứng phó dịch bệnh Covid-19:

Năm 2020, vấn đề phòng chống dịch bệnh Covid-19 nổi lên là mối quan tâm hàng đầu, không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới. Dịch bệnh là mối nguy hiểm trực tiếp, không chỉ đe dọa tới sức

khỏe và tính mạng của người lao động mà còn có khả năng làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh nếu xảy ra bùng phát dịch bệnh tại các cơ sở sản xuất của Tập đoàn, đặc biệt là tại các giàn khai thác dầu khí ngoài khơi. Trước tình hình đó, Ban Chỉ đạo Phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong Tập đoàn và các đơn vị đã được thành lập. Ban chỉ đạo đã tổ chức triển khai nhiều biện pháp phòng chống kịp thời, quyết liệt và hiệu quả để ngăn chặn, phòng ngừa và hạn chế đến mức thấp nhất các nguy cơ lây nhiễm, đảm bảo sức khỏe của người lao động, duy trì liên tục hoạt động SXKD an toàn.

Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc với các hành động như sau:

- » Lãnh đạo Tập đoàn đã ban hành các chỉ thị một cách kịp thời về việc phòng chống bệnh dịch viêm đường hô hấp cấp do SARS-CoV-2;
- » Duy trì công tác kiểm soát dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh khác, thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Phòng chống dịch bệnh Covid-19 của Tập đoàn và các đơn vị;
- » Áp dụng các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh tại PVN và các đơn vị, điển hình như:
 - » Yêu cầu khai báo y tế đối với CBCNV hằng ngày;
 - » Trang bị khẩu trang y tế, cồn/gel rửa tay sát khuẩn, nhiệt kế điện tử...;
 - » Kích hoạt chế độ làm việc tại nhà cho toàn thể CBCNV, bố trí làm việc lệch ca nhau đối với các bộ phận cần làm việc tại trụ sở...;
 - » Tổ chức các cuộc họp trực tuyến thay vì họp trực tiếp;
 - » Thực hiện tổng hợp báo cáo định kỳ hằng tuần về tình hình liên quan đến dịch bệnh Covid-19 trong toàn Tập đoàn;
- » Diễn tập phòng, chống Covid-19 trên các giàn khoan.



Các mục tiêu, nhiệm vụ quản lý UPKC trong năm 2021:

- » Tăng cường công tác ứng cứu khẩn cấp và phòng chống lụt bão trong mùa mưa bão;
- » Diễn tập ứng cứu khẩn cấp/ứng phó sự cố tràn dầu với các đơn vị / nhà thầu;

Đánh giá sự tuân thủ pháp luật trong công tác ứng phó THKC

Tất cả các dự án của PVN và các đơn vị thành viên đều tuân thủ các quy định pháp luật để đảm bảo an toàn và hiệu quả trong quá trình hoạt động của mình. Các dự án khi triển khai đều được lập các báo cáo, kế hoạch ứng phó sự cố (nếu thuộc diện phải lập báo cáo) theo quy định pháp luật.

Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố với các đơn vị / nhà thầu:

Nhằm nâng cao nhận thức, năng lực chỉ đạo, điều hành, phối hợp trong công tác ứng phó sự cố, chữa cháy, tràn dầu; tăng cường kỹ năng, khả năng cơ động, chủ động, chuyên nghiệp cho các lực lượng tham gia ứng cứu và giảm thiểu thấp nhất thiệt hại về người, tài sản cũng như môi trường, các đơn vị trong Tập đoàn (Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông, Trung tâm An toàn & Bảo vệ Môi trường Vietsovpetro, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, Xí nghiệp Phân phối khí thấp áp Nhơn Trạch...) phối hợp với các lực lượng ứng cứu chuyên trách tổ chức các buổi diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố khẩn cấp tràn đổ hóa chất dựa theo kịch bản giả định. Các buổi diễn tập đã góp phần nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và năng lực xử lý các tình huống cho lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ khi có sự cố.



ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN ATSKMT

PHƯƠNG HƯỚNG, CÁCH TIẾP CẬN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO ATSKMT

Phương hướng chung của việc đào tạo và phát triển nhân lực là nhằm sử dụng tối đa nguồn nhân lực hiện có, giúp nâng cao năng suất lao động trong doanh nghiệp thông qua việc giúp người lao động hiểu rõ hơn về công việc, tự giác hơn trong thực hiện chức năng nhiệm vụ, có động lực làm việc tốt hơn, cũng như nâng cao khả năng thích ứng trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay.

Quản lý và nâng cao hiệu quả của hoạt động đào tạo dựa trên hệ thống khung năng lực, ma trận đào tạo chuyên môn nghiệp vụ. Các nhu cầu đào tạo, năng lực cần đào tạo, kiến thức nghiệp vụ cần thiết đều được xác định một cách chi tiết dựa trên vị trí công việc cụ thể của từng cán bộ. Do vậy, mỗi cán bộ đều có một lộ trình đào tạo riêng, giúp phát triển năng lực bản thân một cách tốt nhất.



TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH CHỈ TIÊU SỐ GIỜ ĐÀO TẠO AN TOÀN MÔI TRƯỜNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công tác đào tạo, huấn luyện về an toàn sức khỏe môi trường được thực hiện tuân thủ theo các quy định pháp luật và yêu cầu của công việc. Ngoài ra, người lao động thực hiện các công việc đặc thù, đòi hỏi phải có kỹ năng, kiến thức chuyên sâu đều được đào tạo chuyên ngành phù hợp để đảm bảo an toàn trong thực thi công việc.

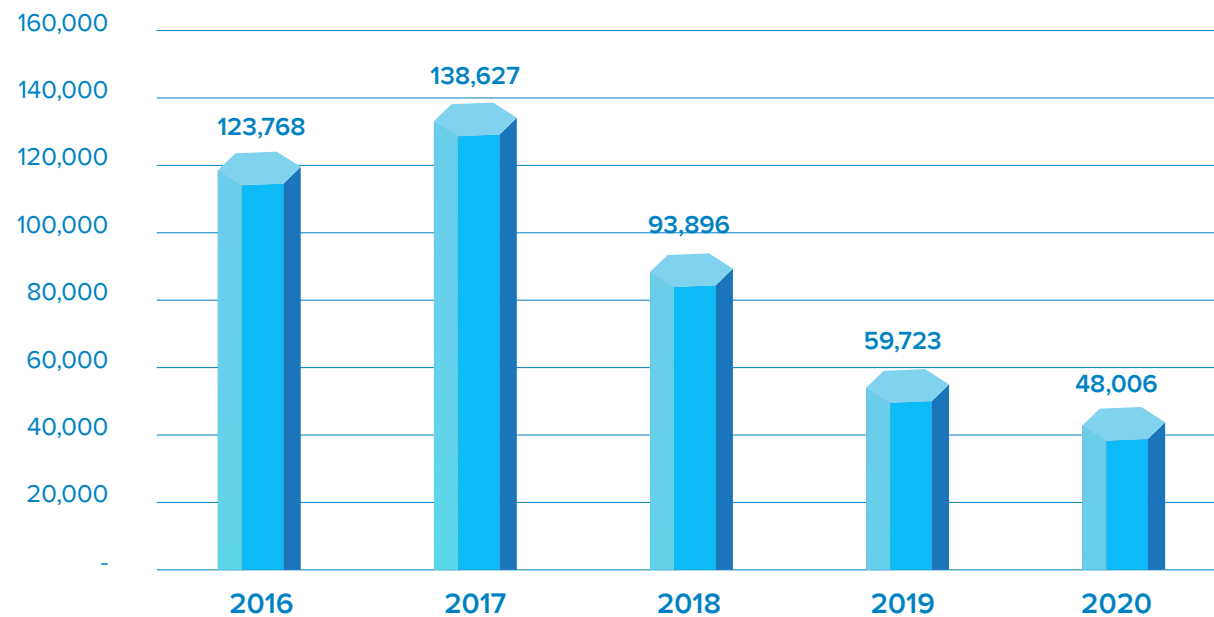
Tập đoàn thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo chuyên ngành, huấn luyện nâng cao kiến thức về ATSKMT cho các đơn vị; tổ chức trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quản lý ATSKMT giữa các đơn vị để nâng cao hiệu quả hoạt động, chú trọng đến các nội dung: nâng cao kiến thức về công tác ATSKMT, đào tạo xây dựng đội ngũ tư vấn và tổ chức các chương trình nghiên cứu khoa học liên quan đến tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Các đơn vị thành viên cũng thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn về ATSKMT cho người sử dụng lao động, cán bộ ATSKMT và người lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế. Các khóa đào tạo được chú trọng về chất lượng, thời lượng và đa dạng về hình thức qua các năm đã góp phần nâng cao ý thức của người cán bộ quản lý và người lao động về công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo ATSKMT trong các hoạt động của Tập đoàn.

Số lượng các lượt đào tạo về công tác ATVSLĐ trong năm 2020 trong toàn Tập đoàn như sau:

1. ĐÀO TẠO THEO YÊU CẦU PHÁP LUẬT	
- Số người đào tạo lần đầu	2.677
- Số người đào tạo lại	23.274
2. ĐÀO TẠO THEO YÊU CẦU CÔNG VIỆC	
- Số người đào tạo lần đầu	8.030
- Số người đào tạo lại	14.025
TỔNG SỐ ĐÀO TẠO	48.006

Số lượt đào tạo ATVSLĐ giai đoạn 2016-2020 (lượt người)



Đào tạo chuyên ngành

Năm 2020, PVN đã tổ chức hai khóa đào tạo chuyên ngành về công tác ATSKMT cho các cán bộ quản lý ATSKMT tại Cơ quan Tập đoàn để nâng cao nhận thức và chuyên môn trong công tác ATSKMT:

- » Nhận diện khía cạnh môi trường và đánh giá tác động môi trường có ý nghĩa (theo ISO 14001);
- » Thanh tra an toàn vệ sinh lao động.

Do điều kiện giãn cách xã hội vì dịch Covid-19 trong suốt năm 2020, PVN cũng đã chủ động sử dụng hệ thống công nghệ thông tin để tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến, cụ thể:

Tiến hành 2 lớp đào tạo vận hành phần mềm hỗ trợ ứng phó khẩn cấp phiên bản cập nhật cho toàn bộ các đơn vị thành viên và các nhà thầu dầu khí hoạt động tại Việt Nam với đối tượng tham gia là lãnh đạo, cán bộ quản lý và cán bộ chuyên trách an toàn nhằm vận hành thông suốt hệ thống phần mềm hỗ trợ ứng phó khẩn cấp của Tập đoàn, tiếp tục nâng cao tính sẵn sàng, kịp thời và hiệu quả của công tác ứng phó khẩn cấp.

Tiến hành 3 lớp đào tạo vận hành module quản lý rủi ro được bổ sung mới vào phần mềm cơ sở dữ liệu ATSKMT của Tập đoàn cho các đơn vị thành viên, nhà thầu dầu khí và các ban quản lý dự án để triển khai ứng dụng các tính năng quản lý rủi ro ATSKMT, quản lý công tác kiểm tra/kiểm toán ATSKMT và khai thác các nội dung quy định pháp luật, hướng dẫn của Tập đoàn và các tài liệu chuyên môn trong lĩnh vực ATSKMT.

SINH HOẠT CHUYÊN ĐỀ ATSKMT

Sinh hoạt chuyên đề ATSKMT và Hội nghị ATSKMT là hoạt động thường niên của Tập đoàn, được tổ chức 2-3 lần mỗi năm. Mục đích của sinh hoạt chuyên đề, hội nghị là trao đổi kinh nghiệm về các vấn đề nóng, cấp bách trong lĩnh vực ATSKMT giữa các thành viên đến từ các đơn vị trong Tập đoàn, từ đó phổ biến các giải pháp, hành động cần thực hiện. Qua sinh hoạt chuyên đề, nhiều định hướng, giải pháp ATSKMT và ứng cứu khẩn cấp trong tất cả các loại hình hoạt động của Tập đoàn đã được tư vấn, áp dụng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý về lĩnh vực này.

Năm 2020, nhiều chuyên đề ATSKMT đã được tổ chức thảo luận, tập trung vào một số chủ đề chính như sau:

- » Kinh nghiệm ứng phó với dịch Covid-19 trên các giàn khoan dầu khí: Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với hoạt động thăm dò khai thác ngoài khơi - trong đó có nhiều giàn khoan hoạt động ở nước ngoài - có những đặc thù riêng, với sự đứt gãy của các hoạt động cung ứng hàng hóa, vật tư phục vụ giàn khoan; khó khăn trong điều hành đối ca, xuất nhập cảnh do sự phong tỏa, hạn chế đi lại tại các nước sở tại. Khả năng lây nhiễm cao trong môi trường làm việc chật hẹp, khép kín, cách xa đất liền trên các giàn khoan; điều kiện hạn chế khi thực hiện cách ly, cấp cứu, điều trị nếu có ca nhiễm cũng đòi hỏi những biện pháp đặc biệt so với các hoạt động SXKD khác trên đất liền. Trong bối cảnh đó, các đơn vị, nhà thầu dầu khí đã triển khai kịp thời những giải pháp ứng biến với cấp độ kiểm soát nghiêm ngặt nhất, nhằm hạn chế tối đa rủi ro dịch bệnh, trên quan điểm chú trọng phòng ngừa và sẵn sàng cho mọi tình huống xấu có thể xảy ra. Nhờ vậy, trong năm 2020, hoạt động của các giàn khoan vẫn được duy trì ổn định, không có ca nhiễm Covid-19, hoạt động đối ca của người lao động giữa Việt Nam và các nước liên quan được thực hiện thành công, an toàn.



- » Xây dựng văn hóa an toàn tại đơn vị SXKD: Nhận thức rằng phần lớn các tai nạn, sự cố liên quan đến công nghệ, con người đều gây ra bởi hành vi không an toàn của con người chứ không phải điều kiện hay thiết bị, các đơn vị trong Tập đoàn đã chú trọng xây dựng văn hóa an toàn trong nỗ lực thay đổi hành vi của người lao động từ “phải tuân thủ” đến “mong muốn tuân thủ” các quy định an toàn. Với sự cam kết, quyết tâm của cấp lãnh đạo cao nhất, công tác xây dựng văn hóa an toàn tại các đơn vị đã được thực hiện đồng bộ từ công tác kế hoạch, giám sát theo dõi, cung cấp nguồn lực và đào tạo. Từ đó, tuân thủ kỷ luật an toàn đang dần trở thành những thói quen mang tính nền tảng ở người lao động, góp phần quan trọng trong giảm thiểu tần suất và hậu quả của các rủi ro, sự cố an toàn.
- » Công tác đảm bảo an ninh, an toàn đường ống dẫn khí dưới biển: Gần 1.200 km đường ống dưới đáy biển vận chuyển khí áp suất cao (60-140 bar) lắp đặt trên mặt đáy biển tại Việt Nam có thể chịu rủi ro từ các hoạt động vận chuyển hàng hải, khai thác hải sản và một số hoạt động dầu khí. Hậu quả khi xảy ra các sự cố hư hỏng, cháy nổ đường ống gồm nhiều mức độ, từ việc phát sinh chi phí sửa chữa không nhỏ, gián đoạn hoặc ảnh hưởng sản xuất cho đến thiệt hại về con người, môi trường, thậm chí ảnh hưởng đến an ninh năng lượng quốc gia. Công tác đảm bảo an toàn cho hệ thống đường ống bao gồm nhận định, phân tích rủi ro, đánh giá hậu quả và áp dụng các giải pháp quản lý phù hợp; đòi hỏi các cơ chế, phương thức quản lý chặt chẽ khi thực hiện quy trình phối hợp giữa đơn vị quản lý đường ống với các lực lượng Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Tổng cục Thủy sản, các đơn vị truyền thông, chính quyền địa phương và các đơn vị dầu khí khác. Năm 2020, một số hoạt động neo đậu giàn khoan, tàu cá vi phạm hành lang an toàn của đường ống dẫn khí đã được phát hiện và xử lý kịp thời, đảm bảo an toàn cho hệ thống tuyến ống.
- » Tổng kết các khó khăn vướng mắc trong quá trình áp dụng Nghị định 40/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT và các đề xuất liên quan: Tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ của Tập đoàn, cũng như các thông lệ quốc tế liên quan đến bảo vệ môi trường là một trong những yêu cầu hàng đầu đối với các hoạt động của Tập đoàn. Việc tuân thủ các quy định chung trong điều kiện đặc thù của hoạt động dầu khí, nhất là đối với các hoạt động thăm dò khai thác dầu khí trên biển không tránh khỏi phát sinh nhiều khó khăn trong quá trình áp dụng. Tập đoàn đã chủ động rà soát, nghiên cứu và chủ động đề xuất cơ quan quản lý Nhà nước các giải pháp tháo gỡ vướng mắc vừa phù hợp với thực tiễn sản xuất, vừa phù hợp với các quy định pháp luật liên quan. Đây là công việc được Tập đoàn chú trọng và thường xuyên thực hiện, nhằm hạn chế tối đa mọi ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả sản xuất kinh doanh, mặt khác vẫn đáp ứng đầy đủ cam kết về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững mà Tập đoàn luôn đặt lên hàng đầu.
- » Bài học kinh nghiệm từ sự cố tai nạn lao động điển hình tại một xí nghiệp xây lắp: Xếp dỡ hàng cồng kềnh bằng phương tiện cầu trong không gian hạn chế khả năng di chuyển, tầm nhìn là một trong nhiều hoạt động dễ gây ra tai nạn lao động trong lĩnh vực xây lắp công trình dầu khí. Để phòng ngừa những tai nạn tương tự, các đơn vị của Tập đoàn đã đúc kết, chia sẻ nhiều biện pháp ở mọi cấp độ, từ việc ban hành các quy trình, hướng dẫn liên quan; quản lý chặt chẽ việc thực hiện phân tích an toàn công việc (JSA) đối với người lao động; rà soát loại bỏ định kỳ các dụng cụ nâng hạ tải không đủ tiêu chuẩn an toàn; đánh giá an toàn và lựa chọn phương tiện vận tải cần thuê; bố trí số lượng người và phương tiện hỗ trợ phù hợp với không gian làm việc đặc thù, v.v... Những biện pháp phòng ngừa đầy đủ và phù hợp với điều kiện lao động đặc thù đã góp phần thực hiện tốt mục tiêu an toàn lao động của ngành dầu khí.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

CƠ CHẾ ĐỐI THOẠI GIỮA LÃNH ĐẠO VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở của Tập đoàn, PVN và các đơn vị thành viên tổ chức đối thoại tại nơi làm việc giữa đại diện người lao động (tổ đối thoại) và lãnh đạo Tập đoàn / lãnh đạo đơn vị (hoặc đối thoại trực tiếp với người lao động) với tần suất 1 lần mỗi năm (theo quy định) hoặc đột xuất khi có phát sinh yêu cầu, đối thoại tại nơi làm việc được tổ chức thông qua hội nghị người lao động hằng năm.

Năm 2020, 100% các công đoàn trực thuộc của Tập đoàn đã tổ chức hội nghị người lao động, ký kết thỏa ước lao động tập thể với nhiều điều khoản có lợi hơn so với quy định của pháp luật cho người lao động, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tổ chức đối thoại tại nơi làm việc định kỳ ít nhất 1 lần/năm.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ, BÌNH ĐẲNG GIỚI

Để phát triển bền vững, doanh nghiệp cần đặc biệt chú trọng đến khâu tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực vì đây là yếu tố cực kỳ quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Nhận thức rõ điều này, Tập đoàn đã thực hiện nhiều giải pháp để tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bao gồm:

- » Tạo cơ hội cho các ứng viên trẻ, nhiệt huyết, sinh viên mới ra trường;
- » Khuyến khích tuyển dụng lao động địa phương;
- » Tuyển dụng nhân sự được đào tạo bài bản, có năng lực tốt;
- » Xây dựng môi trường làm việc tích cực, bình đẳng, công bằng;
- » Luân chuyển nhân sự để nâng cao năng lực, kinh nghiệm và mở rộng chuyên môn của lực lượng lao động;
- » Tăng cường khoa học công nghệ, đột phá về cơ chế quản lý, tăng cường đào tạo chuyên sâu dài hạn và ngắn hạn với nhiều hình thức để đảm bảo đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu công việc;
- » Chú trọng đào tạo các chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn, đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành cho các đơn vị.

Các chính sách khuyến khích tuyển dụng lao động tại địa phương của Tập đoàn đã góp phần tích cực vào việc hỗ trợ cho sự phát triển của xã hội nói chung và địa phương có các dự án của Tập đoàn nói riêng.

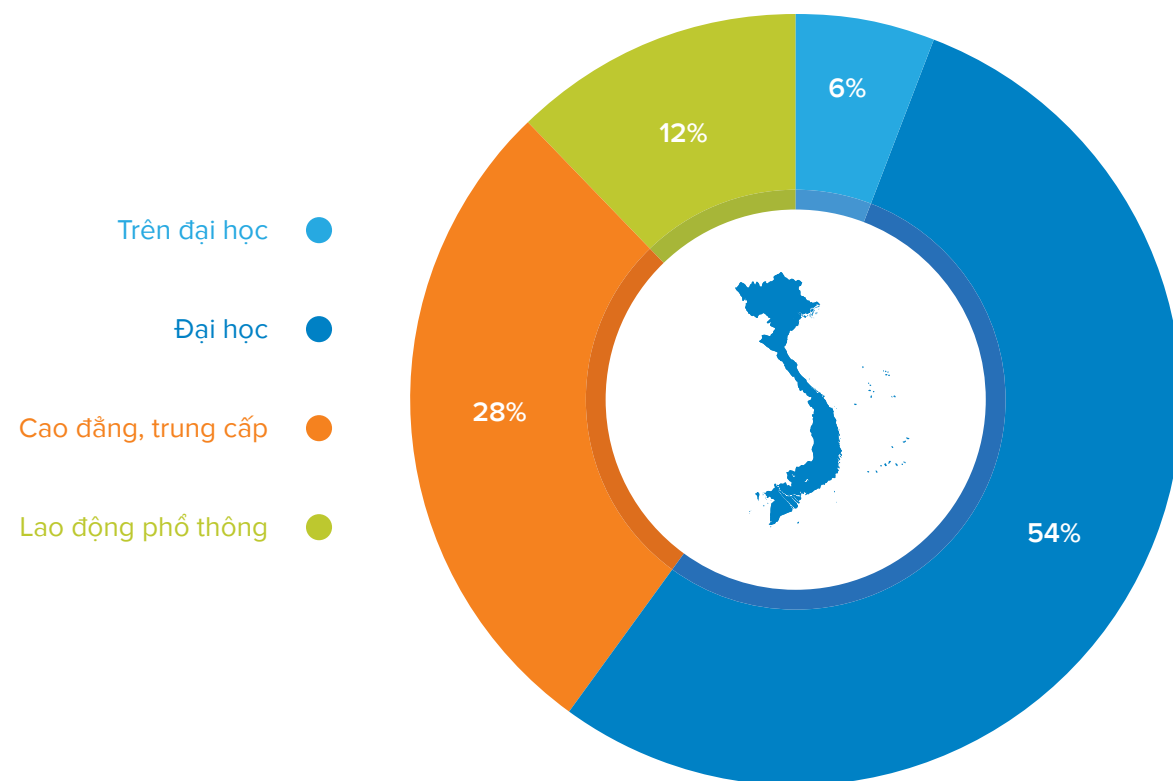
Nguồn nhân lực chất lượng cao đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu, chiến lược phát triển của Tập đoàn. Để khích lệ, khen thưởng xứng đáng cho những đóng góp và cống hiến của đội ngũ cán bộ, công nhân viên, Tập đoàn đã ban hành các chính sách lương, thưởng, phúc lợi nhằm đảm bảo thu nhập, thực hiện đối xử công bằng với người lao động, tạo điều kiện tối đa cho người lao động được học tập dưới mọi hình thức và cống hiến tốt nhất năng lực, trí tuệ của mình cho sự phát triển bền vững của ngành dầu khí.

Việc đối xử công bằng với người lao động có vai trò quan trọng trong việc hình thành một môi trường làm việc tốt, tạo động lực cho nhân viên, phát huy khả năng, gắn bó lâu dài với Tập đoàn. Các chính sách nhân sự của Tập đoàn hướng tới các mục tiêu chính:

- » Không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe;
- » Trả lương, thưởng công bằng;
- » Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người lao động thông qua các buổi đối thoại giữa nhân viên và lãnh đạo để thấu hiểu lẫn nhau;
- » Mọi nhân viên đều có cơ hội như nhau trong đào tạo, phát triển và thăng tiến.

TỔNG SỐ CBCNV, SỐ CBCNV QUAY LẠI LÀM VIỆC SAU NGHỈ THAI SẢN

Tổng số lao động của Tập đoàn là 54.600 người, giảm 1.108 lao động so với năm 2019, trong đó nữ chiếm 24%. Đa đa số cán bộ, nhân viên, người lao động ngành Dầu khí có trình độ chuyên môn cao, số lao động có trình độ đại học trở lên đạt trên 60% tổng số lao động của toàn Tập đoàn.



Đội ngũ người lao động Dầu khí nhìn chung đều hiểu biết pháp luật, chế độ chính sách liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, đồng thời luôn tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, công tác quản lý, kỹ năng nghề nghiệp, đẩy mạnh tích lũy kinh nghiệm trong thực tiễn, nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin.

Tập đoàn cam kết và đảm bảo 100% người lao động được ký kết Hợp đồng lao động, thời gian làm việc - nghỉ ngơi và hưởng đầy đủ các chế độ tiền lương - phúc lợi - xã hội theo đúng quy định của luật pháp Việt Nam về lao động, cụ thể:

- » Chế độ riêng cho người lao động làm việc trong một số lĩnh vực, ngành nghề đặc biệt, người lao động làm việc trên biển;
- » Bảo đảm thời gian làm việc, làm thêm giờ, thời gian nghỉ ngơi (hàng tuần, lễ, tết, nghỉ phép năm...) theo quy định pháp luật;
- » Cam kết tiền lương theo đúng quy định của pháp luật cho người lao động (bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu vùng);
- » Tặng quà cho người lao động trong các dịp đặc biệt (lễ, tết, sinh nhật, kết hôn...);
- » Hỗ trợ người lao động các chi phí về trang phục, nghỉ mát, ăn ca, phương tiện đi lại, phương tiện liên lạc, đau ốm, sinh con, nghỉ hưu...;
- » Đảm bảo 100% người lao động được đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;
- » Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động định kỳ ít nhất một lần/năm; lao động nữ 2 lần/năm;
- » Bảo đảm người lao động được đào tạo, trang bị đầy đủ, đúng quy định về phương tiện bảo vệ cá nhân theo yêu cầu của công việc.

Tập đoàn đã cùng với Công đoàn Dầu khí Việt Nam xây dựng các quy định, cơ chế, chính sách có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; thực hiện nghiêm chỉnh thỏa ước lao động tập thể, quy chế dân chủ cơ sở, tổ chức đối thoại tại nơi làm việc năm 2020.

Năm 2020, Tập đoàn đã áp dụng chính sách nghỉ thai sản đối với người lao động (cả nam và nữ) tuân thủ quy định của pháp luật lao động và vận dụng chính sách khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm sức khỏe và các loại bảo hiểm gia tăng khác. Ngoài việc đảm bảo cho người lao động yên tâm nghỉ ngơi và phục hồi sức khỏe sau khi sinh và có đủ sức khỏe cần thiết để tiếp tục làm việc sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản, chính sách nghỉ thai sản còn giúp người lao động yên tâm về tài chính và tạo điều kiện tốt nhất hỗ trợ người lao động chăm sóc con cái, đồng thời người lao động vẫn được bình xét thi đua hằng năm, xét nâng lương định kỳ và được đánh giá hiệu quả công việc để làm cơ sở xét thưởng hiệu quả làm việc hằng năm và các chế độ phúc lợi có liên quan.



TỔNG SỐ CBCNV ĐƯỢC BẢO ĐẢM CÓ THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG, THỜI HẠN THÔNG BÁO THAY ĐỔI THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG

Tổng số CBCNV được bảo đảm có thỏa ước lao động của Tập đoàn năm 2020 là 100%. Cán bộ, nhân viên làm việc tại Tập đoàn cam kết thực hiện các quy định tại nội quy lao động, các quy chế nội bộ công ty, được cụ thể hóa tại thỏa ước lao động tập thể ký kết giữa các đơn vị trong Tập đoàn và người lao động. Thỏa ước này sẽ được bổ sung khi các bộ luật liên quan thay đổi, bổ sung hoặc nguyện vọng của người lao động đã đạt được thỏa thuận mới với người sử dụng lao động.

CÔNG TÁC AN SINH - XÃ HỘI

Cùng với việc đẩy mạnh phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước và vươn ra quốc tế, PVN và các đơn vị thành viên cũng luôn quan tâm đến các hoạt động an sinh xã hội nhằm quảng bá hình ảnh đồng thời thể hiện tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng và xã hội.



PHƯƠNG HƯỚNG, CÁCH TIẾP CẬN TỚI CỘNG ĐỒNG



Với mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao hơn nữa trách nhiệm vì cộng đồng và xã hội, PVN và các đơn vị thành viên luôn thực hiện và duy trì các biện pháp nhằm tiếp cận gần hơn với cộng đồng, bao gồm:

- » Hưởng ứng tích cực các cuộc vận động do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động. Hỗ trợ các chương trình đền ơn đáp nghĩa để tri ân các liệt sĩ, thương bệnh binh, mẹ Việt Nam Anh hùng và các thế hệ đi trước...;
- » Tạo công ăn, việc làm cho nhân dân lao động, con em của các cựu chiến binh, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ và các đối tượng là chính sách khác ở khu vực có hoạt động của Tập đoàn;
- » Hỗ trợ các chương trình năng lượng sạch, chương trình lọc nước biến thành nước ngọt cho quân dân trên các đảo...;
- » Duy trì “Quỹ tương trợ Dầu khí”, hỗ trợ xây dựng nhà “Nghĩa tình Dầu khí” cho các đối tượng hưu trí; Chương trình “Nhà Mái ấm Công đoàn” cho ĐV-NLĐ khó khăn; “Mái ấm tình thương” cho các lao động nữ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; thăm hỏi, tặng quà cho cán bộ, công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, bệnh hiểm nghèo, việc hiếu, hỷ...;
- » Nhân dịp các ngày ILỄ, Tết Nguyên đán... tổ chức chương trình “Xuân nghĩa tình Dầu khí” cho ĐV-NLĐ; hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị khó khăn tổ chức Tết, tặng quà cho NLD; tổ chức thăm hỏi, tặng quà động viên người lao động đang làm việc tại các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí...

ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG, CÔNG TRÌNH VÀ DỊCH VỤ PHỤC VỤ LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do dịch bệnh và giá dầu giảm, PVN và các đơn vị thành viên vẫn luôn ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Năm 2021, PVN và các đơn vị thành viên đã tiến hành nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực trong các lĩnh vực sức khỏe cộng đồng và giáo dục hướng tới cộng đồng, đặc biệt là những người có mức thu nhập thấp, trong điều kiện khó khăn và bị tác động nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid-19.

Tính đến tháng 6 năm 2021 PVN và các đơn vị thành viên đã đóng góp hơn 500 tỷ đồng cho Quỹ vắc-xin của Chính phủ và công tác phòng chống dịch.

Hỗ trợ y tế:

Đồng cảm, chia sẻ với khó khăn chung của đất nước, đặc biệt là ngành Y tế trong việc phòng chống dịch bệnh Covid-19, PVN đã có các hành động thiết thực trong năm 2021 nhằm góp phần hỗ trợ công tác phòng chống và giảm thiểu lây lan dịch bệnh, cụ thể như sau:

- » Trao tặng các thiết bị y tế trị giá 5 tỷ đồng hỗ trợ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho các đơn vị được Bộ Y tế chỉ định;
- » Tính đến tháng 6 năm 2021 PVN và các đơn vị thành viên đã đóng góp hơn 500 tỷ đồng cho Quỹ vắc-xin của Chính phủ và công tác phòng chống dịch.

Công đoàn DKVN đã thực hiện:

- » Hỗ trợ NLD trong toàn ngành gần 3 tỷ đồng mua nhu yếu phẩm phòng chống dịch; hỗ trợ người thân (vợ/chồng) NLD làm việc nơi tuyến đầu chống dịch; hỗ trợ ĐV-NLĐ lực lượng trực cách ly tại nhà máy để đảm bảo công tác phòng chống dịch; khen thưởng công tác phòng chống dịch.... (1 tỷ 500 triệu đồng).





- » Ủng hộ Quỹ vắc-xin của Chính phủ theo chương trình của TLĐ 2 tỷ đồng;
- » Hỗ trợ các y, bác sĩ là lực lượng tuyến đầu chống dịch tại Bắc Ninh và Bắc Giang: 200 triệu đồng;
- » Hỗ trợ cùng Khối thi đua: 100 triệu đồng cho CNLĐ khó khăn tại các khu cách ly, phong tỏa;
- » Hỗ trợ 300 triệu đồng nước uống cho các điểm nóng, tâm dịch tại Bắc Giang và Bắc Ninh;
- » Hỗ trợ UBND tỉnh Quảng Trị 1 tỷ đồng để phòng, chống dịch bệnh;
- » Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) đã trao tặng số tiền 153 triệu đồng cho TP Đà Nẵng để chung tay cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19;
- » Hỗ trợ cho các đồng chí công an, các đồng chí cảnh sát giao thông trên tuyến đầu chống dịch Covid-19 của Thủ đô khẩu trang, dung dịch sát khuẩn nhằm đảm bảo an ninh, an toàn của nhân dân, góp phần ngăn chặn sự lây lan, bùng phát của dịch bệnh Covid-19.

Ngoài ra, để hỗ trợ ngành y tế trong việc khám chữa bệnh, PVN đã cùng các đơn vị thành viên tài trợ cho các bệnh viện nhiều thiết bị y tế cần thiết, điển hình như:

- » Tài trợ cho Bệnh viện Thống Nhất (TP Hồ Chí Minh) 5 tỷ đồng để mua sắm trang thiết bị y tế cần thiết phục vụ công tác khám chữa bệnh, bao gồm: 2 bộ kéo giãn cột sống với 8 dạng kéo và 4 tốc độ kéo; 1 hệ thống tổ hợp robot cánh tay, bàn tay để điều trị phục hồi chức năng tập cho chi trên của bệnh nhân sau đột quỵ/chấn thương.
- » Tài trợ cho Bệnh viện Đại học Y Hà Nội 3 tỷ đồng để mua sắm trang thiết bị y tế cần thiết phục vụ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân (hệ thống trao đổi oxy qua màng ngoài cơ thể (ECMO) trị giá 2,1 tỷ đồng và máy siêu âm Doppler màu xách tay 3 đầu dò trị giá 900 triệu đồng).

Hỗ trợ giáo dục:

- » Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS) tài trợ 4 tỷ đồng để xây dựng, công trình Trường Tiểu học xã Trực Khang (huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định). Công trình bao gồm: khu nhà học 2 tầng khang trang với 6 phòng học mới được trang bị đầy đủ các trang thiết bị thiết yếu phục vụ công tác dạy và học, cùng với công trình phụ trợ được xây mới gồm cổng, sân trường, hàng rào bảo vệ, cây xanh;
- » PV GAS tài trợ xây dựng Trường Mầm non và THCS Măng Đen, xã Đăk Long, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum. Toàn bộ công trình có tổng mức đầu tư 12 tỷ đồng do PV GAS tài trợ toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng. Quy mô công trình bao gồm: Trường Mầm non Măng Đen là khối nhà học 2 tầng 8 phòng cùng bếp ăn và các công trình phụ trợ, đáp ứng nhu cầu học tập cho khoảng 280 học sinh bậc học mầm non. Trường THCS Măng Đen là 2 khối nhà học, mỗi khối gồm 2 tầng 6 phòng, đáp ứng nhu cầu học tập của khoảng 420 học sinh bậc học THCS tại địa phương;
- » PV GAS tham gia tài trợ xây dựng Trường THCS xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (trường có tổng mức đầu tư gần 11 tỷ đồng; trong đó PV GAS tài trợ 8,3 tỷ đồng kinh phí, còn lại là vốn đối ứng từ ngân sách địa phương). Trường học mới được xây dựng trong khuôn viên rộng khoảng 5.500m², bao gồm khối nhà học 3 tầng khang trang, 12 phòng học và phòng chức năng với tổng diện tích sử dụng hơn 1.100m².



Đầu tư khắc phục hậu quả thiên tai và môi trường

- » Hỗ trợ nhân dân các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi khắc phục thiệt hại do bão lũ gây ra với tổng số tiền là: 1,2 tỷ đồng;
- » Hỗ trợ người lao động các đơn vị bị ảnh hưởng bão lụt với số tiền là hơn 10 tỷ đồng;
- » Tổng kinh phí trong toàn ngành hỗ trợ cho nhân dân các tỉnh miền Trung khắc phục thiệt hại do bão lũ gây ra với tổng số tiền là hơn 26 tỷ đồng.



Tri ân anh hùng liệt sĩ gia đình có công với cách mạng và hỗ trợ các gia đình khó khăn:

- » Thăm hỏi các Mẹ Việt Nam Anh hùng tại các địa phương nhân ngày Thương binh liệt sĩ;
- » Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PV Drilling) đã trao tặng kinh phí xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình bà Huỳnh Thị Các (địa chỉ 134/13 Lâm Thành Mậu, khóm 4, TP.Cà Mau) và trao 20 suất quà cho hộ chính sách có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại Cà Mau;
- » Phân bón Cà Mau vừa trao thêm 3 căn nhà đại đoàn kết cho các hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.



Các hỗ trợ khác

- » Ngày 21/11/2020, Phân bón Cà Mau tiếp tục đồng hành trao tặng thêm 2.000 bồn chứa nước ngọt, dung tích 500 lít đến bà con 3 huyện Giồng Trôm, Ba Tri, Bình Đại thuộc tỉnh Bến Tre để trữ được nước ngọt duy trì sinh hoạt, tưới tiêu.



CÁC HOẠT ĐỘNG SXKD CÓ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Theo quy định của pháp luật hiện hành, trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường, chủ dự án phải tiến hành tham vấn Ủy ban nhân dân nơi triển khai dự án, các tổ chức và cộng đồng chịu tác động trực tiếp do quá trình thực thi dự án gây ra. Thêm vào đó, công tác tham vấn cộng đồng địa phương về các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội giúp cho việc thực thi đảm bảo minh bạch, đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác tham vấn cộng đồng, các dự án triển khai mới của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thuộc danh mục đều được tổ chức tham vấn ý kiến cộng đồng. Thông qua các buổi tham vấn, chủ dự án phổ biến thông tin về dự án, những tác động tới môi trường, hoạt động kinh tế xã hội và con người ở địa phương phát sinh từ dự án, đồng thời giải đáp thắc mắc và tiếp thu ý kiến đóng góp của lãnh đạo và người dân địa phương trong quá trình triển khai dự án.

CÁC HOẠT ĐỘNG SXKD (CÓ THỂ) GÂY TÁC ĐỘNG ĐÁNG KỂ TỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu tập trung ở 2 mảng ngoài khơi và trên bờ. Các hoạt động sản xuất và kinh doanh ngoài khơi bao gồm: Tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí. Ở mảng trên bờ Tập đoàn có các hoạt động sản xuất kinh doanh gồm: chế biến dầu khí, công nghiệp khí, công nghiệp điện và dịch vụ dầu khí.

Tất cả các lĩnh vực trên đều gây ra những tác động tiêu cực không mong muốn tới môi trường. Tuy nhiên, các tác động này chỉ ở mức không đáng kể tới cộng đồng địa phương.

- » Đối với các hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác ngoài khơi: do phạm vi hoạt động diễn ra ngoài khơi nên không gây tác động tới cộng đồng địa phương. Các tác động tiêu cực đáng kể có thể ảnh hưởng tới cộng đồng địa phương chỉ xảy ra trong trường hợp có sự cố lớn về tràn dầu.
- » Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh trên bờ: PVN và các đơn vị thành viên luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình quản lý, xử lý và thải bỏ các chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất và kinh doanh, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương trong quản lý người lao động của các đơn vị trong ngành, vì vậy các hoạt động sản xuất và kinh doanh trên bờ không gây ra tác động tiêu cực đáng kể nào tới cộng đồng địa phương. Các tác động tiêu cực đáng kể nếu có chỉ xảy ra trong trường hợp có sự cố.

Liên quan tới các biện pháp quản lý và phòng ngừa sự cố, Tập đoàn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về an toàn và bảo vệ môi trường, đồng thời xây dựng đầy đủ, chi tiết các kế hoạch, chương trình phòng ngừa, ứng phó sự cố nên tới thời điểm hiện tại, toàn bộ các công ty trong ngành chưa ghi nhận sự cố nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng địa phương.

CÁC BIỆN PHÁP NGĂN NGỪA VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG ĐÁNG KỂ TỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực kể tới cộng đồng địa phương, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã và đang duy trì cũng như cải tiến liên tục các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu tác động, cụ thể như sau:

- » Tuân thủ các quy định về hành chính của chính quyền địa phương và tích cực tham gia các phong trào xã hội do các tổ chức/ chính quyền địa phương phát động;
- » Hỗ trợ đào tạo và ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương trong khu vực triển khai dự án;
- » Quản lý và kiểm tra các hệ thống xử lý chất thải đảm bảo các nguồn thải được xử lý đạt yêu cầu trước khi xả thải, tránh thải đổ gây ô nhiễm môi trường và đời sống của dân cư địa phương;
- » Xây dựng và thực hiện tốt các chính sách, các hoạt động đền bù và tái định cư cho người dân tại các vị trí xây dựng dự án mới (nếu phải đền bù, giải tỏa).

THÔNG TIN, HÌNH ẢNH, DỮ LIỆU VỀ NHỮNG DỰ ÁN CÓ TÁI ĐỊNH CƯ, CUỘC SỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG SAU TÁI ĐỊNH CƯ

Tất cả các dự án của Tập đoàn đều tuân thủ các quy định, yêu cầu về chính sách bồi thường, tái định cư (nếu có) theo các quy định của luật pháp hiện hành của Việt Nam và được triển khai vào giai đoạn đầu của dự án (chuẩn bị mặt bằng). Công tác giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư do cơ quan quản lý Nhà nước (UBND tỉnh / huyện/ khu kinh tế...) tại khu vực triển khai dự án thực hiện. Để phần nào hỗ trợ thêm cho người dân bị giải tỏa, Tập đoàn và các đơn vị thành viên luôn có các chính sách hỗ trợ tùy vào đặc thù kinh tế, văn hóa,... của địa phương. Một số chính sách hỗ trợ điển hình (đã được Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất mở rộng áp dụng) như:

- » Hỗ trợ tiền thuê nhà trong quá trình chờ đợi vào khu tái định cư;
- » Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp;
- » Ưu tiên xem xét tuyển dụng đối với các lao động địa phương khi đáp ứng được yêu cầu công việc.

Ngoài các chính sách hỗ trợ sinh kế cho người dân, các dự án của Tập đoàn còn xây dựng các công trình hoàn trả để phục vụ cho dân ở lại/không di dời như: Chợ tạm; nhà văn hóa thôn; trường tiểu học; trường mầm non; đường dân sinh; hệ thống công trình điện, nước; kênh và các công trình trên kênh...

Đối với các dự án có vay vốn của các tổ chức quốc tế, các dự án vẫn tiếp tục giám sát việc thực hiện tái định cư theo đúng thông lệ quốc tế/tổ chức cho vay. Hằng năm chủ dự án sẽ báo cáo về việc thực hiện các vấn đề về an toàn, sức khỏe và môi trường, trong đó có bao gồm việc xem xét thực hiện các giải pháp đảm bảo đời sống, tạo công ăn việc làm đối với cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng điển hình như các dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

ĐÁNH GIÁ SỰ TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI

Tập đoàn có đội ngũ lao động hùng hậu với số lượng gần 60.000 người, do đó việc tuân thủ các quy định pháp luật về xã hội là trách nhiệm và nghĩa vụ của Tập đoàn nhằm đảm bảo quyền lợi và đời sống ổn định cho người lao động yên tâm công tác và cống hiến cho sự phát triển chung của ngành. Đánh giá mức độ tuân thủ các quy định pháp luật về xã hội theo các tiêu chí được mô tả như bảng bên dưới.

Đánh giá sự tuân thủ các quy định về xã hội

TT	Các yêu cầu	Mức độ tuân thủ
1	Các quy định về chính sách, chế độ dành cho người lao động bao gồm: Chế độ chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm xã hội, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	100% các đơn vị trong Tập đoàn thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho toàn bộ người lao động.
2	Tự do lập Hội và quyền thương lượng tập thể	Tại PVN hiện nay có: Công đoàn Dầu khí Việt Nam, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Dầu khí Việt Nam. Các hội hoạt động tích cực và góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn
3	Cấm phân biệt đối xử	Không có phân biệt đối xử trong các hoạt động SXKD của Tập đoàn
4	Lương bổng	Các nguyên tắc xác định theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam bao gồm: » Trả lương, thưởng đối với người lao động và người quản lý doanh nghiệp; » Quỹ tiền lương; » Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao.
5	Thời giờ làm việc	Đảm bảo sắp xếp, bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi theo đúng quy định của Bộ luật Lao động
6	Cấm sử dụng lao động trẻ em	100% các đơn vị trong Tập đoàn không sử dụng lao động trẻ em trong mọi công đoạn sản xuất và kinh doanh
7	Cấm cưỡng bức lao động và các biện pháp kỷ luật	Không có lao động cưỡng bức và các biện pháp kỷ luật

TRUYỀN THÔNG VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG

Công tác truyền thông chú trọng truyền thông hình ảnh người lao động, nỗ lực trong khó khăn gắn với xây dựng Văn hóa Petrovietnam thông qua việc triển khai truyền thông có hiệu quả về gói giải pháp ứng phó “khủng hoảng kép” với chủ đề: “Quản trị biến động, tối ưu giá trị, đẩy mạnh tiêu thụ, nỗ lực vượt khó, nắm bắt cơ hội, an toàn về đích”. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các cơ quan báo chí hợp tác có phiên bản tiếng nước ngoài, báo nước ngoài có đại diện tại Việt Nam về hoạt động hợp tác quốc tế của Tập đoàn. Đã tổ chức truyền thông hơn 7.700 lượt tin, bài tích cực trên các phương tiện thông tin đại chúng. Kết quả, hình ảnh người lao động, hoạt động Dầu khí và thương hiệu của Tập đoàn được cải thiện đáng kể trong đánh giá, nhìn nhận của xã hội; kịp thời khơi gợi được sự thấu hiểu, chia sẻ của cán bộ, người lao động Dầu khí và dư luận xã hội với đóng góp của Tập đoàn đối với đất nước.

Hình thức, nội dung các công cụ truyền thông được cải tiến, nâng cao chất lượng: Tạp chí Năng lượng Mới/ Petrotimes, website PVN (song ngữ Việt - Anh) và Intranet; các tạp chí, bản tin, website, trang thông tin nội bộ của đơn vị đã đưa thông tin đến đông đảo CBCNV, người lao động Dầu khí hàng nghìn tin, bài, ảnh, video clip... với thông tin phong phú về cả nội dung và hình thức, đáp ứng kịp thời nhu cầu của người lao động.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP



Đề án “Tái tạo văn hóa Petrovietnam” là một phần quan trọng trong thực hiện các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và chiến lược của Petrovietnam. Tái tạo văn hóa Petrovietnam là làm mới để phù hợp hơn, tốt hơn trên nền tảng đã có cùng với tiếp nhận, bổ sung những giá trị văn hóa mới phù hợp xu thế phát triển của thời đại. Thông qua các kế hoạch với việc giao nhiệm vụ cụ thể đối với từng Ban/Văn phòng, các tổ chức chính trị xã hội trong việc triển khai Đề án, Đề án bước đầu nhận được sự đồng thuận, hưởng ứng của cán bộ nhân viên, các đơn vị trong Tập đoàn, tạo sự thay đổi nhận thức về vai trò của văn hóa Petrovietnam.

Vai trò của văn hóa Petrovietnam được đề cao từ Tập đoàn đến các đơn vị. Vai trò của

văn hóa Petrovietnam được đề cao; tái tạo văn hóa Petrovietnam là một trong 7 giải pháp được đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tập đoàn lần thứ III. Quá trình chuẩn bị và diễn ra Đại hội Đảng các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ Tập đoàn lần thứ III, nội dung tái tạo văn hóa Petrovietnam được nhấn mạnh trong văn kiện các cấp và thảo luận sôi nổi tại các diễn đàn. Qua đó nâng cao nhận thức, tạo đà cho việc triển khai sâu rộng Đề án trong những năm tới.

Tại Cơ quan Tập đoàn, việc xây dựng môi trường văn minh công sở, bình đẳng cơ hội từng bước hoàn thiện tạo thuận lợi cho việc triển khai Đề án. Những giá trị văn hóa cốt lõi với phương châm “Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng tạo - Hiệu quả” được thể hiện rõ nét qua việc hình thành thói quen văn hóa mới như: ứng phó biến động, tiếp nhận và xử lý công việc trên nền tảng công nghệ. Ý thức tuân thủ, thái độ chấp hành công việc, xây dựng văn hóa đúng giờ, văn hóa hội họp, văn hóa thực thi công việc, văn hóa ứng dụng công nghệ, văn hóa hiệu quả, văn hóa phối hợp, văn hóa trong các hoạt động tập thể, văn hóa thượng tôn pháp luật đã có chuyển biến hơn trước. Các ban/văn phòng, đoàn thể đã tích cực triển khai thực hiện các nội dung của đề án điển hình như: Triển khai thực hiện mô hình 5S với phương châm “5 phút mỗi ngày cùng 5S: Công sở 5 sao”, tổ chức 3 hội thảo và 20 khóa đào tạo 5S, 2 khóa học văn hóa nền tảng “Quản trị cuộc đời” thuộc Đề án tái tạo Văn hóa doanh nghiệp cho 1.700 lượt cán bộ tham dự.



Tại các đơn vị, thực hiện kế hoạch của Tập đoàn và tham khảo các tài liệu về văn hóa Petrovietnam, cùng sự góp ý của Ban TT&VHDN nhiều đơn vị đã kế thừa và sáng tạo trong xây dựng, triển khai kế hoạch. Một số đơn vị đưa nội dung đầy mạnh thực hiện VHDN là một trong những giải pháp phát huy sức mạnh tổng hợp của đơn vị. Các đơn vị đã lựa chọn những nội dung cụ thể, phù hợp với điều kiện của đơn vị. Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp được quan tâm, chú trọng; nhiều đơn vị đã triển khai và đi vào nề nếp như PVCFC, BSR, PV GAS; nhiều đơn vị tiến hành rà soát, hệ thống, triển khai đồng bộ như PQPOC, PV Power, PVOIL, PVFCCo, VPI, PVcomBank...; một số đơn vị đã khởi động triển khai như VSP, PVEP...



06

Trang 118-127

GHI NHẬN KHEN THƯỞNG

Doanh nghiệp lớn nhất
Việt Nam

Bảng xếp hạng
(PROFIT500) 2020

Doanh nghiệp niêm yết
tốt nhất năm 2020

Xếp hạng tín nhiệm
độc lập Fitch Ratings

Cờ thi đua của Chính phủ

Tuyên dương điển hình
“Dân vận khéo”

Tuyên dương
“Người thợ trẻ giỏi” toàn quốc
lần XI năm 2020

Năm 2020 là năm khó khăn nhất trong lịch sử phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, vừa phải tập trung ứng phó với dịch bệnh, vừa phải ứng phó với giá dầu thô giảm chưa từng có trong lịch sử dầu khí thế giới. Tuy nhiên, với ý thức đầy đủ về trách nhiệm của mình, PVN cùng các đơn vị thành viên đã không ngừng tìm tòi, nghiên cứu, lao động và đã đạt được các giải thưởng cao quý, điển hình như:

- » Giải thưởng Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2020 (Bảng xếp hạng VNR500-Top 500);
- » Giải thưởng Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam trong 3 năm 2018, 2019, 2020 (PROFIT500);
- » Giải thưởng Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất năm 2020 của Forbes Việt Nam;
- » Xếp hạng tín nhiệm độc lập Fitch Ratings
- » Cờ thi đua của Chính phủ 2020
- » Tuyên dương điển hình “Dân vận khéo”
- » Giải thưởng “Người thợ trẻ giỏi” toàn quốc lần XI năm 2020 cho 13 cá nhân thuộc Tập đoàn Dầu khí



DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Vượt “khủng hoảng kép”, PVN duy trì vị trí Top 3 các Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2020 do Vietnam Report tổ chức. PVN có năm thứ 10 liên tiếp nằm trong Top 3 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

Đây là năm thứ 14 Bảng xếp hạng VNR500 được nghiên cứu và công bố nhằm tôn vinh những doanh nghiệp có quy mô lớn nhất Việt Nam, đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhiều đơn vị thành viên của Tập đoàn cũng đạt được vị trí cao như: BSR ở vị trí số 11, PVOIL vị trí 15, PV GAS vị trí 16, Vietsovpetro vị trí 28, PVEP vị trí 39 và PV Power ở vị trí 40. Ngoài ra, nhiều đơn vị của Tập đoàn cũng được ghi nhận trong danh sách Bảng xếp hạng 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020 như: PTSC, PVcomBank, PVI Holdings, Bảo hiểm PVI, PTSC M&C, PVTrans, PV GAS D, PVFCCo, PV Power Nhơn Trạch 2, PVCFC, PV Drilling và PVChem.





BẢNG XẾP HẠNG (PROFIT500) 2020

PVN liên tiếp duy trì vị trí dẫn đầu Bảng xếp hạng PROFIT500 - Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (2018, 2019, 2020) do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo điện tử VietNamNet - Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức. Bảng xếp hạng Profit500 được thực hiện nhằm tôn vinh các doanh nghiệp có khả năng tạo lợi nhuận tốt, có tiềm năng trở thành những cột trụ cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, đồng thời góp phần giới thiệu thương hiệu doanh nghiệp Việt tới cộng đồng kinh doanh trong nước và quốc tế.



DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TỐT NHẤT NĂM 2020

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power) đã có mặt trong danh sách “Top 50 công ty niêm yết tốt nhất” năm 2020 do Forbes Việt Nam đã tổ chức. Để được vinh danh trong danh sách Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2020 do Forbes Việt Nam bình chọn, PV Power và các doanh nghiệp cần đáp ứng tiêu chuẩn theo phương pháp xếp hạng của Forbes áp dụng trên toàn cầu, có xét đến yếu tố đặc thù của thị trường Việt Nam cho phép lựa chọn các công ty có hiệu quả kinh doanh tốt nhất thị trường chia theo từng lĩnh vực.

PV Power với mã cổ phiếu POW được đánh giá là một trong số các tên tuổi lớn liên tiếp xuất hiện trong danh sách này. Đây là sự ghi nhận rất đáng trân trọng cho những nỗ lực của POW kể từ khi chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần (1/7/2018). Ngay sau khi chuyển sàn Hose, POW lọt top 30 VN Index, đứng thứ 22 thị trường về giá trị vốn hóa và được cơ cấu vào danh mục đầu tư của nhiều quỹ lớn có uy tín trên thị trường. Những thành công liên tiếp của mã cổ phiếu POW cũng như sự đánh giá cao đến từ các tổ chức uy tín mang tầm quốc tế đang dần chứng tỏ sự lớn mạnh của PV Power trên sàn chứng khoán Việt Nam. Có được điều này là do PV Power luôn đề cao sự minh bạch để tạo niềm tin với nhà đầu tư, cổ đông và các thành viên thị trường, đảm bảo POW là một kênh đầu tư đáng tin cậy, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.





XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐỘC LẬP FITCH RATINGS

Năm 2020, PVN tiếp tục được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings đánh giá tín nhiệm độc lập ở mức BB+ và khẳng định Tập đoàn đã thực hiện tốt các chính sách bảo đảm quyền lợi, việc làm cho người lao động đầu khí trong bối cảnh khó khăn chung do “tác động kép” của dịch Covid-19 và giá dầu sụt giảm sâu.

Đây là mức tín nhiệm tích cực giúp PVN nâng cao khả năng huy động vốn trên thị trường quốc tế, đa dạng hóa nguồn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn trong bối cảnh hạn chế bảo lãnh của Chính phủ. Mức tín nhiệm này khẳng định tình hình kinh doanh và tài chính vững mạnh của Tập đoàn cũng như triển vọng kinh doanh tích cực trong tương lai. Đây là cơ sở đảm bảo về năng lực tài chính và kinh doanh của PVN, đem lại sự tin tưởng cho các nhà đầu tư, tổ chức tài chính trong và ngoài nước, đối tác chiến lược, đặc biệt trong giai đoạn PVN đẩy mạnh công tác tái cấu trúc hiện nay.

CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ



Với những thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua giai đoạn 2015-2020, PVN vinh dự được nhận Cờ thi đua của Chính phủ tại Đại hội Thi đua yêu nước Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp lần thứ nhất. Đại hội Thi đua yêu nước này nhằm tôn vinh những tấm gương tiêu biểu

là Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua, tập thể điển hình tiên tiến và cá nhân xuất sắc giai đoạn 2015-2020.

Trong giai đoạn 2015-2020, công tác thi đua, khen thưởng của PVN đã không ngừng được đổi mới về cả hình thức, nội dung và chất lượng. Các phong trào thi đua thực sự đã gắn với nhiệm vụ chính trị chung trong toàn ngành, đã phát huy hiệu quả trên các công trình trọng điểm, đến nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, thi đua thực sự đã trở thành động lực cho phát triển bền vững của từng đơn vị và của cả Tập đoàn.

Với những thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, PVN vinh dự là một trong 8 tập thể xuất sắc của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đón nhận Cờ thi đua của Chính phủ.



TUYÊN DƯƠNG ĐIỂN HÌNH “DÂN VẬN KHÉO”

Đảng bộ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có 3 tập thể và 1 cá nhân được tuyên dương trong Hội nghị Tuyên dương điển hình “Dân vận khéo” giai đoạn 2016-2020 do Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương tổ chức. Công tác dân vận góp phần chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đảng viên và người lao động; quá trình cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước hiệu quả. Các tập thể của Tập đoàn được tuyên dương gồm: Đảng bộ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC); Đảng bộ Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS) và Đảng bộ Xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan thuộc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro. Cá nhân được tuyên dương là đồng chí Nguyễn Đức Hạnh, Ủy viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn PVCFC.



TUYÊN DƯƠNG “NGƯỜI THỢ TRẺ GIỎI” TOÀN QUỐC LẦN XI NĂM 2020

Năm 2020, Đoàn Thanh niên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có 13 đoàn viên tiêu biểu, xuất sắc đến từ các đơn vị VSP, PV GAS, PVFCCo, PVCFC và PTSC được vinh dự nhận giải “Người thợ trẻ giỏi” toàn quốc lần XI năm 2020.

Đây là những cán bộ, kỹ sư, công nhân trẻ đã có nhiều sáng kiến, sáng chế đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua lao động, góp phần tích cực vào hoạt động sản xuất kinh doanh của từng đơn vị và sự phát triển chung Tập đoàn.







TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
VIETNAM OIL AND GAS GROUP

Địa chỉ trụ sở chính:

Số 18 Láng Hạ, phường Thành Công,
quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Tel: (84 - 24) 38252526

Fax: (84 - 24) 38265942

Website: www.pvn.vn